

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Wason
AP95
V6 P57
No 36-40

PHỔ THÔNG

TẠP CHÍ

GIỚI PHẠM: KỸ THUẬT VÀ THƠ VIỆT NAM
PHỞ BIÊN: VĂN HỌC ĐÔNG TÂY KIM CỠ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 3 — BỘ MỚI SỐ 36 — 13-6-1960

1.— Xin gửi lời khen tặng	Nguyễn-Vỹ	5 — 9
2.— Những áng thơ hay	Thăm-thệ-Hà	10 — 13
3.— Lương tâm khoa học	Oscar Wilde	14 — 15
4.— Mưa khuya (truyện ngắn).	Mặc Thu	16 — 19
5.— Hát bội.	Thân-Văn	20 — 26
6.— Hồ-hững (thơ).	Vân-Khanh	27
7.— 3 mối tình của Richard Wagner	Tân-Phong	28 — 36
8.— Di tích người Chăm.	Nguyễn Triệu	37 — 41
9.— Ngõ lối (chuyện ngắn)	Phương-Anh	42 — 48
10.— Thi văn quốc tế (thơ Nam Dương).	Walugati	49
11.— Thái-Phiên với cuộc khởi-nghĩa.	Thiện-Sinh	50 — 56

12.— Văn-sĩ thi sĩ tiền chiến.	Nguyễn-vỹ	57 — 60
13.— Hai mùa phượng (thơ)	Hoàng-hương-Trang	61
14.— Những người đàn bà lưng danh	Tân-Phong	62 — 68
15.— Boris Pasternak.	P. T.	69 — 70
16.— Minh ơi	Diệu-Huyền	71 — 77
17.— Tâm sự Nguyễn-Du	Nguyễn-đình-Diệm	78 — 79
18.— Cô gái điên.	Vi-huyền-Đắc	80 — 84
19.— Núi bán nước.	Nguyễn-bá-Thế	85 — 87
20.— Một bài thơ nửa giã gạo.	Phù-giang-Quân	88 — 92
21.— Thơ lên ruột	Diệu-Huyền	93 — 94
22.— Chuyện Cà kê.	Ba-Tèo	95 — 98
23.— Sách báo mới.	P. T.	99
24.— Kiên-trình	Cô Vân-Nga	100 — 107
25.— Bạn đọc viết	P. T.	108 — 110
26.— 4.000 năm ca-dao	Ba Tèo	111 — 114
27.— Đáp bạn bốn phương	Bạch-Yến và Diệu-Huyền	115 — 130

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . . Cô Diệu-Huyền

★ Bản kẽm Nguyễn-Văn-Dầu

★ Bìa Offset Vĩnh-Huê

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chi **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chi **PHỒ-THÔNG**, và đừng viết tắt.

● Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

● Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

4179 872
191

★ ★ ★ ★ ★
★ Xin gửi lời ★

★ KHEN TẶNG ★

★ các nhà Bác-học Việt-Nam ở Pháp ★

TRONG lúc trình-độ học vấn ở Nước nhà rất kém cỏi, khiến chúng tôi đã phải viết nhiều bài kêu gọi Bộ Quốc Gia Giáo-Dục hãy đặc biệt lưu ý đến việc đào-tạo Nam Nữ Thanh-niên ta cho có một căn bản trung-học và đại-học vững-vàng để theo kịp trào lưu tiến triển quốc-tế, thì chúng tôi vui mừng và sung-sướng theo dõi những tiến bộ rất đáng khuyến-khích của một số các nhà Bác-học và các bạn Sinh-viên Việt-Nam ở Hải-ngoại đã tham-gia vào các công-kuộc nghiên-cứu khoa-học có kết quả mỹ-mãn, được ghi trong các Tạp-san của **HÀN-LÂM VIỆN KHOA HỌC PHÁP**, trong hai kỳ lục cá-nguyệt 1959, ở Paris. Chúng tôi thành thật cảm ơn bạn **DU-TÂN** (Hội Sinh-viên Khoa-học và Kỹ-thuật Việt-Nam ở Paris) đã gửi cho chúng tôi những tài liệu sau đây mà chúng tôi xin dâng trọn vẹn lên *Phồ-Thông Tạp-chí*, để các bạn Sinh-viên nước nhà và các giới văn-hóa thấy rõ những cố gắng thông-thái và những khả-năng siêu-việt của các nhà Bác-học trẻ tuổi Việt-Nam trong phạm-vi Khoa-học quốc-tế.

Chúng tôi xin thành thật gửi lời khen tặng các Bạn, và xin các Bạn tin rằng *Độc-giả Phồ-Thông Tạp-chí*, cũng như các giới trí-thức ở Nước nhà, đều vui mừng và hãnh-diện được nhìn thấy những kết quả tốt đẹp của các Bạn làm vẻ-vang cho thanh-niên ta và dân tộc ta.

N.V.

LUẬN ÁN KHOA-HỌC và CÔNG TÁC KHẢO CỨU

của các nhà Bác-học Việt-Nam đã trình bày tại Hàn-Lâm-Viện Khoa-học Pháp, ở Paris năm 1959 :

- 1) Jean Rigaudy et **NGUYỄN-KIM-CƯỜNG** : Dihydro — 1,4 et dihydro — 1,2 anthracènes.
- 3) **NGUYỄN-VĂN-DÔNG**, Lydie Koch, Pierre Baruch et Pierre André : Influence de bombardements électroniques de haute énergie sur la conductibilité du germanium
- 2) **ĐẶNG-QUỐC-QUAN** : Sur les dichlorocyclohexanones
- 4) Pierre Marin et **BÀNG-VÕ-XUÂN** : Mesures des déphasages dans la diffusion $n-4H\alpha$
- 5) **NGUYỄN-PHÚC BỬU-HỘI**, Louis Petit et **NGUYỄN ĐẠT-XƯƠNG** : Sur quelques nouveaux pyrimidazoles 2 — substitués aza — 6 et aza-8
- 6) **ĐẶNG - VĂN - LIÊM** : Embryogénie des Buxacées. Développement de l'embryon chez le Buxus sempervirens
- 7) **HAI VU** et Boris Vodar : Perturbation de la bande fondamentale de vibration-rotation de $C1H$, dans les mélanges avec des gaz neutres sous hautes pressions : Etude de l'effet de température
- 8) **MINH-NGUY-THĂNG** : Réductions des nitrates et assimilation du glucose par chlorella pyrenoidosa. Incorporation du glucose — 14C en présence et en absence des nitrates
- 9) **VĨNH-ĐÌNH-HUỠNH**, Jean Julien, Charles Corge, Francis Netter et Jovan Simic : Détermination du spin des niveaux excités lors de la capture des neutrons par le tungstène 183
- 10) **VO-QUANG-YẾN**, Paul Cadiot et Antoine Villemart : Chloro-1 aryl-1 propénals — 3
- 11) **HAI VU** et Boris Vodar : Perturbation de la bande infrarouge fondamentale de $C1H$ dissous dans des gaz liquéfiés et dans des gaz solidifiés par compression

12) Léon Denivelle, Roland Fort et **PHẠM-VĂN-HAI** : Etude structurale de pentachloro-pentachlorophénoxychlorohexadiénones et des tétrachloro-pentachlorophénoxy phénols qui en dérivent

13) Jean Louis Destouches et **PHẠM-XUÂN-YÊM** : Interactions entre matière et rayonnement en théorie fonctionnelle

14) Fernand Caujolle, Jean-Claude Godfrain, Denise Meynier et **PHẠM-HỮU-CHÁNH** : Toxicités comparées du chromate et du molybdate de sodium pour le chien après administration par voie intraveineuse.

15) Roger Servant, Claude Augoyard et **NGUYỄN NGỌC CHÂU** : Sur la structure hyperfine des signaux de résonance électronique du glycolle irradié.

16) **VŨ QUANG KÍNH** et Gérard Montel : Sur la décomposition du monofluorophosphate de calcium et la formation du pyrophosphate de calcium métastable

17) Paul Larroque et **NGUYỄN QUÁT TI** : Formation de macles par condensation d'une vapeur métallique sur une face (111) d'un monocristal de cuivre. I. Dépôts de cuivre.

18) Lucien Lafourcade, Paul Larroque et **NGUYỄN QUÁT TI** : Formation de macles par condensation d'une vapeur métallique sur une face (111) d'un monocristal de cuivre. Dépôts d'or

19) Gabriel Monod-Herzen et **NGUYỄN CHUNG TU** : Variation de la luminescence de l'iodure de cadmium activé au plomb avec la concentration et avec la température

20) Charles Corge, **VINH ĐÌNH HUỠNH**, Jean Julien, Shamin Mirza, Francis Netter et Jovan Simic ; Caractéristiques de niveaux excités lors de la capture des neutrons d'énergie intermédiaire par le tungstène et le platine

21) **ĐẶNG QUỐC QUAN** : Sur les dichlorocyclohexanones : l'isométrie géométrique

22) Eliane le Breton, Arlette Jacob, **LÊ VĂN HUNG** et Teresa Remolina : Action de la thyroxine activée par la coenzyme A sur la glycolyse des coupes de foie en milieu tyrode

23) **NGUYỄN PHÚC BỬU HỘI** et Pierre Jacquignon : Sur

les propriétés complexantes des anhydrides bromo-4 naphthalique et nitro-3 naphthalique

24) **NGUYỄN HỮU ĐOAN** : Rapport des intensités des raies D2 et D1 du sodium émises dans la haute atmosphère du crépuscule et pendant la nuit

25) Eliane le Breton, Arlette Jacob, **LÊ VĂN HUNG** et Teresa Remolina : Etude des effets de la thyroxine activée sur la glycolyse aérobie des coupes de foies de rat en milieu complet (Le Page), Mécanisme d'action de l'hormone

26) Jean Miguet, Raymond Havez et **TRẦN VĂN KÝ** : Les possibilités d'applications aux champignons pathogènes de la méthode d'Ouchterlony et de l'immunoélectrophorèse

27) **Ng. Ph. BỬU HỘI** et **NGUYỄN ĐẠT XƯƠNG** : Sur l'activité cholérétique des alcools aromatiques secondaires

28) Jean Rigaudy et **KHÁ VĂN THĂNG** : Déshydratation des fluorényl-9 et xanthyl-9 carbinols tertiaires. Nouveau cas d'élimination suivant la règle d'Hofmann

29) Jean Cheymol, Pierre Chabrier, Mohamed Selim et **NGUYỄN THANH PHƯỢNG** : Nouvelle méthode de préparation des amides et des diamides de l'acide orthophosphorique

30) **NG. PH. BỬU HỘI** et Denise Davit : Sur le dihydro — 5,10 dibenzo — 3,4 : 8,9 pyrène et le dihydro — 5,8 dibenzo — 3,4 : 9,10 pyrène

31) **PHAN VĂN LỘC** : Densité de source et principe de Huygens en théorie de l'électron de Dirac

32) **NGUYỄN TRÌNH DZOANH** : Observations sur la contre-émission et son intervention dans les générateurs de haute tension

33) Joseph Wiemann, **LÊ THỊ THUẬN** et Dominique Ramé : Condensation de l'oxyde de mésityle et du trioxyméthylène par la magnésie

34) **NG. PH. BỬU HỘI** et Pierre Jacquignon : Sur la préparation et les propriétés complexantes de l'anhydride bromo — 4 dinitro — 3,6 naphthalique

35) **LƯU THOÀLSUM** : Hélice carénée théorie et calcul ana-

logique et l'effet d'un jet mince annulaire au bord de fuite

36) Jean Jacques Couderc, Jean Garigue, Lucien Lafourcade et **NGUYỄN QUAT TI** : Sur la formation d'or et de cuivre hexagonaux par condensation de vapeur sur la face du clivage (0001) de monocristaux de zinc

37) **NGUYỄN VĂN ĐÔNG** et André Barraud : Influence des neutrons rapides sur la recombinaison des paires "électron-trou" dans le germanium

38) **DANIEL PHAM** et Monique Ghinea : Sur une méthode d'itération dans la théorie des équations

39) **NGUYỄN QUÁT TI** : Mise en évidence de deux espèces de macles dans les dépôts de cuivre obtenus par vaporisation thermique sur une face (111) d'un monocristal de cuivre

40) **NG. PH. BỬU HỘI** et Pierre Jacquignon : Propriétés complexantes des anhydrides dinitronaphthalique et bromonitronaphthalique

41) **ĐẶNG VĂN LIÊM** : Embryogénie des Euphorbiacées. Développement de l'embryon chez l'Euphorbia palustris

42) **MINH-NGUY-THANG** : Incorporation de 15 N des nitrates en présence de glucose par Chlorella pyrenoidosa à l'obscurité

43) Jean Jacques Couderc, Jean Garigue, Lucien Lafourcade et **NGUYỄN QUAT TI** : Effets dynamiques dans les diagrammes par réflexion des dépôts de cuivre sur cuivre contenant plusieurs macles.

43) **HAI VU** et Georges C. Turrell : Perturbations à basse température de l'acide bromhydrique en solution gazeuse, liquide, solide dans l'argon, l'azote et l'oxygène



Trong *Phô-Thông* số sau, chúng tôi sẽ bình-luận về những kết quả đáng khuyến-khích trên đây.

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

★ THẨM-THỆ-HÀ

Thu Xưa

Một chiều ủ-rủ bên sông vắng
Mà cánh phù dung đỏ khắp bờ
Người đẹp chờ thuyền qua
 bến mộng,
Màu da màu áo trắng như mơ...
Môi hồng thiếu phụ buồn man
 mác,
Hoa rụng trong thu gọn ngậm
 ngùi...
Một cánh hoa rơi rồi một
 cánh,
Lòng ta tàn một chút gì vui...
Buồn vẫn mắt nhung xinh đẹp
 quá,
Am thầm ủ một mộng yêu-
 đương ;

Thu xưa... từ độ thu xa lắm,
Hắn một tình duyên đã lỡ làng!

Bờ thu đỏ nhuộm màu hoa
 rụng,

Chẳng một con thuyền đậu bến
 sông ;

Thiếu phụ mong gì... hoa đã
 rụng t

Trời chiều, lại lỡ một chờ
 mong t

Lòng ta buồn bã từ hôm ấy,

Và mỗi chiều thu nắng đẹp tàn,

Nhìn bóng phù dung rơi bến
 vắng,

Nhớ người thiếu phụ, nhớ yêu
 đương...

J. LEIBA



M Û A thu từ nghìn xưa
đã gọi cho thi-nhân biết
bao là thi hứng. Ai đã từng
thưởng thức những áng thơ thu

trác - tuyệt của Paul Verlaine,
Bạch Cư-Dị, Đỗ-Phủ, Nguyễn-
Khuyến, Nguyễn - Du... mà
không cảm thấy sắc thu với với

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

và tình thu man mác trong
lòng ? Ai đã từng thưởng thức
những vần thơ, thu diễm lệ của
*Thái-Can, Xuân - Diệu, Lưu-
trọng-Lưu, Chế-Lan-Viên...* mà
không cảm thấy tiếng thu trời
đầy khắp không gian, bao trùm
khắp vạn vật ? Nhưng bài thơ
thu chứa đựng nhiều màu sắc
đẹp, nhiều hình ảnh nên thơ,
nhiều ý tình thấm thiết nhất có
 lẽ là bài **THU XƯA** của thi
sĩ **J. LEIBA**.

Một chiều thu xưa, tình cờ
thi sĩ trông thấy giai nhân đang
chờ thuyền bên sông vắng.
Một bức tranh tuyệt mỹ nổi
bật lên trước mắt người
thơ. Hai vẻ đẹp u - buồn và
thanh nhã đang hòa - hợp nhau
trong những màu sắc nhịp-
nhàng : vẻ đẹp của người và vẻ
đẹp của cảnh.

Một chiều ủ-rủ bên sông vắng

Mà cánh phù-dung đỏ khắp bờ,
Người đẹp chờ thuyền qua bến
 mộng,

Màu da màu áo trắng như mơ...

Còn gì đẹp hơn cảnh bến
nước chiều thu, với những
cánh phù dung phôi sắc đỏ bên
bờ sông vắng. Còn gì đẹp hơn

cảnh giai nhân chờ thuyền qua
bến mộng, màu trắng của da và
màu trắng của áo hòa hợp
nhau một màu sắc tinh anh.

Với hai màu dung-dị, tác giả
đã phác họa thành một bức
tranh thủy-mặc nên thơ. Diệu
thơ trầm trầm diễn-đạt được vẻ
u-buồn của bến vắng. Hai chữ
«mộng» và «mơ» đối nhau để tạo
thêm những nét đẹp diễm-huyền.

Cảnh chiều thu đã buồn,
người trong cảnh lại còn buồn
chan-chứa. Thi-sĩ đã tìm thấy
vẻ buồn của nàng u-ẩn trên làn
môi, ngậm-ngùi theo hoa thu
rụng :

Môi hồng thiếu-phụ buồn man-
 mác,

Hoa rụng trong thu gọn ngậm-
 ngùi...

Một cánh hoa rơi rồi một cánh,
Lòng ta tàn một chút gì vui...

Cảnh và Tình ở đây có sự
tương-quan mật-thiết với nhau
khiến cho người thơ không còn
phân biệt : cảnh buồn vì người
buồn, hay người buồn vì cảnh
buồn ? Vốn có một tâm hồn đa-
cảm, thi-nhân chỉ biết buồn lây
với người, với cảnh, khi nhìn
những cánh hoa rơi tả rời cảnh-

Bốn câu thơ chan hòa một nhạc điệu u-hoài thắm-thía. Những tiếng « man mác », « ngậm ngùi » nối tiếp nhau ở cuối câu, làm cho điệu thơ-lương, áo-não như còn ngân dài và vương-vấn mãi lòng người.

Nhìn đôi mắt nhung xinh-đẹp của nàng, thi-sĩ cảm thấy như trong ấy nàng đang âm-thầm ủ một mộng yêu-đương, từ một mùa thu xưa nào, xa lắm :

Buồn vẫn mắt nhung xinh-đẹp quá,

*Âm-thầm ủ một mộng yêu-đương;
Thu xưa... từ độ thu xa lắm,
Hắn một tình-duyên đã lỡ-làng!*

Chữ « buồn vẫn » ở đầu câu, tác-giả dùng thật là tài tình, khéo léo. Chữ « buồn » có công dụng chuyển mạch từ đoạn thơ trên xuống đoạn thơ dưới một cách nhất trí, vừa đưa hơi văn một cách êm-ái, dịu-dàng. Chữ « vẫn » diễn-đạt được vẻ mơ-màng của đôi mắt như che bởi một bức màn vô hình. Đôi mắt nhung đã đẹp, đôi mắt nhung vẫn buồn lại càng đẹp biết bao nhiêu ! Nhưng càng đẹp, nó lại càng thể hiện rõ rệt những cái gì sâu kín tận tâm.

tư. Cho nên thi sĩ đoán rằng nàng đã yêu và đã đau khổ vì tình yêu dang dở.

Nàng vẫn đứng lặng bên bờ sông như một pho tượng ngọc, thân mình yếu-điệu của nàng phản chiếu lộng-lẫy trên bờ thu đỏ sắc phù-dung. Dòng sông chiều vẫn quạnh-quê đìu-hiu, không một con thuyền ghé bèo :

*Bờ thu đỏ nhuộm màu hoa rụng,
Chẳng một con thuyền đậu bến*

*sông ;
Thiếu phụ mong gì... hoa đã rụng !*

Trời chiều, lại lỡ một chờ mong !

Thật là một cảnh đẹp nào-nùng ! Thiếu phụ mong gì ? Nàng mong một chuyến đò lơ hẹn hay đợi người xưa về nhật lại cánh hoa thê ? Người xưa không về mà đò cũng vắng bóng, và cánh phù dung vẫn rời cảnh từng chiếc, và bóng hoàng-hôn lại báo lữ cuộc mong chờ...

Tác giả đã khéo léo dùng điệp vận « rụng » thành vần tréo (rimes croisées) ở cuối câu nhất và cuối câu ba, gọi cho ta liên-tưởng đến hình-ảnh những chiếc hoa nối tiếp nhau rụng nhuộm đỏ cả bờ thu. Hình ảnh ấy làm

cho ta ngậm-ngùi nghĩ đến cảnh tàn phai của một đời hoa đầy hương sắc. Hoa và người ở đây có khác gì nhau ?

Thế rồi từ đó thi-sĩ mang trong lòng hình-ảnh của những cánh hoa rơi. Để những buổi chiều thu nắng đẹp tàn, chàng lại dời chân ra bến mộng, gửi nhớ nhưng về cho người đẹp viễn-phương :

Lòng ta buồn bã từ hôm ấy,

Và mỗi chiều thu nắng đẹp tàn,

Nhìn bóng phù dung rơi bến vắng,

Nhớ người thiếu phụ, nhớ yêu-đương...

Tác-giả mượn một hình-ảnh để gọi lại một hình-ảnh. Phương-pháp *Hồi tưởng* được thi-nhân áp-dụng đến một mực-độ rất tinh-vi. Bốn câu thơ trầm buồn đã làm lung - linh hai cảnh : cảnh tự ngoại-vật và cảnh tự

nội-tâm. Từ cảnh ấy lại phát-tiết ra những tình cảm quyện vào nhau, vương-vấn hồn thi-nhân, rồi lan ra bao trùm cả không-gian và thời-gian muôn-thuở.

THU XƯA là một bài thơ đẹp nhất trong những áng thơ đẹp của J. Leiba. Màu sắc của *Thu xưa* gieo cho ta những ấn-tượng dịu-dàng êm mát. Hình ảnh của *Thu xưa* như khắc sâu vào tâm não ta những vẻ đẹp diễm-huyền. Tình cảm của *Thu xưa* vương - vít lòng ta như những làn hương thoang thoang, bằng bạc trên ngàn cây ngọn cỏ, lè-thê trên cánh gió, đài hoa.

Nhạc-điệu *Thu xưa* làm cho lòng ta rung - động nhẹ - nhàng trong những cảm - tình luyện-nhớ: luyện những cảnh, tình thơ-mộng và nhớ dáng hình của người đẹp sông thu.

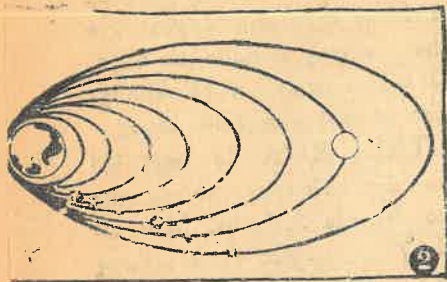
THẨM-THÊ-HÀ

★ DANH NGÔN

*Người là một cây sậy biết suy nghĩ.
(L'homme est un roseau pensant)*

PASCAL
(Triết-gia Pháp)

LƯƠNG TÂM KHOA HỌC



Ộ T nhà bác học nổi danh và hay khoe mình đã tìm ra luật vận động « tự nhiên ».

Ấy là một sự phát minh kỳ dị. Để công bố điều đó, ông ta tổ-chức một phiên nhóm trọng thể mời các nhà hàn lâm trong nước, Nghị viện và đức Hoàng-đế, đến dự. Đây là lời tuyên-bổ của nhà bác học : trên một mặt phẳng, một khối tròn lớn, không có động cơ nào cả, mà vẫn tự chuyển-động và lăn đi được.

Sáng sớm trong ngày có phiên nhóm đó, nhà thông thái rất lấy làm phân vân. Trong lúc ấy nhớ ông ta tính nhằm làm sao ? Như thế thì danh vọng và những công trình vất

vả của ông ta từ trước đến nay còn gì ! Một đứa trẻ đi ngang qua chỗ nhà bác học đang trầm ngâm suy nghĩ. Nhà thông thái bèn gọi đứa bé và bảo nó :

— Có phải là em thích những hòn bi, những con quay và những thứ kẹo, bánh lăm không ? Để có những thứ đó, em hãy đến sớm một chút, trước ba giờ ở công viên thành phố. Em sẽ thấy một vật tròn lớn ở đó. Bên trong nó trống rỗng chẳng có gì. Em sẽ chui qua cái lỗ ở trên và vào ngồi yên trong đó cho đến khi tôi đến cùng với một nhóm người khác. Bấy giờ tôi sẽ nói rất nhỏ nhưng rất rõ ràng cho em hay : « Khối tròn, lăn đi ». Và em sẽ động mình cho khối tròn nó lăn. Em nghe rõ chưa ?

— Thưa ông, vâng.

Đến giờ đã định, các nhà hàn

★ OSCAR WILDE



lâm, nghị viện và đức Hoàng-đế, tất cả đều đến chứng kiến cuộc thí nghiệm vì xứ sở của nhà phát minh sẽ chia phần uy tín với ông ta.

Và khối tròn đã lăn.

Người ta vỗ tay. Người ta reo lên vì hiện tượng lạ lùng.

Nhưng, nhà bác học lại khóc. Qua tràng thổn thức ông ta thú thật :

— Xin các ngài thứ lỗi cho tôi ! Dầu sao cái lương tâm khoa học của tôi vẫn mạnh hơn lòng khoe khoang về sự thông thái của tôi. Tôi đã đánh lừa các ngài. Sự thật tôi cũng không hiểu vì sao tôi đã tìm ra luật vận động tự-nhiên, Vàng, cái khối tròn đã lăn, nhưng trong ấy có một đứa bé.

Một tràng nguyên rủa, la ó, xỉ vả nổi lên.

— Tên bip bọm, người đã phỉ báng nền khoa học của xứ sở người, nhà vua giận dữ thét. Người sẽ vào tù chung thân. Vệ binh đầu, đem tên này đi.

Trong khi nhà bác học bị đưa vào nhà giam, buồn rầu giữa những lời mỉa mai thì đám đông đã đi qua đến một khúc đường. Một đứa bé, bỏ dở cuộc chơi « thức mạn » với chúng bạn, chạy đến bên nhà bác học :

— Thưa ông, em đây, ông biết chứ, đứa nhỏ ông đã gặp sáng nay đó. Ông tha lỗi cho, vì bị các bạn giữ lại chơi trò « thức mạn » vui quá... nên em đã không đến công viên được. Ông đừng giận em nhé... Chắc ông cũng hiểu là trò chơi « thức mạn » này vui lắm ! Em mong rằng ông không quên phần bi, con quay và kẹo bánh của em chứ ?

Nhà bác học nở một nụ cười vui khôn xiết. Ông ta khê búng má đứa bé và cho nó một đồng tiền vàng đẹp để mua đồ chơi và kẹo, bánh. Và, không một lời nào, lòng hết sức sung sướng, ông ta hướng về phía nhà lao.



HUYỀN-VI dịch

mưa
khuya

★ MẶC THU

SON một nhọc dựng xe máy ở cánh cửa rồi đi thẳng vào trong nhà.

Thúy đương bón cơm cho con ở cửa, Sơn cũng chẳng buồn nhìn. Mọi khi có điều vui trong lòng, Sơn đã ôm lấy con mà nựng, hoặc ít nữa cũng mỉm cười với Thúy.

Thúy nhìn theo Sơn, khe nén một tiếng thở dài. Cứ nhìn về mặt của Sơn, Thúy cũng thừa đoán là bữa nay Sơn lại về với túi không như mọi bữa.

Sáng nay, lúc Sơn mặc áo ra đi, Thúy ngập ngừng mãi rồi cũng phải nhắc Sơn : nhà đã hết gạo, hết than...

Thúy dặn Sơn cố chạy lấy, không được nhiều thì ít, một món tiền nhỏ để chi dụng lấy vài ba

ngày, rồi lại kiếm cách chạy sau. Ở đây và nhất là lúc này, chẳng còn hi-vọng vay mượn được của ai. Lúc Sơn ra đường rồi, Thúy mới hối-hận là đã dặn chồng một câu thừa. Chẳng dặn thì Sơn cũng phải cố gắng bằng tất cả sức của anh. Câu dặn ấy như tự đầu mà có chớ chẳng phải của Thúy.

Tự ít lâu nay, Thúy rất sợ ban ngày. Cái ban ngày đầy lo nghĩ, có bao nhiêu cái thiếu thốn nó dày vò, day dứt người đàn bà như một cái lưới nhện, không có lối thoát. Trong chiếc lưới ấy, Sơn và Thúy như hai con rười đã mắc bẫy, càng vùng vẫy tại lưới lại càng thắt chặt.

Chỉ về đêm, Thúy mới thấy vui vui đôi chút. Những lúc đó

Thúy được gần chồng. Thúy thường tự nhủ : một ngày đã qua, đâu có cực khổ. Thúy lại tin vào ngày mai, hi vọng vào ngày mai sẽ có một cái gì may mắn bất chợt đến với vợ chồng Thúy.

Mỗi sớm mai cứ mở choàng mắt ra Thúy lại giật mình. Sơn thì bật dậy như một cái lò xo, mặc quần mặc áo rồi lao đi ra cửa.

Thúy lại ngơ ngẩn hồi lâu, rung rung nước mắt mà thương chồng. Nhiều lúc, Thúy cũng giận mình bất lực chẳng thể làm sao giúp chồng trong cơn cơ-nhờ này.

Vợ chồng Thúy lâm vào cảnh túng thiếu từ khi mất việc ở một nhà báo. Chẳng phải người ta cho Sơn nghỉ việc, mà vì nhà báo lỗ lã quá nhiều đã tự ý đóng cửa. Sơn cũng đã xin việc ở những nhà báo khác, nhưng chỗ nào cũng đã đủ người làm. Sơn đành quay ra viết sách cho một nhà xuất bản. Những sách Sơn viết đều do nhà xuất bản đặt theo thị hiếu của người đọc, với một cái giá rẻ mạt. Sơn cứ cầm đầu, nhắm mắt mà viết. Viết để cướp lấy cái sống cho vợ và con. Sơn viết cả những sách mà ngày

trước khi còn có việc làm, anh đã công - kích kịch-liệt. Những cuốn sách có nội dung ủy mị hèn yếu, và sa đọa. Những cuốn sách mà Sơn vẫn cho là những chất ma-túy đầu độc quần-chúng. Người ta biết là hại đấy mà vẫn ham đọc, say sưa đọc.

Tất cả mục phiêu của Sơn là viết để giao nhà xuất bản sao cho hợp với ý họ, để họ không nhăn mặt, lắc đầu và cuối cùng chịu mở két bạc ném trả cho anh một món tiền. Món tiền ấy, Sơn mau mau cầm lấy đưa về cho vợ đi đóng gạo, mua than... để vợ chồng anh, con anh cầm hơi mà sống. Còn thì viết gì cũng thâm kệ, anh không còn cần tính toán lợi hại cho xã hội hay không nữa.

Đôi lúc, Sơn cũng giật mình về những sách anh viết. Sơn lại khinh mình. Anh ngồi ngẩn ra thăm hỏi tại sao và tự đầu anh lại có can đảm làm trái với lý-tưởng của anh, của người cầm bút. Sơn nhớ lại, khi bắt đầu vào nghề cầm bút, anh đã tự tuyên thệ sẽ khinh thường đối rết cũng như danh vọng để giữ cho trong sạch ngòi bút của anh. Cũng vì bước vào nghề cầm bút mà anh đã bị gia-đình anh từ bỏ. Cha Sơn, một

nhà thầu khoán giàu có, đầy đủ kinh nghiệm nghề nghiệp như một con cáo già biết cân-nhắc hành-động từng nét đi, nhịp thở, chỉ muốn Sơn nổi nghiệp. Nếu muốn giàu sang thì chắc chắn Sơn đã giàu sang. Thế mà Sơn đã hành-diện với cái nghiệp mà anh chọn. Để cho đến bây giờ, ngòi bút của Sơn nghiêng chìm vào những cuốn sách tội lỗi, hết cuốn này tới cuốn khác.

Những phút hối-hận ấy rồi cũng qua nhanh. Sự sống của vợ con Sơn vùn vụt lên lặn át tất cả. Sơn thường tự khuyến-khích mình : vợ mày đói, con mày đói, mày có thể ngồi đấy mà giữ lấy cái đạo-đức của mày không ? Mày có thể chỉ vì không muốn làm trái với lý-tưởng cao-thượng của mày mà để cho vợ mày đói quá phải đi làm đĩ, con mày đói quá phải lê la trộm cắp được không ?

Ồ ! xã - hội ! xã - hội có thêm một mày trong sạch nó cũng không thể trở nên trong sạch được kia mà ! Đạo - đức nó là một món trang sức tinh-thần của những lớp người ăn không ngồi rồi, dư tiền, dư của mới nghĩ đến !

Còn mày ! Hãy cứ làm đi ! Lý-tưởng duy nhất của mày bây

giờ là làm sao nuôi nổi vợ con mày một cách hợp pháp để vợ con mày cũng được sống đủ hai bữa như mọi người, quần áo lành lặn và không bị ai đẩy vò, hành hạ nữa...

Sơn nghe theo tiếng nói ấy và không dám phân tích, lý luận xem nó đúng hay sai.



NGỌN đèn đầu ngõ đã bật sáng. Sơn vẫn nằm vắt tay lên trán y nguyên một giáng điếu. Thúy vẫn ôm con ngồi dưới bếp khóc thút-thít.

Lòng Sơn se sắt một nỗi hối-hận. Anh thầm trách mình đã quá lời với Thúy. Vợ chồng Sơn vừa qua một cơn cái cọ vì một lý-do chẳng đáng gì.

Lòng Sơn oi bức hâm-hấp như một buổi trời sắp có cơn giông. Những câu nặng nề Sơn nói ra như không phải tự Sơn mà có vậy.

Mâm cơm dọn ra để trên bàn, cả hai vợ chồng còn bỏ đấy chẳng ai chịu ăn.

Sơn lim-dim cặp mắt rồi ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Đến chừng mở mắt ra thì anh đã thấy Thúy nằm ngủ bên.

Lối xóm yên lặng. Sơn biết

rằng đã khuya, lối hai hay ba giờ sáng. Thúy nằm quay lưng về phía Sơn thỉnh-thoảng lại khẽ thở dài rất nhẹ.

Dưới nhà dứa nhỏ cửa mình. Người vú già lại đập quạt phành-phạch. Trời vẫn oi bức. Không-khí tung tức như muốn vỡ ra. Mồ hôi Sơn râm - rấp trên trán. Sơn vói tay toan lấy cái quạt giấy.

Một trận gió nhẹ bỗng thổi vào vào làm phơ phất một cánh màn.

Bất giác Sơn nắm lấy cánh tay Thúy khẽ kéo Thúy nằm xoay lại. Nhưng Thúy dần lại cứng ngắt. Sơn mỉm cười biết Thúy vẫn còn giận.

Gió lùa vào mạnh hơn, liên tiếp làm căng phồng hẳn một cánh màn như cánh bướm no gió ngoài khơi.

Sơn thấy man-mát ở thái-dương như có bàn tay ai ve vuốt. Con mưa sắp tới. Không-khí nhẹ hẳn đi. Nỗi khó chịu từ hồi chiều

trong lòng Sơn bỗng nhiên cũng dịu đi hẳn.

Những hạt mưa đầu đã rụng lộp độp trên mái ngói. Rồi nước như trút xuống.

Sơn khoan khoái nghe như có cả một nguồn nước lườn vào từng thớ thịt của anh.

Thúy khẽ cựa mình, nhưng vẫn ngánh mặt ra phía ngoài giương. Sơn nghiêng đầu ngắm đôi vai tròn trặn của Thúy. Cả một tấm lưng thon nhỏ nằm xoải ra trước mắt Sơn. Sơn nhận thấy Thúy vẫn còn gọn như buổi nào.

Anh khẽ đặt tay lên cánh tay Thúy. Thúy nằm yên. Sơn nắm chặt lấy cánh tay Thúy, kéo lại.

Thúy có vẻ hơi cứng, nhưng rồi cánh tay cũng mềm đi để mặc cho Sơn kéo quay sang phía Sơn.

Mưa bên ngoài mỗi lúc mỗi nặng thêm.



★ DANH NGÔN : Bí quyết thành công.

Bí quyết thành công trên đời là lo riêng một việc cho thật chu-đáo và trăm nghìn việc khác vừa đủ thôi.

(Le véritable secret de la réussite dans la vie est de s'intéresser à une chose profondément et à mille autres suffisamment.)

HUGH WALPOLE
(Nhà văn Mỹ)



Hát Bội

* **THÂN VĂN
NGUYỄN VĂN QUÝ**

(Tiếp theo P. T. số 35)

ĐỌC THẦN CHÚ : Bài thần chú lấy theo giọng thầy pháp. Đọc những khi thâu hồn, trừ hồn, trừ ốm. Có mấy câu nêu, rồi vô bài nhíp một. Điều văn là văn vắn.

NÊU — Nam-mô a-di-đà-Phật...

Cấp cấp chiêu binh lai

La - đường, La - sát bách vạn
thiên-liêng,

Tiền sai lời tướng, hậu khiển âm-
binh,

Thính lệnh ngã sai, trừ tà sát quỷ,

Là hồi âm-binh ôi...

VÔ BÀI — Bất kỳ nhứt dạ, vô
hạ tịch triệu,

Kiểm ban mai chẳng đặng ban
chiều,

Tầm buổi tối vì không thời buổi
sáng,

Thập vị loại cô hồn...

Vô tiền đạo ngũ-hành ngũ-vị,

Trấn trung-ương chớ cho lộn nam
phương.

Đặng cho binh quan-sát,

Năm tướng cây năm binh phân ác,

Bốn cửa trời bốn tướng thiên viên.

Trấn nội đường tướng đồng binh
cường.

Tầm ngoại lộ cô hồn thập loại.

Hồn theo bắt phải tra đi xét lại,

Phách lạc người, lạc cốt, lạc hài.

Kẻ thác oan quả chính liêu mình,

Người bức sự thất tình tự-ái.

Kẻ bị trận phong ba phải hại

HÁT BỘI

Người trăm thồn thầy bỏ hải hà. Nghe thầy triệu hồn mau nhập thể,
Kẻ thác oan mình bị độc xà, hô nhập...

Người uống từ thân lâm hổ giao,

Chồn non núi lâm tông lộn-lạo,

Lạc dạ đài ngạ-tử cô-hồn,

Chồn cao sơn rùi sút tay rời

Sa cây cội xương tan thịt nát.

Thầy đã bỏ cá ăn sâu gắp,

Nào ai đâu cốt nhục khò tàn

Kẻ hành-trình thai nghén giữa
đang,

Bị huyết vận cũng là kiếp thác.

Cao-hoài-Đức phách về nhập xác,

Ngạ-quỉ hồn lập tức xuất thân,

Truyền chư vị chúng thần, Tương
hồn ma nhập thể,

Kiểm cho khắp trên ly dưới bể,

Tầm cho ra nội các ngoại lâm,

Sương phải đội, tuyết phải dầm

Kiểm thiệt hồn, tầm cho quả phách,

Hoặc hồn ở đám lau bụi lách,

Hoặc hồn ra đám ruộng cây cà,

Hoặc hồn lên cây sanh cây đa,

Hoặc hồn ẩn cây thung cây thọ,

Hồn chớ thấy xác tàn mà bỏ,

Đừng có thấy phách gỗ mà mê,

Dương gian là cảnh, âm phủ

là quê,

Chưa mãn căn mãn số đừng về,

BÀI RU CON — Hát những lúc hồn hiện về ru con, hoặc đào lạc chổng đêm khuya canh chầy bỗng hải nhi ru ngủ.

Nhạc cổ có bài Lý-giao duyên dựa theo tích Vọng-Phu-thạch, bốn mùa ru con, giọng nghe buồn thảm, ai-bi. Điều hát bội cũng do đó mà ra, nêu một câu để vô bài nhíp một rồi dứt bằng một câu nam-ai.

Bài ru viết theo thể văn-vắn, câu nam-ai viết thể lục-bát.

Nước Việt có hai núi Vọng-Phu, một ở Kỳ-Lừa (Lạng-Son), một ở phía nam sông Đà-ràng, giữa mũi Varella và Nha-trang, ngang Đèo Cả.

Tích Vọng-phu ở Kỳ-lừa hay Bình-Định tương-tợ, cũng anh em ruột lấy nhau làm vợ chồng, sau biết được, chổng bỏ đi biệt-tích, để cho vợ bỗng con đứng ngóng chân trời mặt biển, lâu ngày hóa đá.

Ở Kỳ-Lừa có câu hát rằng:
Lạng-son có núi Kỳ-Lừa,
Có nàng Tô-thị, có chùa Tam-thanh.

Nàng Tô-thị là người đàn bà
trông chồng.

Ở Bình-Định, ghe thuyền đi
ngang núi Vọng Phu thường
hát:

Lạy bà, bà thổi gió nồm
Không bà ở Quảng trường buồn
theo sau.

Ông Tôn thọ Tường có thi
rằng:

Hình đá ai đem đặt biển Đông,
Giống hình nhi nữ dạng ngồi trông.
Da gồi phớt tuyết phơi màu trắng
Tóc gội dầu mưa giữ bụi hồng.
Ngày nhâm gương ô soi đáy nước,
Đêm cài lược thỏ chải trên không.
Đến nay phong đã bao nhiêu tuổi,
Trạc trạc bên gan chạnh lấy chông.

Bài ru con dưới đây, ý tứ
cũng tựa như bài thi trên của
ông Tôn Thọ Tường:

NÊU — Ru hời ru hời tình ru...
Ru hời ... hời ... hời ... hời.

BÀI — Ru con cho mau biết mách,
tách tách tang tòn,
Ru con mau biết ném tròn, biết lát
biết trường,

Hồ công xang, xê công hò,

Ru con cho mau biết xôm biết bò,
Bò vô bò ra, tốt nết tốt na,

Kêu cha khóc mẹ, thấy ai cũng ư
ư... thương

QUA NAM AI — Thương tình
con trẻ chít-chiu

Nhìn con thôi lại chín chiều ruột
đau.

LÝ MỌI — Lý theo giọng Mọi,
kỳ thật là theo giọng người
Miên. Trong tuồng «Đoàn-hồng
Ngọc đá cổ nhạc» hay tuồng
«Tam biến báo phu cừ» có lý
mọi.

Dưới đây là bài chực-tụng,
có bốn câu lục-bát, xen ở giữa
giọng hát mọi:

BÀI — Muốn năm chúc thọ thánh
quân,

Xiêm lên sửa trị ngại vàng đặt an.

VO — Rìn rịn rịn vô (hai lần)

Táng hương rịn (hai lần)

Rìn rịn rịn hương rịn, rịn
rịn hương rịn...

BÀI — Tám châu năm nước hội
Tần

Dấy binh ô-hạp quyết lòng chiến
tranh.

VO — Rìn rịn rịn vô (y như
bài vo trên)

BÀI — Thương đời gáy dữ hùng
anh,

Xuất sư đã tốt cang thường lại
xé kéo dài hai chữ sau để qua
nam-ai.

VO — (y bài vo trên)

BÀI — Ra cò mùa giáp qua day
Đẹp lòng chư tướng bó tay xưng
thần.

VO — (y bài vo trên).

(Bài lý này chép lại một bản
tuồng xưa, câu văn truyền sao
viết lại y vậy).

BÀI BỒI-YẾN. — Ngày
xưa, ở trong Nam, biền tuồng
hay nhưng tuồng phần nhiều
hay chữ, hát hay, cho nên có
đôi khi viết tuồng hoặc bày ra
bài hát cho một vai tuồng, cho
thêm phần sắc-sảo. Vì vậy có
một vài điệu hát có ở trong
Nam mà không có ở Trung,
Bắc.

Đó là trường-hợp bài Bồi-yến
(dường như là do Biện Thiên
& Sadéc viết) viết riêng biệt cho
vai đào Phụng-Kiều trong tuồng
Phân-Đường «Lấy Thủy-hoa-
cảnh», vịnh theo điệu «Lý qua
nam» mà thay vì một câu song
thất để lý lại là một bài văn vần.

Trước nói lời ai, kể ngâm
buồn, rồi qua bài (nhịp một) dứt
bài, lập câu chót lại hai lần và

kéo dài hai chữ sau để qua
nam-ai.

NÓI LỜI AI — Phận tôi đời
chủ dạy phải vàng,
Trời giọng oán ca xang mấy nhịp,
hờ...

NGÂM — Than thân trách phận
đai-dầu,

Trời già nữ khiến để sầu cho tôi.

VÔ BÀI — Trời nữ khiến oan-
ương chích bóng,

Đất lại sanh sen liễu nở hai phang.

Liều nhôn-nha tại chốn triều đàng,

Sen lạnh lẽo trong miền thệ-thủy

Chàng hời chàng ham chi phú-quí,

Nữ quên lời biển hẹn non thê

Chàng chẳng bằng ông Bá-lý-Hề,

Phú dịch giao quí lại dịch thê,

Phú quí chẳng nại từ sanh mạc nại,

Tầm phu-tướng thiên san vạn hải,

Khổ thân này gỏi vác nằm swong
(hai lần)

QUA NAM AI — Buông lời
vội hời tình nhân.

Còn thương như cũ hay lần lằng-
xao.

VÔ BÀI — Áo tan - tàn một
thần một tấm,
Thần lưu-lạc đập tuyết dậm ngàn.

Thành Thông-Châu từ thuở cách
chàng

Bi giặc-giã cho nên thất lạc,

Thà thác thiệp cam tâm từ-biệt.

Thiếp với chàng ai nữ sanh ly?

Nguyễn cùng thiên di chí địa di tri

Thông-châu quận mặc dầu thương
nhớ,

Thiếp lạng lội non Tần biển Sở,

Chàng Tấn-Hưng chàng hỏi có hay
(hai lần)

NAM AI — Ân châu sa nay còn
rành rành

Trách ai đành phụ nghĩa sơ giao.

BÀI ĐỜN.— Bài đờn hát
trong khi lưu-lạc xứ người, một
thân một bóng. Bởi điệu hát-
bội là điệu hát tượng-trung,
cho nên diễn-viên tay cầm đờn
giã khảy, miệng đọc mấy chữ
đờn tòn-tịch-tang-tênh để nháy
tiếng đờn.

Bài đờn « Hoàng-trào ngự
chế » là bài Bá-áp-Khảo (tuồng
Phong-thần) hát trong khi đàn
cho vua Trụ và Đắc-Kỷ nghe.
Bài này mở bằng bốn câu lời
rời vô bài, có tiếng vô đờn :

NÓI LỜI — Hào a ! Ngưỡng
lại thánh-hoàng quan cố

Phủ thừa mẫu-hậu cử tri,

Lưỡng thủ phục du-di,
Song thỉnh đồng cổ lộng, a...

Vô bài đờn — Linh tính tang

tôn tình tang ừ ừ tòn tên..

Tịch tang tòn, tịch tang tòn

tích tịch tình, tịch tang tòn.

Tịch tang tòn tính, linh tính...

tình tịch tang tòn, linh tính tòn

tên tòn tên...

Hoàng-trào ừ ừ ừ (tịch tang
tôn tên tính) ngự chế phục cảm

(tịch tang tòn tên tính) quân ân,

Khả cảm (tịch tang tòn tên

tính) phụ thân cửu chi (tịch

tang tòn tên tính) Dũ-ly,

Hoàng-gia (tịch tang tòn tên

tính) phúc chi hậu hưởng (tịch

tang tòn tên tính) kim-loan,

Được phối (tịch tang tòn tên

tính) Vô Thang thần trung

(tịch tang tòn tên tính) Tử ừ ừ

đạo ừ.

QUA NAM AI — Từ đạo lối

bề hiền thảo

Hổ phạn mình không ráo dòng châu

Bài đờn lưu-lạc dưới đây

cũng hát như trên.

Phong viễn tống hề lưu thủy thú

Sài-phòng từ nhập hề bội thương

tình
Hạnh thất thâm ngâm hề trường
đoạn thân

Nhứt khúc Dương-xuân hề huệ
mãnhành.

HÁT GIAO DUYÊN.—

Là lời hát chúc duyên trong

cung. Viết theo điệu lục bát, đệm

vào mấy chữ đờn (tịch tang

tênh). Trước khi hát nêu một

câu lời sau khi xướng « Hữu

giao-duyên a ! »

Hữu giao-duyên a !

NÊU — Thiên công phối định

lưỡng tương hoan

VÔ BÀI NHỊP BA

Đôi ta như ừ ừ rần (ta lệnh

tênh tang tênh tạng lệnh tênh

tang tênh) lưu điu

Nước ừ ừ chảy mặc ừ ừ nước

(ta lệnh tênh tang tênh tạng

lệnh tênh tang tênh) ta điu-

dắt nhau.

BÀI THẮNG BỘT.— Con

quan ở triều dân gian thường

gọi là công tử bột, học chẳng ra

hình, ở không nên nét, tụ năm

tụ ba, thả rểu phổ-phường, hiệp

kê cô đơn, nịnh người quyền-

thế, có một tài chiêm gái mà

thôi, không giúp ích cho gia-

đình, chẳng làm lợi cho xã hội.

Sân khấu cổ truyền trình

những vai đó để làm trò cười

cho khán giả, cho nói giọng tro

trẹ, đầu bịt khăn mình gò, mắt
cho giới phấn mốc, mắt mang
kiến gọng vàng, chơn đi giày
Tàu, tay cầm quạt lông, mình
mặc áo gấm, ra vẻ sang trọng
mà có nét ăn chơi.

Ăn nói ngược ngạo lão xác :

Tớ trẻ,

Sớm mai tang tạng tàng tang

Cụ bảo thăng tê bắt con kiến vàng

Lấy sợi dây chàn, xô ngang lỗ

mũi, cho cụ dắt đi chơi, có không

hử thăng tê ?

Tớ trẻ,

Mi đi đâu mà cụ kiếm đôn, kiếm

đáo, đào địa thiên tôn, hà môn chi

xứ, am-tự thừa lời, thấy bánh

thấy xôi, thấy ông lọ nôi, chẳng

thấy thăng tê, ừ hư thăng tê ?

Trong tuồng Kim-thạch kỳ-

duyên của ông Thủ khoa Bùi-

hữu-Nghĩa, công tử bột xưng

tên :

Cậu Ái Lang chữ đặt, cha tri

phủ quan sang

Như nhà cụ : cửa nhà chơn chờ

bạc vàng,

Hầu thiệp nhơn như điều đồ.

Nói chi bạn hàng cũ, muốn cho
con gái nguyên

HÁT BỘI

Cậu chơi hoài hoài, hoan thiêng
hoan thiêng chi hoan
Sướng đề sướng đề chi sướng.
Tớ trẻ!

Điều đây đôi ba thằng cho vính-
cương
Áo quần năm bảy sắc cho xuê-
xoang

Làm sao ra bươm nhà quan, mới
để chưng tuồng ve gái..

HÁT KHÁCH thằng bột thì
toàn nôm, có vo bài đờn.

Đạo phường phố, mà má mà chơi
(xang xang xang cống xang xê
cống, cống xang xê cống xang xê
cống) thôi thời chơi cang cự.

Quân bảy theo hầu tao, tràng quân
bảy theo hầu tao, thôi thời cho
nhậm lệ tay chơn.

Rượu bột ngon, con gái tốt đẹp
(vo y như trên kia) thôi thời giao
phần cự

Còn quả thằng trai khăn băng
xiêm chuỗi bụi mốc, thôi thì mặc
gầy.

Nam xuân thằng bột cũng có

vo bài đờn.

NAM XUÂN THẮNG BỘT

« Rinh - rang hai hàng tới
trước (xang á xang tồn tình
xang, tính xang tồn xang, tà
rinh tình tính xang tồn xang;
tịch tình xang) »

• Có thằng Xồm (vo bài đờn
y như trên) thằng Xược
theo sau ».



Trên đây là những giọng hát
mà người nhạc sĩ tiền bối đã
dây công tạo ra thành âm, thành
lời, lưu truyền đã mấy thế kỷ,
không chút mùi Âu-Tây, không
nháy giọng Trung quốc, tiếng
đàn tiếng hát, có bổng có trầm,
ăn nhịp với tánh-tình phong tục
của người Việt, đáng là một
bảo vật mà chúng ta có phận-sự
cắt cho kỹ trong kho tàng, gấp
dịp đem khoe với người ngoại
quốc để cho họ biết nước Việt
có một nền văn-hóa phong-
phú vậy.



★ ĐÀN BÀ MẬP

Khi một người đàn-bà mập trên 70 kí, không có gì sung-
sướng cho họ bằng khi họ thấy một người đàn-bà khác mập
hơn 70 kí.

Bà Catherine C
(Réalités)



H Ờ - h Ữ N G

Từ thuở đắp mồ chôn hện ước,

Cành hoa vườn mộng cũng tàn phai

Đêm-đêm vẫn nguyện về Thượng-Đế

Đếm bước thời gian trên ngón tay.

Rồi những mùa Xuân vào quá vắng,

Cuộc đời còn lại ít hoang sơ.

Buông xuôi tâm tưởng theo ngày tháng

Mòn môi thanh xuân vẫn hững hờ.

Kỷ niệm xin trao về buổi ấy

Buồn thương giữ lại dăm van nài.

Vì đã lãng quên niềm luyến tiếc,

Hoài niệm từng đêm tiếng thở dài.

Xa lắm, những tâm tình bờ ngõ

Ngày thơ nên phải khóc âm thầm

Còn trong lòng chút hồn thơ đại,

Rồi sẽ phai mờ theo tháng năm ?

VÂN-KHANH

(Mỹ tho)



3
M Ồ I
TÌNH
của
RICHARD
WAGNER


* TÂN - PHONG

(Xin xem số trước)

MATHILDE



U Y đã nổi tiếng nhờ bản nhạc kịch *Le Vaisseau fantôme*, nhưng Richard Wagner vẫn còn nghèo túng và thất vọng liên tiếp. Giữa kinh thành Paris hoa-lệ, chẳng có ai cứu-giúp chàng cả. Cho đến đôi con chó Robber của chàng dắt theo từ bên Đức, bây giờ cũng bỏ chàng mà đi biệt. Một buổi sáng dày đặc sương mù, chàng gặp Robber lang thang nơi góc chợ, Wagner gọi nó, nó ngoảnh mặt đi, không thèm theo chủ cũ nữa.



Wagner buồn hết sức. Thời kỳ này Minna, người yêu của chàng, có chép trong nhật ký như sau đây : « Chàng bị nợ chồng chất lên tận cổ, nhưng đó là một yếu-tố của thiên tài nghệ-sĩ của chàng, và chàng vẫn mua tặng tôi một chiếc áo dài để mặc trong nhà, bằng hàng xanh, đẹp không kém chiếc áo của một bà Hoàng-hậu ». Suốt bốn năm, nghèo túng và đau ốm liên miên, chàng vẫn viết được bốn bản nhạc thơ : *L'or du Rhin*, *La Walkyrie*, *Siegfried*, *Le*

crépuscule des Dieux. Richard Wagner hy-vọng những sáng-tác này sẽ cứu chàng ra khỏi cơn khủng hoảng về tài chánh cũng như về tinh-thần.

Không ngờ, trên trang sách của đời chàng, nơi đây, bỗng đứng lại hiện ra nét mặt dịu-hiền duyên-dáng của một nàng thiếu phụ...

Nàng tên là MATHILDE.

Trẻ, đẹp và lãng - mạn, Mathilde là vợ của một nhà buôn hàng lụa rất giàu có, OTTO WESENDONCK. Nàng đang ở với chồng tại một biệt thự rất sang trọng, trên cánh đồi nên thơ ngó xuống hồ Zurich, ở Thụy-Sĩ. Chính nàng cũng là một nữ Thi-sĩ kiêm nhạc-sĩ và nàng có soạn được năm bản nhạc thơ : *Ange, Rêves, Douleur, Immobilité, Dans la serre*. Được nghe danh của Richard Wagner từ lâu và ngẫu-nhiên biết chàng vừa đến nghỉ ngơi ở Thụy-sĩ, Mathilde mời nhạc sư đến dạy nàng học về hòa-âm.

Người chồng chỉ lo buôn bán tơ-lụa, chẳng hiểu tý gì về thơ và nhạc cả, nhưng rất cưng vợ và rất chiều cô vợ tài hoa son trẻ. Sáng hôm ấy, Richard

Wagner đến biệt thự. Mathilde ngồi một mình đợi thầy ở phòng khách Chàng. đến Hai người chào hỏi rồi chàng đến ngồi dương cầm, đánh thử một bài. Nàng nghe mê... và ngay từ buổi gặp-gỡ đầu tiên, nàng đã mê luôn chàng. Một buổi chiều, chàng đem đến tặng nàng tác - phẩm *La Walkyrie* của chàng với ba chữ G. S. M. viết tắt. Nàng mỉm cười hỏi :

— G. S. M. là gì, hả anh ?

— Gesegnete Sei Mathilde.

(Ta cầu-nguyện cho Mathilde được hạnh-phúc).

Nàng sung sướng, ngả đầu vào vai chàng. Cả buổi chiều, chỉ có chàng và nàng ở biệt-thự. hai người tình-tự rất âu-yếm và tay nắm tay đi lang thang dưới các bóng cây trong vườn, trao đổi muôn lời ân ái. Bên cạnh Mathilde, Richard Wagner viết tặng nàng bài thơ tuyệt - tác, *Tristan et Yseult*. Đây là bài thơ tình đẹp nhất của chàng, và đã thành một tác-phẩm bất-hủ của thế-kỷ XIX.

Người chồng, Otto Wesendonck, đã đoán biết cuộc tình duyên lãng-mạn của vợ mình,

nhưng anh ta làm ngờ, vì tuy là không biết thương-thức thơ và nhạc nhưng anh ta cũng đã nghe danh tiếng của Richard Wagner, một thiên tài lỗi lạc của Âu-Châu.

Khi nghe cô vợ nữ nhạc-sĩ nói cho anh ta biết rằng nhạc-sư bị nợ-nần ngập lụt đến tận cổ, thì anh ta đề-nghị với Wagner rằng anh muốn đưa cho chàng mượn 2.000 đồng để trả nợ, và khi nào chàng bán được bản-quyền các tác-phẩm sẽ trả lần hồi cho anh số tiền ấy.

Hơn nữa, anh ta biết rằng Wagner ở với Minna một căn nhà nhỏ hẹp trong thành phố, bên cạnh một lò rèn và suốt ngày đêm tiếng đập sắt của thợ rèn làm nhức đầu Wagner, khiến chàng không thể viết lách gì được, anh ta liền nghe lời vợ, bỏ tiền ra mua một căn nhà xinh-xắn ở cạnh vườn anh để cho vợ chồng Wagner ở, với giá tiền thuê rẻ mạt là 800 quan một năm. Wagner và Minna dọn đến đây ở. Chàng đặt tên cho căn nhà mới là « *Asile* », và chính tại nơi đây, buổi sáng thứ sáu trước ngày lễ Pâques 1857,

chàng soạn tác phẩm *Parsifal*.

Otto đã biết rõ mối tình thâm lén say mê của cô vợ tài - hoa với chàng Thi-sĩ, nhưng anh ta chiều vợ, cưng vợ, vẫn cứ cầm miệng, không hề hở môi phiền trách vợ một câu nào. Nhưng Minna, vợ của Wagner, đã để ý rình rập...

Trong bốn người này, mà hai người đang yêu nhau, hai người đang chịu khổ, thế nào tấn kịch cũng phải xảy ra. Và tấn kịch đã xảy ra, kín-đáo như hai trái tim yêu đương, âm-thầm như hai tâm hồn đau khổ.

Tấn kịch ngẫu-nhiên được bố cục như sau đây. Một cặp vợ chồng mới cưới từ Paris vừa đến. Nàng, tên là COSIMA, con gái của Đại nhạc sĩ FRANZ LISZT, ông này chính là bạn thân của Richard Wagner. Chàng là HANS DE BÜLOW, nhạc trưởng chuyên về dương-cầm, và cũng là học-trò cũ của Wagner. Cặp vợ chồng son trẻ vừa mới cưới, đi du lịch một tuần trăng mật tại Thụy-sĩ, và tiện đây đến chào Richard Wagner.

COSIMA, bấy giờ đã 20 tuổi

rất duyên dáng. Wagner chỉ gặp nàng một lần ở Paris lúc nàng hãy còn là một cô thiếu nữ 17 tuổi, ngày thơ.

Nhưng tại sao, sở kiếp oán-oãm lại vô tình quy-tụ trên cánh gò Zurich ba nàng thơ-mộng : MINNA, MATHILDE, COSIMA ? Dĩ-vãng, hiện tại, tương lai, ba giai nhân tượng trưng cho ba đoạn đời sống gió của bậc kỳ tài Thơ Nhạc.

Nhưng chúng ta hãy gác chuyện Cosima một bên đã, và trở lại Minna và Mathilde...

Một hôm Minna bắt gặp trong túi áo của chồng một bức thư đầy tình tứ của Mathilde. Nàng cầm tang vật đến nhà Mathilde, bình tĩnh bảo : « Nếu tôi là người đàn bà tầm thường thì

tôi đã đưa thư này cho chồng chị coi. »

Mathilde lặng lẽ không đáp. Nhưng lúc Otto ở trên phố về, Mathilde thuật rõ vụ bức thư cho chồng nghe, không cần dấu diếm. Để chăm dứt tận thâm kịch khỏi làm phiền lòng ai, Otto Wesendonck liền dắt vợ lặng lẽ đi sang nước Ý.

Minna đau ốm, cũng đi dưỡng bệnh ở Brestenberg. Chỉ còn lại ở Zurich một mình Richard Wagner buồn rầu chán nản. . .

Một tuần lễ sau, người ta thấy trong tờ báo ở Zurich đăng mấy giòng rao vặt sau đây :

« Bán gấp tất cả đồ-đạc vì phải đi xa, giá thật rẻ ».

Bài thơ « Đồi uyên - trong Tristan và Yseult » đến đây chấm dứt.

Một ông vua Thi-sĩ.

Wagner tuyệt vọng về hai mối tình tan vỡ, và để hàn gắn hai vết thương lòng ông đi tìm an ủi nơi chân trời xa lạ. Ông đến thành phố Venise. Rồi ông trở về Pháp. Ở Paris, ông diễn vở kịch

thơ *Tannhauser* bị một bọn ganh ghét phá hoại, huýt còi làm âm-ĩ, vở kịch đành chịu thất bại. Thi sĩ BAUDELAIRE gởi thư đến an-ủi ông, nhưng bị vợ nộ, ông đành phải trốn về Đức, tại thành phố Stuttgart.

Tại đây, ông có một người bạn quý mà ông không ngờ : đó là vua xứ Bavière, LOUIS II một ông vua Thi-sĩ, nhạc-sĩ, bấy lâu đã phục tào của ông. Nghe ông trốn nợ sang cư trú tại Stuttgart, một buổi tối nhà Vua sai ông Bộ-trưởng Pfistermeister đến gõ cửa ông. Nhưng Richard Wagner tưởng là cảnh-sát đến bắt ông, ông không thêm mở cửa. Hôm sau, ông Bộ-trưởng lại đến gõ cửa lần thứ hai, và trao ông một bức thư của Vua, kèm theo một tấm hình của ngài và một chiếc nhẫn vàng của ngài tặng ông. Trong thư, nhà Vua ân cần an-ủi Thi-sĩ, xin kết bạn thân và hứa giúp ông về mọi phương diện bất cứ trong trường hợp nào. Wagner có viết trong Hồi ký mấy câu sau đây : « Chuyện không thể tin được mà hóa ra là chuyện thật ! Trời sai một ông Vua đến cứu ta. »

Vua Louis II tặng ông một biệt thự trên bờ hồ Starnberg, cách lâu đài của Vua độ ba bốn cây số. Bao nhiêu nợ nần của ông, ngài đều trả hết. Ông vua này rõ thật là một ông Vua đặc biệt, yêu thơ, yêu

nhạc, thích cuộc đời mơ-mộng, nhưng không biết làm thơ, không biết đánh đàn. Nhiều buổi tối, ngài lên cung-điện ra ngoài, rủ Richard Wagner lên ngồi chiếc xe sáu ngựa đi dạo quanh trong khu rừng vắng. Những buổi chiều, ngài thích ra ngồi với thi-sĩ trên bờ hồ, nhìn mê-mải đàn bạch - nga bơi lặng lẽ trên mặt nước gợn ánh tà dương. Ngài định mở một nhà hát thật lớn tại Munich để diễn các bản kịch thơ của Richard Wagner.

Nhưng, đầu óc ông này cứ lẩn vẩn đầu đầu ... Tuy bây giờ ông đã hoàn toàn yên tĩnh về vật chất, khỏi bị nợ đòi, khỏi thiếu hụt về tiền nong, và được Vua Louis II niềm-nỡ săn đón, cấp dưỡng chu đáo với một niềm quyến-luyến và cảm phục chân thành, nhưng tinh-thần của nhà Thơ kiêm nhạc-sĩ vẫn như trơ trọi cô-đơn, thiếu mối tình thâm đậm ...

Ông không quên được cặp vợ chồng mới cưới đã gặp ông ở Zurich : chàng thanh niên Hans de Bulow, học trò của ông, và Cosima, 20 tuổi, con gái của bạn ông, nhạc-sĩ lừng danh Franz Liszt.

Ông viết thư «cầu khẩn» Hans de Bulow đem vợ đến ở với ông tại biệt thự Munich ... nơi đây, ông đã sẵn sàng sắp đặt để riêng cho hai vợ chồng một căn phòng rộng rãi, mát mẻ, lịch-sự ..

Được thư, Hans vội vàng đem Cosima đến Munich ... Nhưng một biến cố bất ngờ xảy ra cho Wagner, là ông bị một bọn triều thần của vua Louis II, ganh ghét, bắt buộc ông phải từ giã Munich đi nơi khác. Họ tố cáo ông là người đã có ảnh hưởng không tốt đối với Vua, ông là một cố vấn rất có hại cho Vua, vì Vua hay nghe lời ông mà bỏ bê mọi việc triều chánh và hành động như kẻ điên-khùng. Họ ép vua phải mời Nhạc-sĩ Wagner đi ra khỏi xứ.

Thế là Richard Wagner phải bỏ Munich, đến Thụy-sĩ, ở một biệt thự rất nên thơ trên hồ Lucerne, nơi chụm núi Righi.

Đến đây, ông được tin người yêu cũ, là Minna, vợ đầu tiên của ông, vừa chết ở Marseille.

Một việc bất ngờ nữa xảy ra, là nghe tin Minna đã chết thì Cosima liền làm đơn ra tòa xin ly-dị với chồng, và nhất-dịnh



COSIMA hồi 40 tuổi

tìm đến ở với Wagner. Tòa án Munich cho phép Cosima ly-dị, nhưng bắt nàng phải nuôi 3 đứa con chồng.

Cosima bằng lòng ngay, và

dắt 3 đứa con đến Lucerne tìm hạnh-phúc bên cạnh tình yêu của Richard Wagner. Bảy giờ là năm 1868, Wagner đã 53 tuổi, Cosima 29 tuổi, (Wagner là bạn thân của Đại nhạc-sĩ Franz Lizst, cha của Cosima Lizst).

Người chồng của Cosima, Hans de Bulow, nhạc-sĩ vô danh, 30 tuổi, lui thủi trở về Paris một mình.

Cosima hoàn-toàn sung sướng với Wagner, và năm sau, 1869, nàng sinh cho ông một cậu con trai, tức là SIEGFRIED. Sau này, Siegfried cũng thành một nhạc-sĩ có danh tiếng trên Thế-giới (1869-1930). Năm 1870, đôi tình nhân chính thức làm lễ thành hôn, tại Lucerne, Thụy-sĩ.

Nghe tin Cosima về làm vợ Wagner, MATHILDE người yêu thứ hai của ông, có gởi tặng nàng một bó hoa Edelweiss để mừng cuộc tình duyên mới.

(Edelweiss là một loại hoa rất hiếm, mọc trên các đồi núi Thụy-sĩ, Ý và Đức. Trắng và thơm như hoa huệ ở xứ ta, tượng-

trung cho tình yêu cao thượng).

Từ đây, cuộc đời của nhà Thi-sĩ kiêm Đại-nhạc sĩ Richard Wagner được hoàn-toàn hạnh-phúc, không còn chật vật khổ-sở nữa. Những sáng-tác của ông được đem diễn trên khắp các sân khấu danh tiếng ở Âu-châu, trước các vị Đế vương, Quốc-Trưởng, và được công-chúng nhiệt-liệt hoan-ngheh.

Cosima không những là một người vợ trẻ đẹp, rất trung-thành tận-tụy, mà còn là một người cộng sự rất đặc lực với ông. Hầu hết các bản nhạc và nhạc kịch của ông soạn, đều do Cosima biên chép, và ông đọc cho nàng viết quyển Hồi-ký của ông.

Cuộc đời đầy danh vọng và hạnh phúc của hai người kéo dài được 17 năm, đến 70 tuổi thì ông chết vì bệnh đau tim, ở Vienne, kinh đô nước Autriche. Cosima 46 tuổi. Linh cửu của Wagner được quàng lá cờ Đức, được đưa lên một chuyến xe lửa riêng có đại diện các chính phủ

Áo, Đức, Hòa-Lan, Ý, Thụy sĩ, Pháp và các giới Văn sĩ, Nhạc sĩ Âu-Châu đưa về Beyreuth ở Đức, nơi cư trú cuối cùng của ông và Cosima. Từ Áo về Đức, xe lửa chở linh cữu của ông đến ga nào đều phải dừng lại, vì có công chúng túc trực đông đảo để đón chào và dâng hoa một bậc thiên tài làm vẻ vang quê hương của họ.

Cosima còn sống 47 năm nữa, thủy chung với mối tình siêu việt và lo gìn giữ gia tài tinh thần quý báu của chồng để lại. Nàng đã đào tạo người con trai nổi theo nghiệp cha. Nàng chết năm 93 tuổi và, theo lời di chúc của nàng, quan tài của nàng được kê sát bên cạnh quan tài của Richard Wagner, ngay trong vườn nhà.

TÂN-PHONG



✧ ĐÀN ông thông-minh hơn đàn bà

Trong một cuộc tranh-luận vui đùa giữa một buổi tiếp-tân ở Paris về đề-tài «Đàn-ông thông-minh hơn đàn bà», có người hỏi ý-kiến cô đào Marlène Dietrich. «Bà ngoại đẹp nhất trong Thế-giới» mỉm cười đáp:

— Có lẽ đàn ông thông-minh hơn đàn bà. Nhưng tôi chưa bao giờ thấy một người đàn bà nào chạy theo một người đàn ông ngu-ngốc mà có bộ ngực đẹp.

✧ Thực tế

Người xứ Ireland có tiếng là ưa đánh lộn. Tại kinh-đô Dublin, một ông chủ tiệm rượu thường có khách-hàng đến nhậu nhẹt rồi ẩu ã nhau lộn. Ông dán một tờ yết-thị nơi cửa như sau đây: «yêu cầu quý khách đừng xách bàn ghế và ly choàng lộn nhau, có sẵn một đồng cũi tạ để phía sau cái tủ két».

B.T.



DI TÍCH NGƯỜI CHÀM

(Tiếp theo P.T. 35)

NƯỚC Chiêm-Thành có trong bản đồ từ đây và có lẽ kinh - đô đóng tại vùng tỉnh Quảng-Nam mà các nhà khảo-cổ vừa tìm thấy một đô-thành tàn-phế có nhiều di-tích Chăm tại Mỹ-Sơn gần Đà-Nẵng và biên-giới Chiêm-Thành có thể có từ Hà-tĩnh mà biên-giới Lâm Ấp hồi xưa ở đó (Bắc vĩ-tuyến 18°30'). Sau trận khốc-liệt với quân nhà Đường hồi đầu thế-kỷ IV, Vua Chăm phải rút quân vào đóng đô tại Quảng-Nam từ đó rồi lần lần vô đến thành Đồ-Bàn trong hạt Bình - định bây giờ (Bắc vĩ-tuyến 13° 51') rồi vào đến vùng Phan - lang và

Phan-lý trong tỉnh Bình-thuận mà nay ta còn thấy một rặng lũy Chăm điêu linh tại gần ga Sông-lũy (ở cây số 1506, cách Saigon 233 c.s., trên con đường xe lửa Saigon đi Nha-trang). Coi vậy ta có thể đoán được rằng nước Chiêm-Thành xưa kia có biên-giới từ Hà-tĩnh vào đến Bình-thuận miền Nam nghĩa là từ Bắc vĩ-tuyến 18°30 đến 11°00 và từ Quảng-Nam vào đến Ninh thuận (Phan-Rang) dọc theo đường quốc lộ số 1 ta đã gặp biết bao nhiêu là di-tích tàn-phế của dân Chăm!

Tại Bình-Định, có thành Đồ-

★ NGUYỄN-TRIỆU



trên một đỉnh đồi đất bằng, có 4 tháp, cây tháp cao hơn hết là tháp Bà (thờ Bà) kế bên là tháp ông (thờ ông, tức Thái-Tử) sau tháp Bà, có một tháp nhỏ và đẹp là tháp Chúa (hay Cô, thờ con gái bà) còn một cây tháp nhỏ nữa về phía tả tháp Ông là Tháp cổ (thờ cha mẹ nuôi). Còn một tháp nữa ở Đại-Điền là tháp thờ con trai nhỏ của bà.

Kế bên tháp Chúa, có 2 tấm bia đá : một của cụ Phan-thanh-Giản đề năm Tự-Đức thứ 9 (1859) và một của các quan tỉnh Khánh - hòa đề năm Tự-Đức thứ 24 (1871) cả hai bia này soạn bằng chữ Hán lược-thuật lại thần-tích của Thiên-y tiên-nữ tức Ponogar.

Đi xa nữa vào đến tỉnh Ninh thuận (Phan-Rang) tới gare Tháp Chàm (Tourcham) ngó lên đỉnh một hòn núi nhỏ, ta thấy 1 tháp nữa. Trên ấy có những 3 cây tháp, nhưng ta ở dưới gare trông lên chỉ thấy có một cây tháp chính mà thôi và tức là tháp «PO Klong Garai». Cách

Bàn và là kinh-dò cuối cùng của Chiêm Thành có nhiều tháp Chàm hơn hết :

Quận Bình-Khê có 2 tháp Văn tường (tức Dương - long) và tháp Thú-thiện ;

Quận An-nhon, 2 tháp Cảnh tiên và tháp Phốc-lốc, (Tour d'or)

Quận Tuy-Phước, 3 tháp, là tháp Bánh ít (Tour d'Argent) tháp Hưng-thạnh tức Tháp.Đôi và tháp Bình-lâm.

Vô đến tỉnh Khánh-Hòa, tại Nha-trang, có Tháp Bà (Ponagar) cách châu-thành 2 c.s. và một tháp nữa ở Đại-Điền chừng 12 cs.

Tháp Bà ở Nha-trang đứng

Phan-Rang chừng 20 cs., còn có «Ba-Tháp» tức tháp Hòa-lai và ở làng Hậu-sanh còn có tháp nữa là Po Romé.

Đi ra đến Phan-thiết thì còn một tháp nữa là tháp Phố-Hai.

NGUYỄN TRIỆU

CHỮ THÍCH :

1.— Châu-Hoan tức Nghệ-An, có 4 huyện.

2.— Châu-Ái tức Thanh-hóa, có 6 huyện.

3.— 15°—16° Bắc Vĩ-tuyến.

4.— 14°30—15°25, Bắc Vĩ-tuyến.

5.— Trong truyện ký trong bài bia của cụ Phan-thanh-Giản tại Tháp Bà thì đại để thần-tích của Ponagar là một thiên thần thoại tình sử đẫm máu của dân Chàm. Xưa kia tỉnh-lỵ Nha trang là bộ lạc Djatram của Chàm và ở ngay chân đồi có tháp Bà (bây giờ thuộc làng Vĩnh Hải, quận Vĩnh Xương, tỉnh Khánh-hòa).

Trên đỉnh đồi này, xưa kia đất bằng, có một vườn dưa của gia-dình một lão phu. Hai vợ chồng già không có con, trồng dưa để độ nhật. Ngày nào vườn

ông cũng bị mất dưa, kẻ lạ mặt ăn trộm dưa thì không nghi ai nhưng thường thấy có vỏ dưa bỏ lại tung tóe ở vườn. Hai ông bà lấy làm tức giận quá, thay phiên nhau rình cả đêm để bắt cho kỳ được kẻ trộm dưa.

Rình mãi mấy đêm trường không thấy ai, bỗng một đêm, ông bắt gặp một cô gái xinh đẹp, tuổi chừng 13, 14 đang đứng ăn dưa một cách thân-nhiên trong vườn, ông chạy lại gần để coi cho rõ mặt kẻ ăn trộm dưa thì thiếu nữ khóc nói: «Cháu nghèo đói không cha không mẹ, bơ vơ đã mấy năm nay và nhờ dưa của bác cháu ăn no bụng, sống được đến nay đã 6 năm trường, vậy xin hai bác tha tội cho. . . và nàng quỳ xuống lạy xin nhận ông làm nghĩa phụ ! » Ông lão vội đỡ dậy xem mặt thì rõ-ràng là một trang quốc-sắc thiên hương và có tiên phong đạo cốt, cho là tiên nữ giáng phàm nên lão từ chối mãi và không chịu nhận, sau thấy thiếu nữ thật tình năn-ni nên ông bà để thiếu nữ ở luôn với mình sớm tối hằm hiu.

Một hôm, có cơn phong bão tạt, nước bể lên làm lụt trời.

mắt cả nhà ở cùng vườn dưa, còn ông già, bà già cùng thiếu nữ thì vô sự.

Thiếu nữ ra bờ bể đứng trông theo ngọn nước đang lồi cuốn cây cối nhà cửa trôi đi, trót thấy một khúc gỗ trầm hương trôi qua, nàng liền nhảy xuống nước ôm lấy khúc gỗ cho nó trôi ra biển cả, qua 1 đêm, khúc gỗ trôi qua Bắc-hải, đưa nàng vào bãi cát bên nước Tàu, dân làng bao nhiêu người ra kéo khúc gỗ vào bờ nhưng bao nhiêu người kéo cũng không chuyển được.

Sau phải tâu vua, vua cũng cho là lạ và cho nhiều quân lính và voi ngựa ra để kéo thì cũng không chuyển. Đồng thời lúc ấy thái tử đi qua, thấy vậy chạy ra bãi bể để xem, mới đưa tay cắt khúc gỗ trầm lên thì nhẹ bỗng và có một thiếu nữ hiện ra, thái tử thấy thiếu nữ đẹp lắm nên về xin vua cha cho phép làm lễ đính hôn.

Được mấy năm, Ponagar sanh 1 trai và 1 gái thì lúc này thái tử đã lên làm vua. Nhớ đến quê hương tổ quốc Djatram, nàng xin chồng cho binh thuyền đưa 2 con về xứ thăm nhà nhưng

thái-tử nhất định không chịu xa nàng và 2 con nhỏ, ngoài ra lại cho quân canh gác hoàng thành cẩn mật không cho Ponagar trốn về Chiêm-thành được.

Một đêm kia trong khi trời nổi cơn phong ba bão táp, tối đen mù mịt. Ponagar bồng 2 con ra vườn ngự uyển tìm cây trầm hương xưa, rồi cùng 2 con ôm lấy gốc trầm hương cho cả đoàn bay ra bể trôi về địa phận Djatram. Về đến nơi, nàng bế hai con tìm về chốn cũ, hỏi thăm cha mẹ nuôi thì không còn ai nữa. Vì nỗi cửa nhà hư nát và thương nhớ con nên ông bà đã từ trần 3, 4 năm rồi, Ponagar thề ở lại đây để bảo vệ quê hương chứ không đi đâu nữa vì lúc này hai con nàng đã khôn lớn.

Nói về thái tử, sau khi đã mất tiên nữ và 2 con, ra sau vườn để tìm gốc trầm hương thì cũng không thấy nên thương vợ nhớ con, bực tức vô hạn, sai quân đem binh thuyền qua phía Nam, đến nước Chiêm-Thành để đón đưa vợ con về. Thuyền Vua ở ngoài khơi, cho thuyền nhỏ vào cửa Djatram tìm bắt Ponagar

và ra lệnh nếu nàng không chịu đưa con về thì chàng sẽ cho quân oanh tạc tàn sát hết dân Djatram. Ponagar đau lòng vì quê hương tổ quốc Chiêm-thành, nên nhất định không chịu ra đi và gởi tin ra cho Thái tử hay rằng bao giờ nàng cũng vẫn luôn luôn thương yêu Thái tử nhưng quê hương tổ quốc Chiêm Thành của nàng thì bao giờ cũng phải để lên trên.

Thấy Ponagar cương quyết không chịu về, thái tử hạ lệnh chuẩn bị một cuộc đổ bộ dẫm máu và tàn sát hết quân dân Chăm tại Djatram. Đồng thời, Ponagar cũng luyện tập quân lính để chống xâm lăng.

Cách ba hôm sau, trời đổ mây mưa sấm sét, nước bể dâng lên lồi cuốn hết những binh

thuyền địch chìm theo đáy biển, còn ngự thuyền của Thái tử bỏ neo ở cửa biển trước đời của Ponagar thì cùng chung một số kiếp chìm luôn và chỉ còn ló mũi thuyền lên, nay hóa ra một mồm đá. Đứng trước cái chết thê-thảm của phụ hoàng, đệ nhị thái tử khóc than thảm thiết, bỏ đi lên Đại-Điền rồi chết ở đó nên nay cũng còn 1 tháp thờ đệ-nhi thái-tử ở đây nữa.

Vì Ponagar linh thiêng và dân gian cầu đảo linh ứng, nên vua Tự-Đức đã ban sắc phong cho Bà là « Hồng nhân phổ-tế linh ứng thượng đẳng thần ».

Tới ngày nay, trong những ngày tuần, các thiện nam tín nữ ở vùng này tới lui hương khói đông đảo vô cùng.

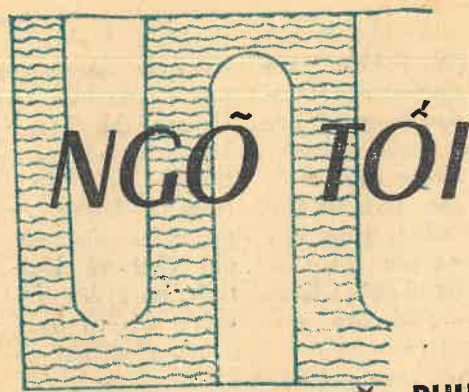


★ DANH-NGÔN

- Một người đàn bà đẹp thì thích mắt, một người đàn bà có nết thì vui lòng; một đấng là cái đờ trang sức, một đấng là cái kho của báu.
- Dù những bực yếm thế nói thế nào mặc lòng, kẻ bội bạc với kẻ gian-tà vẫn là số ít trong loài người.
- Chết là giấc ngủ không mơ.
- Cái đức tính thứ nhất là tận trung với nước.
- Cách giữ lời tốt nhất là không bao giờ hứa ra.

Napoléon 1er

MẠC-QUÁN-HUYỀN sưu-tập



★ PHƯƠNG - ANH

TÁM hôm rồi, căn phố của Quân ở như những căn phố khác trong cái ngõ này chịu cảnh tối đen, thiếu ánh sáng. Vài ngọn nến leo lét làm sao soi thủng cả một màn đêm âm u. Đèn điện trong ngõ tắt cả.

Không phải tại nhà đèn cúp hơi điện hay tại một cái phòng chứa hơi nào đó bị hư hỏng mà vì sự bừa bãi « tham lam » của Quân cũng như bao nhiêu người khác trong ngõ tạo ra. Trong ngõ, nhà đèn không có gắn « công tơ » điện nên muốn xài điện phải năng ai xin cầu lại ở cái căn phố ngoài đường, đầu ngõ. Tuy rằng người ta để lại với giá mắc gấp đôi, nghĩa là sáu đồng một ký-lô điện nhưng miễn có ánh sáng thì thôi nào ai tiếc gì.

Khi có ánh sáng, có đèn điện, người ta muốn hơn thế nữa. Quân cũng vậy. Mọi người tranh nhau úi điện, quạt máy, radio. Sức tiêu thụ quá nhiều, « công tơ » chịu không nổi, đứt cầu chì liên miên. Chứa hoài chủ phố người ta phát cái bảo là « công tơ » bị cháy rồi, chưa thay cái khác kịp. Hãy chờ, cứ chờ, chờ mãi tám hôm qua. Quân âm ục, khó thở về cái sự tối ám này.

Quân đi làm về, trong đầu nghĩ ngay đến sự tối ám, với sự bức dọc khi bước vào nhà thì ba anh từ dưới tỉnh lên đến tự bao giờ. Quân cúi đầu thưa :

- Thưa Ba mới lên chơi.
- Mặt ba Quân không vui :
- Ủ ! Ba lên tới khi chiều.

Quân thấy bản khoán, hồi-hộp lần quên hẳn bực dọc. Anh đi thẳng ra sau, Mai em gái anh đang nấu cơm ở bếp, anh bước lại khẽ hỏi :

— Chiều nay ăn với gì ? Em có mua gì để ba ăn ?

Mai mỉm cười, buông hai tay xuống :

— Anh có đưa tiền cho em đâu. Đi học về, đứt đầu vô nhà em thấy ba là em lo lẫn rồi. Lỗi tại anh. Ba có rầy, em cứ bảo hỏi anh là xong.

Quân cũng cười với em gái nhưng miệng méo xệch đi :

— Nguy ! thế nào cũng bị bố ! Mà sao lạ, hể lần nào ba hay má lên chơi là y như vừa hết tiền, không còn một xu dính túi. Không hiểu sao lúc mình mới lãnh lương, tiền đầy túi lại không lên.

— Ai bảo anh xài cho dữ, bây giờ kể lẽ gì !

Quân hóm hỉnh với em gái :

— Tao mà xài à ? Có lẽ nó trốn đi thì phải hơn.

— Má bảo anh xài tiền như cái cối xay, đúng lắm ! Mỗi tháng anh lãnh lương bốn nghìn rưỡi, ba má cho tiền riêng tụi em ăn học ba nghìn. Cộng lại bảy nghìn rưỡi, đã thế, gạo thì ở nhà mang lên, đôi khi

thức ăn, gà vịt ba má gửi lên cho, ăn cả tuần không hết. Người ở không phải mướn. Tiền giặt úi cũng không. Tất cả đều do em với con Nga làm cho anh.

Bốn anh em xài như thế, đáng lẽ dư là khác nhưng sao tháng nào mới đến hai mươi tây đã thấy thiếu rồi. Kề ra, anh tư, em, con Nga, ba đưa em còn đi học có xài gì ? Chỉ mình anh, anh làm « thủ quỹ » không xong, luôn luôn « thụt két », bết bát.

Thôi ! Tao lo sốt vó đây, ở đó mà tranh-luận. À ! Anh Tư mà với con Nga đâu ?

— Ba vừa sai đi đâu, em lo nấu cơm không biết rồi.

— Cơm chín chưa ? Có thể bỏ đấy được không ?

Mai tủm tỉm cười :

— Chi vậy anh ? Lại « âm-mưu » gì cần phải có em hở ?

— Ủ ! Đi chợ mua đồ ăn với tao.

— Anh thuật ra tiền à ?

— Ủ ! Tao đi mượn đưa cho.

— Em rầu anh quá ! Xài cho cố sát rồi bây giờ lính quỳnh, vay mượn tứ tung. Em đầu hàng gấp !

Hai anh em nhìn nhau cười.

Quân quay trở ra. Mai vắn thấp cái tim "réchaud" xuống, đoạn xách túi mũ đi ra cửa. Quân thưa :

— Thưa ba, ba ở nhà, con đưa Mai đi chợ mua đồ ăn tí xíu.

— Ồ ! Đừng có bày vẽ thêm cực khổ mà tốn kém lắm con ! Ba không chịu đâu. Ăn uống vừa phải thôi, để dành tiền phòng khi đau yếu hay mua sắm mọi thứ cần dùng khác.

— Dạ tụi con còn tiền nhiều lắm. Ba đừng lo ngại.

Quân nhìn Mai nheo nheo đôi mắt cười, đi ra ngõ.

Ở chơi được hai hôm, trước khi về, ba Quân với giọng buồn buồn bảo :

— Con đâu ba nhiều điều lắm, nhưng ba biết. Ở trên này con là lớn sao con không biết thu xếp. lo liệu thế nào cho chu đáo. Ba hết sức buồn khi lên thấy các con không còn một đồng nào phải chạy đôn chạy đáo. May là có ba lên, nếu không các con sẽ sống ra sao ?

Quân cúi đầu, lặng thinh. Anh biết không thế nào chối được nữa rồi. Ba Quân tiếp :

— Ba không hiểu mỗi tháng gần tám ngàn bạc, chỉ có bốn anh em

mà sao còn thiếu hụt ? Con xài gì dữ vậy Quân ? Ba má làm cực khổ, có tiền bao nhiêu cũng lo hết cho các con. Ba má nào có dám xài phí gì đâu. Không phải ba tiếc tiền với các con nhưng các con phải hiểu hoàn cảnh mình, không nên đua đòi, chạy đua theo thiên hạ. Rủi nữa chừng hết tiền, không về nhà được các con làm sao ? Ba đề cho con làm việc là lòng ba buồn ghê lắm. Ba muốn con học, học mãi cho đến khi có một nghề vĩnh - viễn trong tay, nhưng sức ba có hạn. Bây giờ làm ra tiền, con cũng nên cố học thêm và bớt hoang phí. Ba dặn điều này con nhớ, nếu lần sau ba lên mà còn gặp cái cảnh hoang phí, bừa bãi, vô-độ như thế thì ba buồn lắm và ba sẽ đem các con về. Ở Saigon, lúc hết tiền không bà con thân thuộc con sẽ làm sao ? Sống mà đi vay mượn mãi thì . . . , thôi ! Ba về đây, con nhớ lấy.

Ba Quân móc bóp ra :

— Ba đưa thêm cho con một ngàn đề xài từ đây đến cuối tháng.

Nói xong Ba Quân ra về với một nỗi buồn vô hạn. Quân thấy chết điếng và hối hận trong lòng. Trời chưa sáng hẳn. Quân đưa

ba đi luôn dưới ngõ tối ra đường đón xe. Đầu anh cúi xuống, lắc-lư theo bước đi.



Hôm nay vừa ký tên lãnh tiền xong là Quân lòng bảo lòng từ nay sẽ không hoang phí nữa, để đặt trong sự chi tiêu. Ngồi ở bàn Quân lấy bút chì ghi trên miếng giấy con các khoản chi tiêu.

Tiền nhà	800\$—
Điện	200,—
Nước	120,—
Học phí 3 em	960,—
Ăn	1.800,—
Điêm tâm	600,—
Thuốc lá	450,—
Báo chí	92,—
Lặt vặt	500,—
Xe pháo, ciné	800,—
Bất thường khách khứa	500,—
	<hr/>
	6.822\$00

Hừ ! Còn dư được hơn sáu trăm. Thế sao tháng nào cũng thiếu ? Mới hai mươi tây đã hết rồi ? Cảnh vay mượn vẫn xảy ra luôn. Quân cố nhớ lại trong những tháng rồi mình đã xài phí những gì ? Không có gì đáng cả ! Thế tại sao lại hết ?

Ra khỏi sở, Quân đứng tần-ngần ở vệ đường trong lúc các bạn lên xe ra về lữ-lượt hay đi

lại trạm đón xe ô-tô-buýt. Nhìn lên, bỗng dưng Quân thấy hôm nay sao nóng lạ, nóng hơn mọi hôm nhiều. Trời nắng chang chang đỏ lửa. Anh cảm thấy môi mệt, làm biếng một cách lạ lùng. Cái trạng thái mà mọi hôm, khi hết tiền trong túi thì không bao giờ có.

Chuyến xe ô-tô buýt chạy qua, Quân móc thuốc ra châm hút nheo mắt nhìn. Trên xe nghệt những người là người như cá hộp. Anh lắc đầu, uể - oải, đưa tay đón tắc-xi. Miệng lầm nhảm :

— Lâu lâu, một lần tắc-xi có sao ? Tội gì không sướng !

Quân mỉm cười, bước lên xe. Anh ngã đầu ra sau, phì-phà khói thuốc. Nắng chảy dưới mặt đường, loang loáng những sao trư.

Ăn cơm trưa xong, Quân leo lên giường nằm ngủ. Khi nãy anh thấy môi mệt lạ thường, thềm được nằm ngủ lắm mà bây giờ nằm lên giường anh không sao ngủ được. Càng nhắm mắt cố ngủ, Quân lại càng bức rức, nôn nao khó chịu lạ. Nằm một lúc, sự khó chịu bản khoăn, bức rức ngày càng tăng, Quân chỗi dậy. Anh nghiệm thấy rằng khi nào mới

lãnh lương hay có một số tiền khá khá trong túi là y như có trạng thái này. Quân biết mình phải đi, đi để không bị tiền « hành hạ », « cắn rứt ».

Quân nghĩ ngay đến các khoản chi tiêu, nghĩ ngay gương mặt buồn rầu của ba nhưng anh nhủ thầm :

— Hừ ! Hôm nay chiều thứ bảy, mình đưa các em đi chơi một lúc có sao ? Miễn rằng mình đừng hoang quá thì được. Làm việc mệt, học mệt cũng nên đi chơi chứ !

Thế là Quân nhường bước. Bản tính, thói quen cố hữu chiến thắng anh. Quân bảo các em !

— Mấy đứa sữa soạn đi !

Mai hỏi :

— Đi đâu thế anh ? Mới lãnh lương chứ gì ?

— Ủ ! Cứ ra xe hầy hay ! Đưa nào muốn gì anh cũng cho hết !

Mai nguyệt dài :

— Anh làm sao mà cuối tháng ăn với muối, em mét ba !

— Lo gì ! Xài chán cũng chưa hết.

Quân quay ra sau tắm rửa, sữa soạn. Chân anh bây giờ thấy nhẹ nhõm trong người không còn khó

chịu nữa. Nước lạnh dội vào da thịt làm anh mát mẻ, « thông minh » hơn. Anh nghĩ, có lẽ đi chơi về mình phải giao tiền cho Mai giữ mới được. Con gái dù sao cũng biết lo xa, thu xếp vén khéo. Không chừng thế lại hay. Anh vỗ hai tay lên đầu ! Tuyệt diệu ! Tuyệt diệu lắm !

Lên xe taxi, Quân cũng chưa biết mình đưa các em đi đâu. Nghĩ là phải đi, ở nhà trong lúc có tiền, chịu không nổi, Quân chỉ hiều là như thế. Dự định, anh không dự định gì cả. Anh quay sang Triều, em trai kế anh :

— Sao ? Mà muốn đi chơi đâu ? Tao thì không biết đi đâu bây giờ nữa.

— Tùy anh ! À ! Hay mình xuống Saigon ăn kem !

Quân hất hàm về phía trước bảo tài xế :

— Anh cho xuống Saigon, ngừng ở tiệm kem « Phi điệp » nghe !

Hai chiếc taxi vừa ngừng song song ở trước cửa tiệm kem, Quân chưa kịp trả tiền xe thì anh chợt thấy một cô bạn đồng sở cùng với hai người bạn gái từ xa đi lại. Anh móc ví tiền giấy trăm đưa cho Triều bảo trả, còn anh vượt nhanh nép quần nhân, ướng ngược đứng thẳng người lên, cười mỉm chỉ :

— À ! Có Trang cũng đi chơi đấy à ?

Trang — cô bạn anh — cũng cười vui về :

— Chiều thứ bảy mà anh ! Với lại người ta mới lãnh lương phải đi chơi, đi mua sắm cái gì cho nó vui bớt đi chứ !

— Ủ ! Oai nhì !

Ba cô ngừng lại. Quân khế gật đầu chào hai cô bạn của Trang. Cái « phong độ hào hoa » và con người « sang cả, lịch sự » dựng ngược Quân dậy :

— Trời nóng quá, tôi đưa các em đi ăn kem xong lại đi chơi. Sân dịp mời cô Trang và hai cô vào ăn kem rồi cùng đi chơi cho vui.

Trang nhìn hai cô bạn dò ý. Thấy cả hai lúng túng, đứng đàng chưa quyết nhưng không có vẻ gì là phản đối. Trang cười, ưng thuận :

— Anh mời ai dám từ chối !

Nàng hóm-hỉnh :

— Rất hân hạnh và đa tạ lòng tốt của « Ngài » hạ cố đến chúng tôi.

Cả bọn phá lên cười vui-vẻ đi vào quán. Quân định bụng (!) mình sẽ bớt hoang phí nhưng cái ngữ này thì còn định làm sao được nữa. Không lẽ mời khách kem thường, cái « phong độ hào hoa » nó kém đi sao ? Ồ ! Đến đâu hay đó, lo gì ! « Lôi thôi »

với người ngoài, không nên ?!

Ngồi yên đầu vào đấy xong, Quân nhịp nhịp bàn tay xuống bàn bảo anh bồi bàn đứng cạnh đấy :

— Anh cho 7 cái « chocolat chantilly » !

Mai đưa mắt nhìn Quân như ngầm bảo :

— Anh hoang lắm ! « chocolat » thường không được sao ?

Quân ngược lên trần nhà, khế nhún vai, mỉm cười lấy một mình.

Một lát sau khi kem gần hết và bánh ngọt nhân dĩa thì anh lại gọi thêm :

— Anh cho thêm bánh ngọt và 7 ly sữa tươi nhá !

Đến phiên Trang đưa mắt nhìn anh :

— Kia anh ! « chantilly » đã làm ngán muốn chết rồi anh còn gọi sữa, làm sao uống nổi ?

— Có gì ! Rán uống vậy ! Trời nóng, ăn phải có uống mới đỡ khát. Quân trả lời.

Khi ăn xong, Quân thanh toán tiền nóng. Anh tính nhầm :

— 7 cái « chantilly » 16\$ × 7 = 112\$, 7 ly sữa tươi 10\$ × 7 = 70\$, 10 cái bánh ngọt 5\$ × 10 = 50\$. Tất cả vị chi đi là 232\$. Ồ ! Cũng không là bao ! Cần phải như vậy thì tránh sao khỏi ?

Ra đường, Quân cao hứng mời luôn :

— Bây giờ mình đi vòng vòng bên chợ mua một ít đồ lật vặt, tiện dịp tôi mua cho mấy em tôi mấy thức cần dùng. Sau đó ta lại « Kinh-dô » xem ciné. Phim hay lắm. Đồng ý nhá, cô Trang !

Lại dùng-dăng nhưng rồi đầu vào đây. Quân dẫn đầu kéo cả bọn đi.

Mãi đến 9 giờ hơn, bọn Quân mới về đến nhà. Trên đường tấp nập những xe là xe. Kinh thành vẫn rộn rịp, xa hoa bùng ánh sáng như một thiên đường, hoan-lạc. Chui vào ngõ, ngõ tối om om không một chút ánh sáng. Cho đến hôm nay cái « công tơ » điện đầu ngõ vẫn (!) chưa thay được. Vô ý, Quân dẫm lên một vũng sinh. Nước văng toé lên.

Ngang một căn phố hẹp. Quân thoáng nghe mấy câu của một đôi vợ chồng trách móc nhau :

— Anh xài hoang lắm. Có bao nhiêu tiền anh cố xài cho kỳ hết, sau đó suốt tháng thì chật vật khổ sở. Sao anh không chịu nghĩ đến gia-đình, không lo xa, dành dụm. Anh muốn suốt đời cứ thế này mãi phải không ? Tôi thấy đời mình sao tối đen như cái ngõ này. Sáng không mấy lúc rồi tối, tối mãi.

Một giọng nói đàn ông, nhừa nhựa vì say nổi lên :

— Ủ ! Nói mãi ! Mình nghèo mình biết, ra ngoài phải xài cho người ta không khinh mình nghèo

chứ ! Oai được thì cứ oai ! Ồ ! Trời sinh voi, sinh cỏ.

— Ủ ! Địa ngục đấy ! Người ta ai ai cũng vì cái tiếng hảo thôi !

Loay hoay một lúc Quân mới mở được cửa. Anh vào nhà, tai vẫn còn thoáng nghe văng vẳng tiếng trách móc nhau khi nãy của đôi vợ chồng ai. Anh dò dẫm đi tìm mấy cây nến trên nóc tủ. Anh vấp phải cái chân ghế, hụt chân, chúi vào tường. Mắt anh nổi đom đóm. Sờ cái trán bị u lên, anh không nghe đau một chút nào nhưng lại rùng rình như mỗi lần trước kia anh bị hụt chân.

Các em Quân đi ngủ từ lâu. Riêng Quân ngồi lặng lẽ ở bàn viết với mảnh giấy con đầy những số chỉ chút trước mặt. Mình tiêu gì mà ghê thế nhỉ ? khi chiều đi ăn kem, mua viết, mua sắm cho các em rồi đi xem ciné, đi ăn « Tám Lọ » ngờ là không bao nhiêu. Bây giờ tính lại có hơn hai nghìn hai rồi. Thế này thì có chết mất ! Theo cái đà này độ mười hôm nữa sẽ không còn một xu. Rồi ba lên thăm, rồi..

Quân thở dài, đi ra đứng ở cửa. Ngõ tối mênh mông, đen ngòm lặng ngắt. Qua ánh đèn leo lét của chiếc đèn con, Quân cố tìm cái bóng mình nhưng không thấy gì, không biết nó lạc về đâu ?

một bài thơ Nam-Dương của WALUJATI

WALUJATI là một trong các Thi-sĩ có danh-tiếng hiện nay của Nam-Dương. Ông thuộc về phái Thơ-mới, và chịu ảnh-hưởng khá nhiều của Thi-văn Hòa-lan. Chúng tôi xin dịch ra đây một bài của ông làm năm 1956 Bài dịch hoàn toàn đúng theo ý của tác-giả.

TÂN PHONG

Từ giã

✧ WALUJATI

Em và anh kết những cành hoa
Thành một bó hoa thơm đẹp,
Vui sướng lúc trở về,
Trên trời rơi xuống những hạt
sương đỏ.
Cuối đường, em với anh từ giã.
Bó hoa run trong tay anh, than
ôi,
Rót xuống đất, tẻ làm đôi !
Em lượm một nửa, anh một nửa
Rồi em nắm chặt đi về, sợ hoa
rót nửa
Anh lang thang một mình trên
đường bụi,
Em ôm về nửa bó hoa,
Còn gởi lại anh ngào ngạt
hương xa.

Thái Phiên



THÀNH - THỊ -
VƯƠNG BAI
THỊ VONG.
Đây là lời nói của
Phế-đế DUY-
TÂN, trong tiếng

cười cay đắng,
khi nhìn nghĩa sự
vỡ lẽ rồi một
mục giữ thái-độ
« nín thinh » cho
tối ngày bước
chân xuống tàu
đi đây. Thế là
« cửu niên hoàng
ốc khí như di » chỉ vì « não sát
toàn bản nhứt trước sai » (1).

Phận vua đã thế, còn phần
thần tử ra sao ?

Than ôi ! « Bất thành cam tự
đoạn đầu lô ». (2) Trời An-Hòa
là nơi chứng kiến bốn chiếc đầu
của bốn bậc (3) chịu sát thân để
thành nhân rơi lông-lóc trên Đất
mẹ. Các vị ấy đã bước vào lịch-sử.

Và cũng từ cái giờ phút thâm sâu
ấy, tên Thái-Phiên bắt đầu được
in đậm lên trang tranh-đấu sử để
lưu truyền hậu thế.

Liệt-sĩ THÁI-PHIÊN hiệu
là NAM - XƯƠNG, sinh năm
Nhâm-ngọ (1882), tức là năm
TỰ-ĐỨC thứ 35, nhằm vào lúc
TÔN - THẮT - THUYẾT và
Đảng VẤN-THÂN truyền hịch
giết đạo khắp nơi và cũng là
năm thành Hà - nội thất thủ
(HOÀNG-DIỆU tuần tiết).

Ông tổ tứ đại của Thái-Phiên
là THÁI-VẤN-TÂM vốn người
Bình-Định, vì một nguyên nhân
nào đó, đã đi ra lập nghiệp ở

VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA
NĂM BÌNH THÂN (1916)

★ THIÊN-SINH

làng NGHI-AN thuộc huyện
Hòa - Vang tỉnh Quảng - Nam.

(1), (2) Những câu này
trong một bài thơ của một nhà
cách-mạng ở Côn-Lôn cảm-kích
làm ra sau vụ khởi nghĩa thất
bại.

(3) Trần-Cao-Vân, Thái-
Phiên, Tôn-Thất-Đề, Nguyễn-
Siêu.

THÁI PHIÊN

Nơi đời ông này là THÁI-VẤN
CUÔNG rồi kể đến THÁI-
DUY-TÂN. Thái-duy-Tân lấy
người vợ làng TÂN-HẠNH
tên là LÊ-THỊ-TÝ sinh hạ được
năm người con : Thái - Thị-
Chuột, THÁI-PHIÊN, Thái-
Thị-Nhàn, Thái-thị-Sỏi và Thái-
Thị-Gái.

Là con trai duy nhất nên từ
tấm bé THÁI-PHIÊN rất được
thân - phụ chăm chú cho về
đường học vấn. PHIÊN theo
thụ-giáo với người bạn của cha
là PHAN-CHÍ-HỌC, một nhà
nho trong làng. Thiên-tư thông
minh, PHIÊN học rất chóng giỏi
đến nỗi sau đó, thân phụ phải gởi
PHIÊN đến xin chữ ông đồ
TRẦN-TỔNG tại làng Thạch
Nham.

Với cái chức hương-mục (nên
đình làng thường gọi là hương
Tân), với cảnh nhà khá-giá, ông
Tân được hưởng cái thú săn
mang trong dãy núi sau nhà.

Một ngày kia, thấy lợi mãi núi
cũ cũng chán, ông Tân bèn đuổi
đàn chó qua Phong Bắc (tức
Phong-Lệ, Làng Ông Ích-Khiêm)
săn chồn. Trong cuộc rượt thú,
ông Tân bị tên đồn trưởng tây
trắng hành hung. Bản tính cường
ngạnh, ông Tân toan cãi lại,

nhưng vì ngôn ngữ bất đồng và
yếu thế, ông hương mục làng
Nghi-An đành phải nuốt hận
nhận lãnh mấy tát tai trở về nhà.

Lại thêm sau đó có tên Đới
PHẠM ở đồn Phước - Trường
(cạnh Nghi An) phá phách dân
làng và người bồi của viên đồn
trưởng) theo ve vãn người con gái
cả, Lý Tân (lúc này đã lên làm lý
trưởng) thân hành vào đồn kiện
cáo. Nhưng, cũng như lần trước,
ông Tân lại ôm hận ra về.

Liền đấy, một ý nghĩ khác
thường nảy ra trong khối óc đang
chứa đầy sự phẫn-uất, ông Tân
bèn cho gọi THÁI - PHIÊN
về đề rồi tức tốc gởi PHIÊN
xuống Đà - Nẵng học chữ Pháp
với ông thông Phong làm thầy
kiện.

Theo thụ giáo được hai ba năm,
PHIÊN lại được lệnh thân phụ
gọi về cưới vợ và người nâng
khăn sửa túi cho PHIÊN là cô
gái TRINH - THỊ - NHUẬN,
con ông TRINH-THIỆN GIÁO,
một người tai mắt trong làng.

Cũng khoảng thời gian này,
nguồn máu hận tiềm phục bấy lâu
trong huyết quản ông Lý Tân
được trao lại THÁI PHIÊN
qua những lời dạy bảo cần mật
nhưng tràn ngập nộ khí.

Cặp kỳ thi ký lục Thương-Chánh, THÁI PHIÊN nộp đơn và thi đỗ, được thiên đi làm tậ HIỆP HÒA (Tam kỳ). Nơi đây, ông đã gặp rồi quen biết viên thầu khoán LE ROY, một người Pháp rất tử tế. Suốt bảy tám năm tòng sự, với số lương chín mười đồng bạc (lương lúc bấy giờ) mỗi tháng, THÁI PHIÊN cảm thấy cuộc đời của một thầy ký lục thật là tẻ nhạt lại không phù hợp với ý chí của mình.

Thầu khoán LE ROY lấy tấm lòng thành thật khuyên THÁI PHIÊN nên theo làm với ông ta sẽ hưởng số lương khá hơn. Cảm tấm lòng chí thành ấy, THÁI PHIÊN định theo LE ROY nhưng cái nhục của mấy tát tai của thân phụ không thể cho phép THÁI PHIÊN tiếp tục hợp tác với một người Pháp. THÁI PHIÊN bèn xin thôi việc trở về nhà. Nửa tháng sau, ông lại vào làm thông phán giầy thép Đà-nẵng. Công việc rất bề bộn, cực nhọc nên ba năm sau, THÁI PHIÊN lại từ giã sở trên và lần này ông quyết định qua làm với LE ROY (lúc này LE ROY đã làm chủ hãng chè ở Đà Nẵng) theo lời mời ân cần của ông nọ.

Chính trong thời gian này, chí

khí THÁI PHIÊN mới bắt đầu có dịp thi thố.



THÁI PHIÊN giao du mật thiết với thầy thông PHAN-HIÊN cùng sở và rủ nhau vào yết kiến nhà cách mạng TRẦN-CAO-VÂN đang nằm ở Quảng-Nam

Lạ gì cái lễ đồng thanh đồng khí, sau những cuộc đàm luận quốc sự, các vị đã tán đồng với nhau trên nhiều quan điểm.

Thế rồi một cuộc mật nghị truyền cho các đồng chí khắp ba tỉnh Quảng-Nam, Quảng - Ngãi, Thừa-Thiên. Trong số phải kể đến các chí sĩ danh tiếng đã từng vào khám ra tù hoặc đày Côn-lôn là : Ông TÚ PHẠM - CAO - CHÂM, cử nhân NGUYỄN-SUY (tức Hồ Khê), cử nhân LÊ - BÁ - TRINH, Tú tài LÊ-NGUNG. Thêm vào đây có cả nhân viên tòng sự tại các công sở Pháp như TRẦN-QUANG-TRỨ (thợ ký tòa sứ, thường gọi Phán Trứ) PHAN - THÀNH - TÀI (y sĩ)..

Kết quả cuộc mật nghị trên là một sự âm mưu lật đổ ách thống trị được vạch ra dưới những cơ cấu tổ chức :

1.— Về mặt quân binh, cũng là vấn đề trọng - yếu, các vị đã nhắm vào ba ngàn lính mộ đi đánh giặc bên Pháp đang được huấn-luyện tại Huế cùng số lính tập (lính khổ xanh) đóng tại các đồn trú. Với hai con số này, các vị sẽ cho cán bộ len lỏi chiêu dụ họ dùng súng đạn của người Pháp để đánh lại người Pháp. Đồng thời các làng tỉnh còn có những đội dân quân võ trang mã tấu, dao phạng. Một đôi chỗ cũng có súng đạn và trái phá (ít lắm) do các vị ngấm len mua về. Ngoài ra, những người làm bồi cho những tên Pháp « đầu sỏ » cũng được các vị huy động triệt để.

2.— Nhưng bấy nhiêu công việc chẳng phải tay không hay lời tâm huyết mà làm nên. Tất nhiên phải nhờ đến tài chánh. Các vị đã thừa thấy trước điều hệ trọng ấy, cho nên một mặt quyên tiền các nhà giàu hảo tâm. Một mặt lập những thương hội mục đích kiếm lợi, nhất là để « dĩ thương hợp quần ». Những thương hội này đều do các ông cử, ông tú đứng ra trông nom : Phong-Bắc có ông Tú Lê-văn-Bính (tức TÚ TU) và ÔNG-VĂN-ĐƯỢC ; Quang-Châu, Miếu-Bông có TÚ ĐỒ - TU, CỬU-THIỆU ; Hà-Mặt

có CỬ ĐIỆN, HUỲNH KHÂM, Phú-Thượng có chánh LỊCH (người Gia - tô - Giáo) (Xem như thế có thể nói Quảng-Nam là căn cứ địa cho cuộc khởi nghĩa).

3.— Trong nước chưa đủ, các vị còn nghĩ đến sự giúp sức ở nước ngoài bằng cách cho người qua HUƠNG-CẢNG tìm gặp cụ PHAN-BỘI-CHÂU. Người đảm - nhiệm trọng - trách này là TRỊNH-MAI, một người có họ với THÁI - PHIÊN. (Ông TRỊNH-MAI qua đến Hương-Cảng có gặp cụ PHAN-BỘI-CHÂU nhưng hội đàm không được vì người trung-gian (1) vừa bị mật thám bắt. Ông MAI ở bên ấy nửa tháng rồi trở về. Ông cũng còn là người hướng dẫn thanh-niên xuất ngoại và sự liên-lạc Bắc - Nam qua hai chiếc tàu thơ MANCHE và LACHARD lúc bấy giờ).

4.— Nghĩa hội của các vị cũng không thoát ra ngoài cái thông lệ là tôn một người làm Minh-Chủ. Người ấy, các vị đã hướng vọng tất cả về Hoàng-Đế Nam-triều DUY-TÂN VĨNH

(1) Phải có người trung gian cụ Phan mới chịu tiếp.

SAN, con vua THÀNH THÁI vừa bị người Pháp phế-truất.

Nhà cách - mạng lão - luyện TRẦN-CAO-VÂN đứng ra nhận lãnh cái trọng trách tối khó khăn là mang tờ biểu của dân các tỉnh dâng lên nhà vua, tấu về việc lật đổ chính quyền Bảo-hộ. Họ Trần đã làm xong bốn phận qua dạng lột một người câu cá, rờng rã từ buổi giăng câu ở ngoài thành cho đến ngày giáp mặt Rồng bên bờ hồ TỈNH-TÂM.

(Về sự kiện này, chúng tôi xin mạn phép mở dấu ngoặc chép lời các cụ thuật như sau : " Vào một ngày chúa nhật, anh Thông (1) từ Đà-Nẵng về Nghi-An nghỉ ngơi. Qua con mệ, anh Thông bèn cho bày tiệc rượu ngon mời ông thủ-sắc trong làng đến đối ẩm. Anh Thông cố ý phục rượu cho ông thủ-sắc thật say rồi dẫn ông qua nhà biểu mở cửa. Anh vào khui hòm, lấy tờ sắc phong thần của vua Thành-Thái đem qua nhà Hội, căng thẳng, hơ lửa phía bên dưới. Hai ba người nữa phụ với anh, chờ cho son khuôn ấn trong tờ sắc hơi khói uơn-ướt, các anh mới úp một khung giấy có viết chữ sẵn lên trên, đoạn vuốt đi vuốt lại nhiều lần. Chừng lấy ra thì cả khuôn

ấn trong tờ sắc in rành rành qua khung giấy. Khung giấy ấy chính là tờ chiếu của vua Thành-Thái cam-kết với chúng dân mưu việc chống Pháp. Nhưng chưa kịp thì vua bị đi đày. Trần-cao-Vân đã mang tờ chiếu giả mạo ấy ra Kinh để để bề thuyết phục vua DUY-TÂN, một ông vua còn trẻ tuổi).

Với sự kiện trên, chúng tôi có chỗ hồ nghi, nhưng cũng xin viết ra đây để Quý vị cùng xem xét.



Vua DUY-TÂN ban ấn chỉ cho Trần-Cao-Vân đề làm " của tin" kết nạp nhân sĩ, THÁI-PHIÊN cùng người đồng chí là LÊ-CẢNH-THÁI lên ra NGHỆ-AN tìm đến yết kiến nhà cách-mạng NGUYỄN-THÁI-BẠT (tức Nguyễn-Phong-Di đã từng xuất dương du học tại các trường Võ-bị CHẤN - VÕ ở Nhật và QUẢNG-TÂY LỤC QUÂN CÁN - BỘ HỌC-ĐƯỜNG ở Tàu) thỉnh cầu ông này đứng ra chỉ huy việc đánh Kinh-Thành. Sự ấy không thành

(1) Người trong họ thường gọi THÁI PHIÊN là anh THÔNG.

nên THÁI PHIÊN được đề cử thay thế NGUYỄN - THÁI-BẠT.

Đầu năm Bính-Thìn trở đi, sự liên lạc giữa THÁI-PHIÊN và các đồng chí trở nên gấp rút. Những bức thư cuộn tròn đề tên CÔ - ĐÀ (1) bí mật bay về THÁI-PHIÊN đề rời tay họ THÁI chuyên đi khắp miền Nam tỉnh Quảng-Nam và Quảng Ngãi.

Tất cả đang nóng lòng đợi kỳ hành sự.

Những người lính tập thân nhiên đi lại trong đồn trại như mọi ngày; nhưng có biết đâu đôi mắt rình rập theo dõi hành tung và địa thế của những viên sĩ quan Pháp đang ở. Những anh bồi vẫn vui vẻ, ngoan ngoãn với « ông lớn » nhưng trong đầu óc các anh đang toan tính những đường dao kinh hồn sắp phải ra tay trong một ngày. . .

Ngày ấy đã đến với họ và cả dân hai miền Nam-Ngãi.

Sáng ngày mồng 1 tháng 4 năm Bính Thìn, tức 2 tháng 5 năm 1916, Thái-Phiên cùng vài đồng chí bí-mật đáp xe ra Huế.

Nghĩa quân các nơi hồi - hộc

chờ đợi phát lệnh vào tối hôm ấy.

Đúng 10 giờ đêm, bốn tên thị vệ tin cần phò vua Duy-ân xuất môn đề chỉ huy cuộc khởi nghĩa.

Nhưng trái với điều mong đợi của nghĩa binh, cuộc khởi nghĩa đã đi qua trong sự im lặng suốt đêm hôm ấy đề rời bùng sáng ra mới hay rằng đại sự đã bại lộ và người Pháp đang mở lòng bắt găt gao.

Nguyên 9 giờ đêm hôm ấy, Thái - Phiên và Lê-cảnh-Vân (người nổ phát lệnh) đang ngồi chờ ở một ngôi nhà trong thành, bỗng nhiên được tin lính Pháp kéo đến đồng thời tiếng kêu khóc trong nỗi dậy lên. Thái - Phiên biết việc không xong nên bảo Lê-Cảnh-Vân thoát ra ngã sau đi tìm thuyền ngự báo tin. Lê-cảnh-Vân qua Bến ngự báo hung tin. Nhà vua nghe xong thở dài : « Thôi ! Việc như rứa thì hay rứa ! Chừ thầy đi tìm mời thầy Phó (1) đến đây ». Vâng lệnh,

(1) Trá danh của THÁI-PHIÊN.

(2) Vua Duy-Tân gọi Trần-Cao-Vân là thầy Chánh và Thái-Phiên là thầy Phó.

rời thuyền ngự được một quãng xa, Cảnh-Vân bị bắt với khẩu súng vừa dẫu trong bụi tre.

Các yếu-nhân khác lần - lượt lọt vào tay người Pháp. Hai ngày sau, Thái - Phiên cũng bị nhân-viên Ty Liêm - Phóng gặp mặt ở Truồi.

Ngày 6 tháng 5, bốn ngày sau đêm khởi nghĩa, dân kinh thành được tin hai ông Le Fol, chánh văn phòng Tòa Khâm và Léon Sogny, chánh mật - thám, lên « mời » Hoàng đế Duy - Tân, đang ngự tại ngôi chùa gần Nam Giao, hồi cung. (Trần-Cao-Vân cũng bị bắt tại đây.)

Cái điều đau lòng nhất cho nhà vua và nghĩa hội là người hướng dẫn sự lũng bắt ấy lại chính là thư-ký tòa-sứ TRẦN-QUANG - TRỨ, một trong những vai trò tối quan-trọng của cuộc âm mưu. Người ta cũng còn được biết Phan TRỨ đã phản bội, manh tâm tiết lộ mọi việc trước giờ khởi sự.

Thế là « linh hồn cuộc khởi nghĩa » đã vào tay người Pháp cầm giữ. Ngọn lửa cách - mạng cũng theo gót chân nhà vua mà lịm dần, lịm dần trước sự đàn áp hung-hãn của mật thám.

Cuộc khởi nghĩa đã đưa đến một kết-quả bi thảm nhất là vua DUY - TÂN bị đày qua đảo Réunion và một số chiến - sĩ ; (Trần-Cao-Vân, THÁI-PHIÊN Tôn-Thất-Đề, Nguyễn-Siêu) ra phất rương An-Hòa đền nợ nước Tại Quảng-Nam, một bãi chém cũng được lập ra để hành quyết một người Huê - kiều và một người Mọi về tội chuyển vận đạn dược, trái phá cho nghĩa binh. Ấy là hai ông THÂM-TUÔNG VÂN và ỨT-PEM.

Cái tin THÁI - PHIÊN vì nước bỏ mình bay ra đến nước ngoài, tới tai nhà cách-mạng Phan-Bội-Châu và cụ Phan đã đau đớn khóc một bài thơ thống-thiết như sau :

*Bày thước thân trai gánh nợ đời,
Tinh thần khu xác một mà hai.
Trong vòng lòng chậu không chim cá
Trước mặt non sông có đất trời.
Cây cỏ biếc đem gây màu nhuộm,
Ruột gan rỗng cây tấm gương soi.
Chúng ta vẫn cùng dòng Hồng-Lạc
Xin hỏi NAM - XƯỞNG có
mấy ai ?*



Chương II

2. — ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT

BỞ I lẽ, khác hẳn với các nước khác trên Thế-giới, chỉ riêng ở Việt nam chúng ta các sách báo bị cho mượn nhiều hơn là được bán, cho nên chúng ta không còn ngạc-nhiên nữa khi biết rằng ở Tokyo, Paris, hay Roma, London, Bruxelles, New Delhi, v.v... một tờ báo hằng ngày kém độc-giả nhất cũng bán được từ 200.000 số trở lên, còn ở Sài Gòn một tờ nhật báo

★ NGUYEN-VỸ

bán chạy nhất cũng không quá 25.000 hoặc 30.000 tờ. Chỉ có người ngoại quốc là ngạc-nhiên mà thôi. Một ông bạn ký-giả của tờ báo Manila Chronicle, ở Phi-luật-Tân, mà số báo phát-hành thường ngày là 200.000 tờ, kinh ngạc nhìn tôi và hỏi tại sao một tờ nhật báo ở Sài Gòn, mà ông đang cầm trong

tay, với một câu biểu-ngữ hân-hiến in trên đầu trang nhất là «*tờ báo có uy-tin nhất ở Việt-Nam*» chỉ bán thật sự không quá 25.000 tờ, con số mà ông đã coi được trong một bản điều-tra chính-thức nào đó.

Ông ấy lại bảo :

— Riêng ở Sài-gòn có gần đến hai triệu dân mà không lẽ tờ báo này không bán được 20.000 số sao ?

Đĩ nhiên là tôi phải trả lời bằng cách này hay cách khác, thí dụ tôi bảo rằng tất cả các tờ báo khác cũng bán xấp-xỉ trên 20.000 số, và tính tổng quát thì mỗi người Việt-Nam đều có đọc một tờ báo theo ý-thích của mình.

Nhưng người ta có biết đâu rằng ở Việt-Nam ĐỌC BÁO là một việc mà MUA BÁO là một việc khác ? Một tờ báo phát hành trong một ngày có một người mua, nhưng có thể có 10, người hay 20 NGƯỜI COI.

Đây là nói về báo hằng ngày. Tuy vậy, các ông chủ Nhật-báo cứ mỗi ngày phát-hành 10.000 số thôi cũng mau trở nên triệu phú, nhưng các anh ký-giả, trong đó có một số nhà Văn sống với nghề viết báo, thì không được giàu có

như thế. Đời sống vật chất của họ chỉ có thể gọi là đầy đủ một phần nào thôi.

Còn nói về các tạp-san Văn-Nghệ, là nơi trú-ngụ các nhà Văn chuyên-nghiệp, thì đời sống rất là bấp bênh. Ở Việt-Nam, các tạp san Văn-nghệ không có số độc-giả đông-đúc như các nước khác.

Một tạp-san Văn-hóa được coi như là bán chạy nhất, và được «*một số đông*» độc-giả yêu-mến, cũng chỉ bán được 10.000 số, là nhiều lắm rồi. Thí-dụ tạp-san ấy muốn bán với một giá bình dân là 10 \$, thì nó phải hạn chế rất nhiều chi-phí cần-thiết mới hy-vọng được duy-trì bền vững trong mọi sự hy-sinh.

Tình cảnh sinh-hoạt của các nhà văn sống về Văn-nghệ, vì lẽ đó mà không được sáng-lạn lắm.

Tình hình sách lại còn tệ hơn. Có thể chia các văn phẩm làm 3 loại : TIÊU-THUYẾT, (gồm có truyện dài, truyện ngắn, hồi-ký, tùy bút) THƠ, KHẢO-CỨU (khảo-cứu Lịch-sử, Địa-dư, Văn-học, triết, phê-bình văn nghệ, v. v...) không kể

các sách giáo khoa, (1) hoặc các loại chuyện nhi-đồng.

Trong ba loại sáng tác phẩm kể trên, Tiêu-thuyết bán chạy hơn cả. Kể đến các sách khảo-cứu, rồi mới đến Thơ. Như đã nói ở trên, những quyền tiêu-thuyết mà tác giả đã có chút ít tên tuổi, nghĩa là đã có sự mến chuộng của một số công chúng nào đó, cũng chỉ bán được 3000 quyền là nhiều trong đợt xuất-bản lần thứ nhất. Thành thực tôi không tin rằng có thể có những số bán cao hơn. Ba năm sau, mới có thể xuất bản lần thứ nhì, nhưng đây là một trường-hợp ít có đối với tình hình xuất bản hiện tại. Một số nhà văn gọi là «*có tên tuổi*» được một số độc giả thành thật yêu mến, có những tác phẩm đã bán hết trong lần xuất bản thứ nhất, vẫn ái ngại không muốn xuất bản lần thứ hai. Vì lẽ đó, ở Việt-nam rất ít có loại sách về sáng tác phẩm xuất bản được nhiều lần, như ở các nước khác.

Nói rằng sách bán được 3000 quyền, không phải nhưt định chỉ có 3000 người đọc quyền sách ấy. Về thực tế, thì tổng số là 1 người mua trên số 10 người đọc. Có nhiều quyền tiêu thuyết BỊ CHO MUỐN TRÊN 30 LẦN

TRONG MỘT NĂM : tính kỹ lại thì sau một thời gian nào đó, người cho mượn sách có thể thu một món lợi gần bằng số tiền bản quyền của tác giả đã bán được với mồ-hôi nước mắt của mình.

Cho nên, so sánh với các nhà văn ngoại quốc, tình cảnh các nhà văn Việt-nam thật đáng thương hại. Đành rằng người Pháp vẫn nói : «*La plume ne nourrit pas son homme*» (Ngòi bút không nuôi được nhà văn), nhưng khi chúng ta thấy rằng một tác phẩm rất thường như quyền *La gloire de mon père* (tome l'édition Pastorelli) hồi ký của nhà văn Marcel Fagnol, ở Hàn Lâm-viện Pháp, xuất bản năm 1957 đến 51.000 quyền mà đã bán hết, quyền *Sahithyavum Samskaravum* của P.Sankaran Nambias, nhà văn Ấn-Độ, xuất bản hồi tháng 11, 1959, 20.000 quyền cũng đã bán sạch, tập thơ *Melee of Noise and Dust* của nhà thơ Nam-Dương Chairil Anwar, xuất bản lần thứ tư 15.000 cuốn tại Djakarta năm 1958, rồi ta nhìn lại các tiêu thuyết và thơ

(1) Sẽ nói riêng trong một loạt bài nơi mục xã-luận.

bán chạy nhất ở Việt-nam là 3000 cuốn, thì, ôi thôi, ai là nhà Văn nhà Thơ ở xứ « Bốn ngàn năm văn hiến » này cũng chỉ muốn vút bút đi về vườn trồng rau muống ăn cho đỡ đói mà thôi !

Kẻ sĩ tài hèn sức kém này quả thực không dám chế-nhạo các ông Thi-sĩ Văn-sĩ của xứ Rừng-Tiền này đâu ạ. Nó cũng không dám than phiền chút chi về trình-độ Văn-hóa của người Việt-Nam mình, vì một nước có bốn nghìn năm Văn-hiến, có sản-xuất được ông Nguyễn-Du và bà Hồ-xuân-Hương, thì đâu có lẽ là một nước kém sút hơn ai. Nó cũng không dám kêu rêu gì về việc một số người cho mượn sách báo, vì xét cho chu-đáo theo triết-lý nhân-sinh, thì mượn một nhà văn viết sách cho mình đọc chơi trong vài tiếng đồng-hồ cũng như mượn một chiếc xe cyclo chở mình đi ngao du một chặn đường, chớ có sao đâu !

Nhưng thỉnh-thoảng đọc lại câu thơ của Tân-Đà Nguyễn-khắc Hiếu : « Văn-chương hạ giới rẻ như bèo », lại thấy phần đông nhà Thơ nhà Văn Việt-Nam quanh năm chỉ cuộc bộ hoặc đi autobus,

nợ-nần lung-tung, bị các luật-sư của chủ nợ đòi lên đòi xuống, kẻ thiếu tiền nhà, người thiếu tiền cơm, thấy vậy mà thương-hại giùm cho họ, kêu giùm lên cho họ một tiếng « Trời ơi ! » để gọi là có đôi chút an ủi giùm phần nào cho số người bạc phận ! Kẻ viết nguyệt-ngoạc mấy giòng chữ này được may mắn biết một số nhà Văn nhà Thơ Việt-nam học lực có thể nói là không đến nỗi tệ lắm, đã thi đậu cấp bằng này nợ, khá cao, nếu họ làm giáo sư đi dạy học thì mỗi tháng có thể kiếm được ba bốn chục ngàn đồng, nếu họ làm công chức có thể được ba bốn chục ngàn bạc lương mỗi tháng, được đi xe hơi Huê kỳ, được có lính hầu, được có « gác-đờ-co », kèm theo bên cạnh, nhưng họ đã khờ dại bỏ hết cả, để ngồi cặm cụi viết, viết, viết... như thân tàn ma dại ! Xét cho kỹ thì chẳng qua đó là nghiệp chướng khốn nạn của một hạng người xấu số vô duyên. Có lẽ kiếp trước họ vụng tu thế nào cho nên bây giờ họ mới phải lộn kiếp ra làm văn-sĩ ở Việt-nam, và phải chịu hình phạt của Thượng - Đế đó chăng ?

h a i

M

À

U

P

H

Ư

Ợ

N

G



THO

Mùa xưa hoa phượng thắm
 Vì em chưa biết sầu
 Sắc phượng hồng rực rỡ
 Màu đỏ không thương đau

Nhật từng cánh phượng rơi
 Nhật từng mảnh hoa đời.
 Ép vào lòng trang sách
 Hồn vui say chơi vui.

Chiều hè xưa yên vui
 Tuổi thơ như nụ cười
 Mùa phượng hồng chói lọi,
 Bao nhiêu là thắm tươi.

Rời từ mùa phượng ấ
 Em say đắm mộng đầu
 Tình vui trong mùa phượng,
 Em ngộ đâu . . . thương đau.

Ái xui chi tình em
 Nở giữa mùa phượng vỹ
 Mùa phượng chưa úa màu,
 Mà người vội ly biệt.

Nắng hè đẹp biết bao,
 Biển rộng với đời cao.
 Giòng tình bao kỷ-niệm
 Người đã vội quên sao

Chiều nay nhật phượng rơi
 Em muốn gửi tặng người
 Cả mùa hoa kỷ niệm
 Tình em nơi xa xôi.

Gặp nhau đầu mùa phượng
 Tình đang trong nắng êm
 Mùa hoa chưa tàn tạ
 Già biệt nhau bên thềm

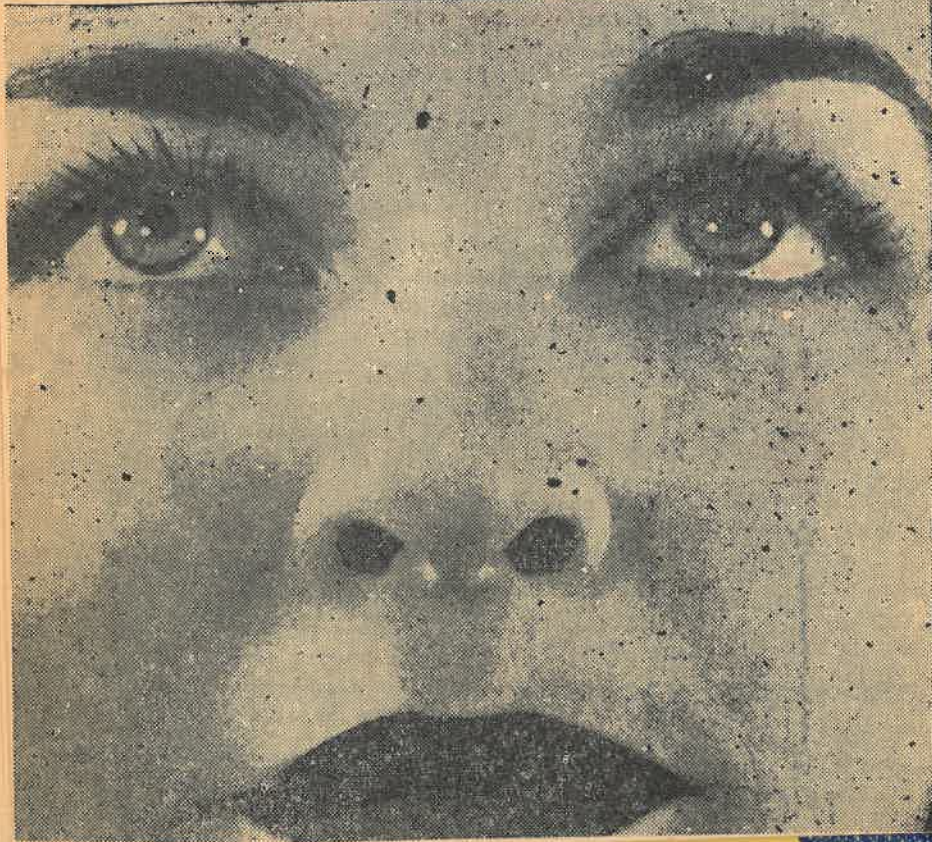
Sắc hoa giờ một mối
 Mùa phượng đã phai màu
 Cánh phượng gầy héo hắt
 Vì em đã biết sầu !...

HOÀNG-HƯƠNG-TRANG

(Huế)

Những người đàn bà
lừng danh trong

LỊCH - SỬ



P O P P É E



HOÀNG
HẬU

L A - M ã

NƠ I mục này, những người đàn bà trong lịch-sử XUA và NAY, ÁU và Á, sẽ kể tiếp nhau được giới-thiệu cùng bạn đọc. Tôi đã nói về CLÉOPÁTRE, Hoàng-hậu Ai-Cập, Thế-kỷ I trước J.C. và TỪ-HI Thái-hậu của Trung-Hoa, cuối Thế-kỷ XIX.

Nay xin nói về POPPÉE, Hoàng-hậu La-Mã, thời Thượng-Cổ, rồi đến EVA PÉRON, vợ Tổng-thống xứ Argentine, Thế-kỷ XX, AGRIPPINE, vợ Hoàng-Đế Néron, Thế-kỷ I, CATHERINE II, Hoàng-hậu nước Nga, DƯƠNG QUÝ PHI của vua Đường Minh-Hoàng, MARIE CURIE, nữ Bác-học Pháp, MATA HARI nữ Trinh-thám Đức, ANNE BOLEYN, vợ vua Henri VIII nước Anh, Thế-kỷ XVI, v.v...

Như vậy, các bạn sẽ lần lượt theo dõi đời sống ly-kỳ, xáo-động, — nhất là đời sống tình-cảm của hầu hết những bậc quốc sắc thiên-hương, mà sắc đẹp đã làm xiêu thành đổ nước trong Lịch-sử các dân-tộc, tự cổ chí kim, hoặc đã gây một sự nghiệp vĩ-dại trên Thế-giới.

Các bạn sẽ rút bài học kinh-nghiệm của Lịch-sử để lại cho chúng ta, về tác-phong của những người mà nhiều người đàn ông ngày-thời thường gọi là «phái yếu», hoặc những ân-nhân của nhân-loại, hoặc những kẻ tác-ác tác-quái trong một giai-đoạn Lịch-sử nào, những người đàn bà phi-thường, ghé-gớm, người đàn bà mà nhà Đại-kịch-sĩ Anh, Shakespeare, đã cho là «thảm-hiêm như làn sóng» *PERFIDE COMME L'ONDE*..

N. V.

NÀNG TẮM BẰNG SỮA LỬA

THỜ I bấy giờ, vào khoảng năm 59, sau J.C, hầu hết các vương-tôn công tử của Triều-Đại Néron đều say mê sắc đẹp lộng lẫy xa hoa của nàng Sabina Poppée. Nàng mới có 16 tuổi, mà đã làm cho các tuổi hoa niên của kinh thành La-Mã nao-nao rung động vì đôi mắt trong suốt như pha-lê, nụ cười thu hút như nam-châm, bộ ngực nở nang vun đầy như pho tượng Vệ nữ trong cung điện Capitoles.

Nhưng Sabina Poppée làm nghiêm, ít cười nói, không vui đùa. Nàng là con gái cưng của một gia-đình quý tộc, mẹ nàng trước kia cũng là một hoa khôi lừng lẫy của Roma. Cho nên nàng khinh thường tất cả bọn thanh niên, dù là vương tôn công tử, theo van xin nàng một lời hứa hẹn. Không! Nàng đã thường bảo khẽ với mấy con ả tỳ theo hầu hạ nàng: «Ta sẽ làm Hoàng hậu mới xứng đáng!». Nhưng lúc bấy giờ Hoàng đế Néron đã có Hoàng-hậu OCTAVIE. Ngài lại đang yêu mê mết một con đầy tớ đẹp lộng lẫy, là ACTÉ, người Hy-Lạp, đến đôi Ngài xuýt bỏ Hoàng-hậu Octavie để lấy con đầy-tớ này.

Poppée lặng lẽ chờ cơ hội. Nàng biết rằng không sớm thì muộn Néron cũng sẽ ngã vào

trong tay nàng. Nàng còn trẻ quá mà, mới 16 tuổi, vội chi! Trong khi chờ đợi, nàng tạm kết hôn với một viên lão thần có thế lực trong Triều, CRISPINUS, một tay giàu có nhất ở kinh-đô, để nàng hưởng cuộc đời hóa lệ theo ý thích. Nàng sinh cho ông này một đứa con trai, để xong nàng lại càng đẹp lộng lẫy hơn nữa.

Nàng âm thầm sắp đặt mưu-kế, giả bộ trung thành với chồng, để được tiếng là một thiếu phụ có đức hạnh đứng đắn, không lẳng lơ, lẳng loàng như những cô gái hoặc những cô vợ đẹp khác ở La - Mã. Nàng ở luôn trong lâu đài của Crispinus, chỉ tiếp những quan khách bạn của chồng, thỉnh thoảng nàng đi ra phố thì lấy một tấm màn xanh mỏng che mặt như không muốn cho ai trông thấy mình. Ở nhà, nàng chỉ chăm lo săn sóc cho sắc đẹp mà thôi. Tóc của nàng có một màu vàng hoe ánh ngời tự nhiên, ai trông thấy cũng trầm trồ khen ngợi. Nước da của nàng trắng mịn, lúc nào cũng mát rượi và thơm ngát như hoa. Poppée cho xây giữa nền lâu một hồ tắm hình bầu dục vừa vặn và xinh xắn, lát bằng đá xanh và đá hồng, và mỗi buổi sáng nàng tắm bằng sữa lửa, để da nàng lúc nào

cũng lán bóng như ngọc chuốt. Nàng nuôi mấy cô mỹ nữ Ai-cập chuyên môn chế ra một thứ kem riêng biệt cho nàng thoa mặt, cách làm thứ kem ấy được giấu kín không cho một người đàn

bà nào khác biết cả. Luôn luôn nàng ở trong mát. Mùa hè nắng gắt, thì nàng che mặt với một chiếc mặt nạ thêu đẹp để ánh nắng khỏi chiếu vào mặt nàng. Nàng mới có 17 tuổi...

KHOCI VỢ BỊP VỚI VUA

MỘT hôm, trong một buổi tiệc, Poppée làm quen với một vị tướng trẻ tuổi đẹp hầu cận Hoàng đế Néron và người thân tín của ngài. Tên chàng là OTHON. Chàng khéo tán thê nào mà bỗng dưng Poppée xiêu lòng, và phút chốc để cho vị tướng trẻ tuổi chiếm được trái tim của nàng, rất dễ dàng mau lẹ. Ai nấy cũng ngạc nhiên vì Poppée đã được tiếng là một cô vợ nét nà thù mị, chưa hề phản bội chồng lần nào và đang hưởng hoàn toàn hạnh phúc trên nhung lụa. Nhưng ai có hiểu được thâm tâm của nàng? Viên lão tướng Crispinus tuy hết sức chịu đựng cưng yêu cô vợ trẻ, nhưng không dám đưa nàng vào cung điện của Vua, vì sợ Néron chiếm đoạt mất người yêu. Trái lại, Othon, viên quan hầu cận của Hoàng-đế, hứa sẽ tiến dẫn nàng vào Cung để khoe với Néron và hãnh diện với Triều thần rằng đây, Poppée, vị quốc sắc thiên hương của La-

Mã, người yêu của chàng.

Hai tháng sau, Poppée ly dị với Crispinus, để kết hôn với Othon. Crispinus cũng vừa bị cách chức vì một tội lỗi trong triều. Néron là một vị bạo chúa, tàn ác nhất trong lịch sử La-Mã thời bấy giờ, ai nấy cũng run sợ trước mặt ông.

Othon do dự... Đã nhiều lần chàng muốn giới thiệu với Vua cô vợ trẻ của chàng mới cưới, nhưng chàng e ngại. Bỗng dưng một hôm, sau một bữa tiệc trong cung điện, Othon vội vã xin về sớm. Néron hỏi lý do, Othon đáp: «Tôi muốn về ngay với kho vàng của tôi, kho vàng mà Thượng-Đế cao siêu đã ban cho tôi, sắc đẹp tuyệt trần mà cả La-Mã đều thèm muốn, mà chỉ có tôi được hưởng...» (Dịch theo nguyên văn của nhà sử học cựu La-Mã, Tacite, trong bộ sách *Annales*), Hoàng đế Néron, nghe mấy câu ấy, trở mắt ngó Othon rồi nở một nụ cười thêm thường: «À, vậy hả? Người hãy về đem

lá ngọc cành vàng ấy đến cho Trẫm ngắm xem nào!»

Đêm ấy, Othon ngủ không được, mà Néron cũng không ngủ được. Viên quan hầu lo sợ ngày mai đem Poppée đến chầu Vua, Vua sẽ đoạt luôn.

Còn Néron thì thao thức mơ tưởng năm canh: Poppée đẹp như thế nào mà Othon khoe khoan dữ rủa?

Thật ra, Néron đã hết yêu Hoàng-hậu Octavie, vì bà này không có con. Nhà Vua đã đem mối tình vương giả đeo rã khắp trong cung điện, và sau cùng ông đã say mê con đầy tớ Hy-Lạp, Acté diễm lệ yêu kiều, nhưng cuộc tình duyên này đâu có vinh dự gì cho Hoàng đế? Néron chờ đợi Poppée...

NHUNG POPPÉE LÀM CAO, KHÔNG UNG THUẬN...

SÁNG hôm sau, Othon đưa vợ vào cung. Vừa mới trông thấy nàng, Néron đã tối mày tối mặt, rồi cười ha hả, nắm hai bàn tay trắng mịn và thơm ngát của Poppée, kéo vào lòng mình.

Thoạt tiên, Poppée giả vờ như cũng đắm mê nét mặt anh hùng quắc thước của vị Đại-đế La-Mã. Nhưng nàng lễ phép né thân mình ra xa, không cho Néron sờ sờ. Nàng làm ra vẻ đạo đức, kháng cự:

— Muốn tâu Bệ-Hạ, em là gái có chồng...

— Chồng em? Chẳng Othon ấy à? Nó đâu có xứng đáng làm chồng em?

— Tâu Bệ-Hạ, Othon đã cưới em rồi, em là vợ chàng, em đâu có thể xa chàng được?

Néron cười nghiêng ngửa, cười sắc súa:

— Ha ha! Ha ha! Ta sẽ tống cô Othon đi thật xa, thật xa chớ bộ! Ta sẽ đày nó ra khỏi biên thùy Đế-quốc La Mã, em chớ lo!

Poppée lại nũng nịu, buồn rầu:

— Tâu Hoàng Thượng, không thể được... Em rất vinh hạnh được Ngài đoái thương, nhưng em rất tiếc, không thể nào được ạ...

Néron cảm động, hỏi:

— Sao không được? Ta là Hoàng-đế La-Mã, ta muốn, không được sao?

Poppée nghiêm nét mặt, đôi mắt sáng quắc của nàng nhìn thẳng vào mặt Néron, như đôi mắt rắn:

— Ngài là Hoàng đế, Ngài đã

lấy một con đày tớ làm vợ rồi, còn em đây đâu phải là hạng nô tỳ, lẽ nào em tự hủy danh dự của em để đứng ngang hàng với một kẻ tôi đòi Hy-Lạp hay sao?

Néron lại cười sảng sặc :

— À thế thì ta đuổi Acté ra khỏi nơi này! ha ha! Nơi này chỉ có Poppée, chỉ có Poppée trong trái tim của ta mà thôi!

Néron nưng một cốc rượu vang đỏ uống một hơi, rồi cười ha

hả! Ha hả!

Tuy vậy, Poppée vẫn chưa bằng lòng... Còn Hoàng-hậu OCTAVIE, còn bà mẹ rất hung dữ của Néron, Hoàng-thái-Hậu AGRIPPINE. Hai người đàn bà, hai địch thủ. Nàng đã chiếm được dễ dàng trái tim của Néron, nhưng làm sao nàng chiếm được ngôi báu Hoàng-hậu La-Mã?

(Kỳ sau tiếp)



*** Mới tập viết và tập nghe**

Cu Nghếch 5 tuổi, mới tập viết Quốc-ngữ. Một buổi trưa, Ba nó ngủ, có điện-thoại gọi. Nó làm thầy-khôn, bắt chước Ba nó, cầm máy nói lên nghe, hỏi :

— Ai đó? Tui là cu Nghếch đây.

— À, cháu hả? Ba cháu đâu?

— Ba tui ngủ,

— Chóc nữa Ba cháu đây, cháu nói có ông Quỳnh gọi điện-thoại nhé.

— Chừ Quỳnh viết sao, ông nói để tui biên trên bản đá, cho tui nhớ.

— Q — U — Y — dấu huyền — N — H.

Im lặng một chút, rồi Cu Nghếch hỏi :

— Dạ, chữ Q viết sao, tui quên rồi.

B. T.

**B O R I S
P A S T E R N A K**

đã từ trần



BORIS PASTERNAK, nhà Văn Nga-xô, được giải-thưởng Nobel 1958, bị bệnh đau tim từ lâu, vừa tạ-thế tại Moscou, đêm 30-5-1960.

Ông sinh năm 1890, cha là Họa-sĩ, mẹ là Nhạc-sĩ, đều có tiếng-tên ở Moscou. Hồi thiếu thời, ông đọc rất nhiều sách của LÉON TOLSTOI, nhà Văn-hào Nga của Thế-kỷ XIX, về sau ông chịu ảnh-hưởng sâu-đậm của Thi-sĩ Nga-xô MAIAKOWSKI và ESSE-NINE. Sau khi tốt-nghiệp trường Đại-học Moscou, ông du-lich sang Đức, Pháp, Ý. Ông cưới vợ người Ý.

Về Nga, ông xuất-bản mấy tập thơ : «Bên kia hàng rào», «Cuộc đời là chị tôi», «Hồi-ký», tập thơ ký-ức «Spectorski» v.v.

Năm 1934, quyển «Trường-thuyết» của ông ra đời, bị cấm. Ông dịch các sách của Văn-hào Anh SHAKESPEARE, của Văn-hào Đức GOETHE. Bị tình-nghi là «phản-động» Boris Pasternak thôi viết trong mười năm, rồi đột-nhiên năm

1957 xuất-bản quyển tiểu-thuyết «Bác-sĩ Jivago» trong đó ông có những nhận-xét mỉa mai về những điều lỗ-lãng và tàn ác của cách-mạng Nga-Xô. Bị cấm ở Nga, ông phải cho xuất-bản ở Ý. Năm 1958, Hàn-lâm viện Thụy-Sĩ quyết-định tặng ông giải thưởng Nobel về quyển sách ấy.

Ông dự định sang Thụy-Điển để lĩnh giải thưởng, nhưng chính phủ Nga-xô không cho phép ông đi, và cũng không cho ông nhận giải quốc-tế văn-chương Nobel.

Đối với cái chết của nhà văn hào Boris Pasternak, Chính-Phủ Nga-Xô hoàn toàn lãnh đạm, nhưng theo tin vừa rời ở Moscou cho biết thì một số đồng nhà văn và một đoàn thanh niên chừng

mấy trăm người có tự đông đến dự lễ an táng của ông, chiều ngày thứ năm 2-6-1960. Linh cửu ông được chôn trong nghĩa địa Peredelkino, cách Moscou chừng 40 cây số. Nhà phê bình văn học Nga, Valentin Asmou, đọc bài điệu văn khen ngợi văn tài của ông, và nhiều bạn thanh niên ham mộ ông đã đọc nhiều đoạn thơ của ông, trong đó có bài Hamlet trích trong quyển «Bác-sĩ Jivago», do nhà văn Goloubtzev ngâm lên rất buồn bã, nhưng hùng hồn, trước khi lấp đất lên quan tài.

T.P.

★ Muốn biết rõ cuộc đời Boris Pasternak và cuốn «Bác sĩ Jivago», xin xem lại P. T. số 2 ra ngày 15-11-58.



★ Trả đũa

1 giờ khuya, tiếng giáo sư đang ngủ ngon giấc bỗng có điện thoại reo ầm-ĩ, làm ông phải thức dậy. Ông cầm máy nghe. Bên kia đầu dây nói, có tiếng bà hàng xóm la nheo nheo:

— Xin lỗi ông, con chó của ông sủa hoài không cho tôi ngủ-nghe gì được cả.

Ông giáo sư, tuy tức giận lắm, nhưng vẫn lễ phép cảm ơn rồi gác ông nói, Ông định trả đũa bà hàng xóm về việc phá giấc ngủ của ông một cách vô lễ.

4 giờ sáng, trong lúc bà hàng xóm đang ngon giấc. Ông gọi điện-thoại. Tiếng điện thoại reo, làm bà phải thức dậy, cầm máy nghe. Tiếng ông giáo sư lễ phép nói:

— Thưa bà, xin lỗi bà, bà làm rồi ạ, chó nhà tôi không có nuôi chó.

B. T.

Mình ối!

nếu có

chiến-tranh

lắm sao

tránh nạn

BOM KHINH - KHÍ

?

MINH ơi! Minh mua sơn trắng chi mà nhiều thế hả Minh?

— Đề anh sơn mấy cái cửa kiến.

— Cửa kiến nhà mình sơn xanh đẹp quá trời, sao mình định sơn trắng chi nữa?

— Anh sơn trắng hết mấy tấm kiến trên cửa, còn khung cửa thì anh sơn trắng phủ lên lớp sơn xanh. Không nên đề sơn xanh, Minh ơi!

— Sao thế, Minh?

— Đề nay mai lỡ có chiến tranh, họ thả bom khinh khí, hay bom nguyên tử, thì may ra Minh có thể tránh kịp được tai nạn...

Bà Tú cười ngất, tưởng ông Tú nói đùa:

— Minh nói cái gì kỳ cục vậy? Em không hiểu.

— Anh không nói đùa đâu nhé. Minh nên biết, hơi nóng của bom khinh khí và bom nguyên tử gặp màu trắng thì nó không tàn phá được. Áo quần màu trắng không bị cháy. Hơi nóng của bom khinh khí bay tạt đến nhà mình, gặp cửa kiến sơn trắng mà đóng lại, nó không phục vào trong nhà được, nó không cháy cửa. Minh ở trong nhà có thì giờ để chui xuống hầm.

— Còn nếu cửa sơn xanh?

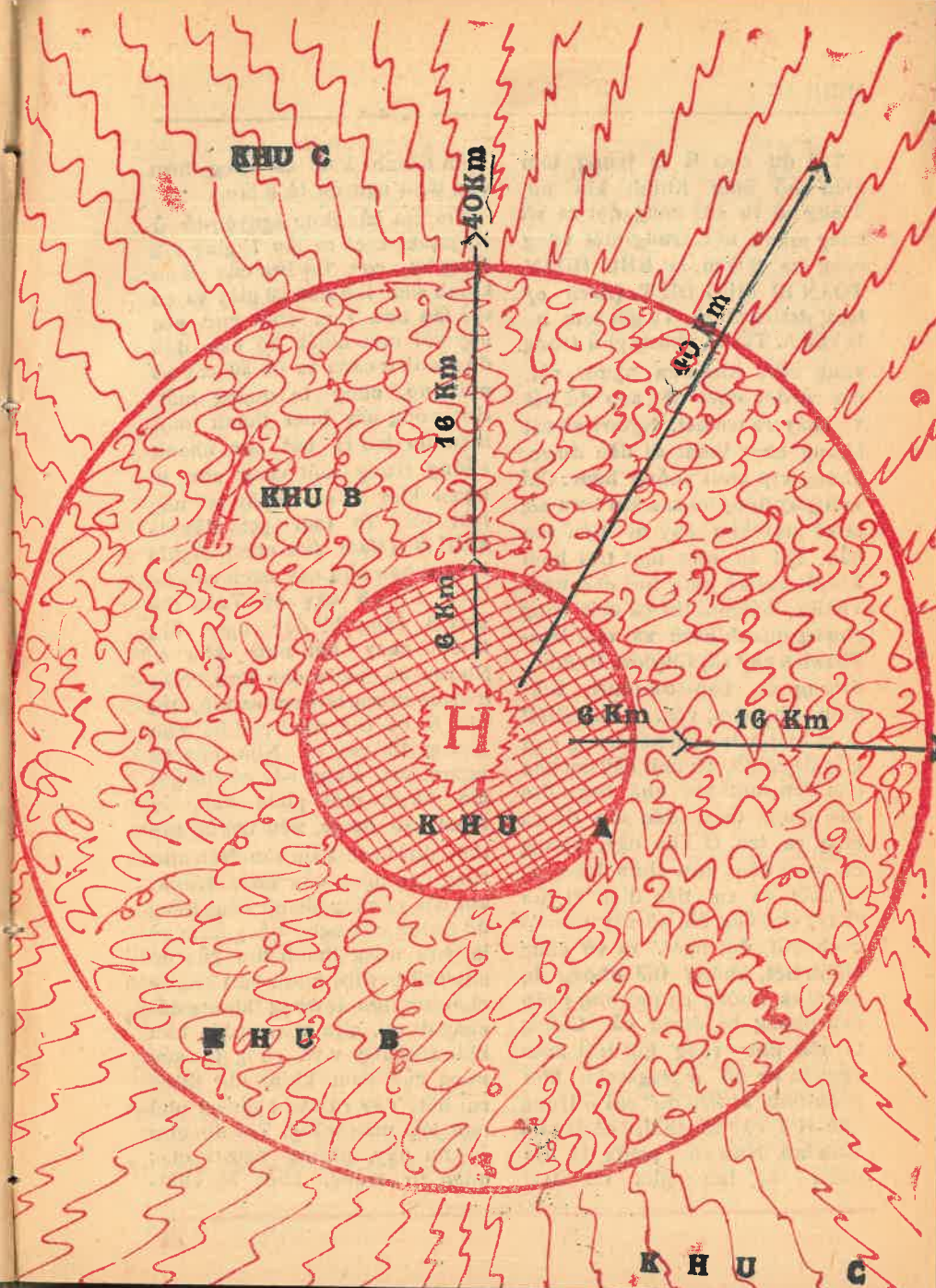
— Ngoài màu trắng ra, hễ nó gặp bất cứ màu gì khác, xanh đỏ, tím, hồng, đen, v.v... thì nó đốt cháy liền. Cả tấm kiến không có lớp sơn trắng cũng sẽ bị cháy vèo. Cặp môi sơn trái tim của Minh đó, nó thôi một cái là ra tro!

— Thiệt, hả Minh?

— Anh xem mấy quyển sách của các nhà bác học Mỹ, Anh và Pháp, nói về những tai hại của BOM KHINH KHÍ (bom Nguyên tử thời nay cho ra rìa!) và những phương pháp phòng thủ tránh họa bom khinh khí, đều nói như thế cả. Mới năm ngoài đây chờ không lâu, các cơ quan phòng thủ bom khinh khí ở London, có phát cho dân chúng một tập sách mỏng nói rõ về các cách đề phòng Bom khinh-khí cho mỗi gia đình và mỗi cá nhân. Tập báo *The Illustrated London News* cũng có đề dành hai trang lớn vẽ rõ các hình ảnh về sức tàn phá ghê gớm của bom khinh khí và khuyên dân chúng nên biết cách thức giữ gìn may ra tránh khỏi tai nạn.

— Sức tàn phá của Bom Khinh khí và cách phòng thủ như thế nào, hả Minh?

— Minh xem anh vẽ đây, rõ ràng hơn:



Thí dụ chữ H là trung tâm diên chỗ bom Khinh khí nổ. Tiếng nổ và sức nóng dội ra vô cùng mãnh liệt trong một vùng rộng xa 6 km, là KHU HOÀN TOÀN BỊ TIÊU DIỆT, (*Area of total destruction*). Ta gọi (tạm no là khu A. Tất cả những gì ở trong vùng này, nhà cửa, người, vật, cây cỏ, đều chết hết, sụp đổ hết và cháy ra tro hết. Người và vật không chạy thoát đi đâu được, không kịp chui xuống hầm: Chỉ một giây đồng hồ sau khi bom nổ, là cả một khu này bị tiêu tan hẳn. Thí dụ như một trái bom Khinh khí nổ ngay nơi chợ Bến-Thành, Saigon, thì cả một vùng chung quanh cách xa chợ Bến-Thành 6 cây số, Chợ Lớn, Phú thọ, đường đi Tân-sơn-nhứt, Gia-định, Phú-lâm, v.v... ở vào KHU A, sẽ bị tiêu tan rụi hết trong một giây đồng hồ, từ một cây trụ đèn cho đến một tòa nhà buyn-đin cao chọc trời, đều sụp đổ và cháy ra tro. Ở khu này, không có cách nào cứu chữa được, vì sự chết và sự tiêu diệt vì lửa cháy, vì tiếng nổ, sẽ xảy ra một cách rất đột ngột, và vô cùng mãnh liệt, không thể phòng bị được và không có phương pháp nào phòng bị được cả. Chúng ta nên nhớ rằng hồi trái bom nguyên tử nổ ở Nagasaki, khu *hoàn-toàn bị tiêu diệt* chỉ ở trong chu-vi 1 cây số thôi, cách chỗ bom nổ. Như vậy, nghĩa là địa diềm bị tàn phá do trái

Bom Khinh khí, xa rộng hơn của Bom nguyên tử 6 lần. Tia lửa của Bom nguyên-tử ở Nagasaki xoẹt ra lâu 1 giây 1/2 đồng hồ, còn tia lửa của Bom khinh khí lâu đến 20 giây và có thể lâu hơn. Lửa chói rực nơi đây với một nhiệt độ cao đến nỗi mình ở cách xa 80 cây số nhìn nó, cũng bị quáng mắt. Hơi nóng này biến thành một biển lửa lan ra hết sức nhanh chóng trong một vùng chu vi ngoài khu A, xa 10 cây số, nếu trời tốt. Ta tạm gọi đây là KHU B (*Main fire area*). Nghĩa là giới hạn khu này cách xa chỗ Bom nổ 16 cây số. Toàn thể khu B cũng bị các ngọn lửa thiêu cháy hết như khu A. Nhưng có phần nhẹ hơn. Nếu trời có sương hoặc có sa mù, thì khu B có thể rút hẹp lại còn chừng 13 cây số. Nhà cửa và người, vật, ở khu này có thể giữ gìn được một phần nào, và thoát nạn được, nếu trú ẩn kịp thời dưới các hầm sâu. Nên nhớ rằng sức nóng của Bom khinh-khí dội ra cũng nhanh bằng tiếng nổ (mình vừa nghe tiếng Bom nổ là sức nóng thành lửa của nó cũng đã bay tới mình rồi) và các chất mà lửa thường không đốt cháy được, như kiến, gạch, kim khí, xi-măng, v.v... cũng bị sức nóng của bom khinh khí thiêu rụi hết. Trừ ra các chất có phủ một lớp màu trắng. Thí dụ như ở khu này, những người mặc quần áo trắng, khỏi bị cháy.

gạch ngói chắc chắn sẽ không phải là it.

Tóm lại, khu B không hoàn-toàn bị tiêu diệt như khu A, ở đây sẽ còn được một số nhà cửa bằng bê-ton-armé có thể đứng vững, hoặc bị sụp đổ nhiều hay ít và có thể sửa chữa được. Ở đây, người ta còn có thể chui núp xuống hầm, nếu có hầm (hầm kin xây dưới đất bằng xi-măng cốt sắt chớ không phải kiểu hầm đào trên mặt đất để tránh bom thường.) Nhưng biển lửa cháy từ nơi bom Khinh khí nổ, không phải chỉ tràn lan nội trong một vùng xa 16 cây số đó mà thôi. Nó còn có thể cháy lan ra đến 40 cây số nữa, nếu gặp ngày trời tốt, không có sương, không có sa mù. Vì sức nóng của nó, mặc dầu đến đây đã yếu dần nhưng gặp các chất bén lửa, như là khô (mái nhà lá, nhà tranh chẳng hạn) dầu xăng, thuốc súng, v.v... nó vẫn thiêu hủy hết. Ta tạm gọi khu này là KHU C, gồm trong phạm vi bị tàn phá. Chúng ta nên biết rằng, ngoài sức nóng ác liệt của lửa Bom Khinh khí, còn có sức nổ vang dội long trời lở đất và làn gió cuồng phong vô cùng mãnh liệt với một tốc độ ghê gớm, có thể gây ra nhiều nguyên do hỏa hoạn khác: làm chạm các giây điện, làm tung củi lửa đang cháy trong các lò bếp, lò sưởi, làm đổ vỡ các cây xăng, các kho xăng v.v... vì thế nên các nhà Bác học nói về sức tàn phá của Bom Khinh khí đã

hạn định là 40 cây số (25 dặm Anh) cả vùng bị sự tàn phá ấy. Ngoài 40 cây số, ra khỏi khu C, mới là khu an toàn.

— Mình ơi, nếu ta thí dụ như một trái bom Khinh khí nổ trên nóc chợ Bến Thành, ở Saigon, thì không những cả vùng Saigon Chợ Lớn, Gia định, bị tiêu diệt hoàn toàn, không còn một nóc nhà hay một nóc buyn-đin nào cả, và hai triệu người bị chết cháy ra than, mà cả một vùng xa nữa, đến Thủ-Đức, Biên Hòa, cũng không tránh khỏi tai nạn của trái bom Khinh khí ấy hay sao ?

— Nhất định thế. Nhưng đây chúng ta mới nói đến những tai nạn đầu tiên, do sức nóng của lửa bom khinh khí và sức dội của tiếng nổ gây ra trong một vùng rộng lớn xa đến 40 kí-lô-mét. Chưa nói đến tai hại trầm trọng hơn, nguy hiểm hơn, rộng lớn hơn, và ngấm ngấm trong một thời gian có thể đến mấy chục năm sau chưa dứt hẳn, là bụi phóng xạ. Tiếng anh gọi là RADIO-ACTIVE FALL-OUT.

— Tiếng Pháp gọi sao ?

— *Poussière radio active*,

— Tai hại của nó như thế nào mà ghê thế ?

— Trước hết chúng ta nên biết rằng Bom khinh khí có thể nổ trên không gian (*Air burst*) hoặc là nổ trên mặt đất (*groun burst*). Sức tàn phá của trái bom NỔ TRÊN KHÔNG GIAN vô cùng ác liệt, nhưng bụi phóng xạ của

nó lại KHÔNG NGUY HIỂM BẰNG BỤI PHÓNG XẠ CỦA TRÁI BOM NỔ TRÊN MẶT ĐẤT. Trái bom NỔ NGAY TRÊN MẶT ĐẤT, hoặc gần mặt đất, thì sức tàn phá vì lửa và hơi nổ ít hơn, nhưng nó quăng ra một khối không thể lường được các mảnh vụn có phóng xạ và gây ra vô số những tai hại rất nguy hiểm cho đời sống trên trái đất, bởi bụi phóng xạ cứ lan dần mãi ra khắp nơi nơi...

Một trái BOM NGUYÊN TỬ như kiểu bom thả trên không phận Nagasaki, nếu nổ trên mặt đất 300 thước, có thể làm sụp đổ tất cả các bayn-din trong 1 phạm vi 1 cây số. Còn một trái BOM KHINH KHÍ, cũng nổ trên mặt đất 300 thước, có một sức nổ mạnh đến nỗi làm lay chuyển và sụp đổ tất cả trong một phạm vi từ 6 đến 8 cây số. Nhưng một phần phóng xạ của nó có thể bị gió đưa đi xa hoặc dính lơ lửng trên mây rồi dần dần tiêu tan. Trái lại phóng xạ của bom khinh khí nổ ngay trên mặt đất, hoặc gần mặt đất, ở luôn trên đất và bám vào tất cả các vật, gây ra nguy hiểm không cùng.

— Phóng xạ là cái gì? Nó như thế nào, hở Minh?

— Đây, không thể nói rõ được về phương diện khoa học, vì dài lắm và phiền phức lắm. Muốn hiểu tinh chất của nó, thì trước hết cần phải hiểu về môn vật lý nguyên tử học. Đây chỉ nhắc lại câu nói của các nhà

bác học về nguyên tử lực: « Phóng xạ là một chất mà ta không trông thấy được, không ngửi được, không nếm được, — it can not be seen, smelled, heard, or tasted ».

Trái bom khinh-khí lúc nổ, toát ra một khối lửa như một quả cầu lớn. Sức nóng của khối lửa này, TRONG 10 GIÂY ĐỒNG HỒ ĐẦU TIÊN đem phóng xạ đi xa đến 25 cây số, và phóng xạ này có thể gây ra tàn phá ghê gớm. Tất cả những vật ở khu A, khu B, và nửa vùng khu C, đều bị nhiễm phóng xạ, và người ta bị ngay các tai-họa như: rụng tóc và răng, mù mắt, chảy máu ra mũi, ra miệng, cong xương sống, v.v... Tuy nhiên, ta có thể tránh được các tai nạn này (ở khu B và khu C) bằng cách núp dưới hầm và phải ở luôn trong hầm ít nhất là 48 TIẾNG ĐỒNG HỒ, hoặc hơn nữa. Chỉ có những người ở khu A là bị phóng xạ nặng hơn hết và chết ngay, còn ở khu B và khu C có thể tránh được phóng xạ trong 48 tiếng đồng hồ sau khi Bom nổ, nhưng về sau rất có thể bị nhiễm *bụi phóng xạ* bất cứ lúc nào, nếu không được phòng bị cẩn thận. Bụi phóng xạ gặp một trận mưa lại càng tai hại hơn, vì nó sẽ thấm trong mưa, và hạt mưa bị nhiễm phóng xạ, đem rơi-rất nó trên khắp mặt đất và thấm cả xuống đất nữa.

— Những vùng ở ngoài phạm

vi tai-nạn, có thể bị nhiễm phóng xạ không?

— Những vùng ở xa hơn 40 cây số, ngoài khu C, nếu bị phóng xạ cũng bị nhẹ thôi.

— Người ta nói rằng bụi phóng xạ hại đến sự sinh sản, và có thể làm mất hẳn sự sinh sản có đúng không, Minn?

— Có thể đúng. Vì trong bụi phóng xạ có chất cesium 137. Chất này nhập vào noãn-bào của người đàn-bà, và tinh-trùng của đàn ông, làm cho «neutraliser»,

nghĩa là làm mất hiệu quả sinh sản.

Bà Tú thử dài, coi bộ chán nản:

— Rầu quá! Ai bày đặt ra chiến tranh làm gì, phát-minh ra Bom Nguyên-tử và Bom Khinh khí làm gì, để cho ai nấy cũng hồi-hộp lo sợ một ngày kia chính loài người sẽ tiêu diệt loài người!

Nhưng ông Tú tủm-tủm cười, không thêm triết-lý. Ông cứ xách hộp sơn trắng lo đi sơn mấy tấm kiến cửa sổ...



★ CON NÍT ĐÁNH LỘN

Cu Nghếch đi học về, mắt sưng bầm, mũi chảy máu. Má nó la:

— Nghếch, mày lại đánh lộn với đứa nào rồi hả?

— Thưa má, con đâu có đánh lộn... Con chỉ bệnh-ưng một đứa nhỏ bị một đứa lớn đánh.

— Vấy hả. Thế thì con trai của má can đảm lắm... Con bệnh-ưng cho đứa nhỏ con nhà ai vậy?

— Dạ thưa má, đứa nhỏ đó là con đây ạ.

B. T.

★ COI HÌNH TRONG ALBUM.

Ba thằng Cu Nghếch (5 tuổi) lấy quyển Album, chỉ hình cho con xem. Thấy tấm hình chụp kỷ-niệm hôn đám cưới của Ba má nó, nó hỏi. Ba nó giảng cho nó nghe. Nghe một lát, nó giận dỗi hỏi:

— Sao hôn đám cưới của Ba với Má, Ba không cho con đứng chụp hình chung với Ba Má?

B.T



Vấn đề tâm-sự Tố-Như tiên-sinh, hơn thế kỷ nay

đã tốn rất nhiều giấy mực của các luận giả, nhất là gần đây gặp lúc thi gia bởi xuất nhiều người muốn đặt mình lên địa vị tri-kỹ của thi hào xưa, thì vấn đề này lại được luôn luôn nhắc tới.

Nhưng mà dù sau dù trước, bàn lại bàn đi, rút lại nó cũng lẩn quẩn trong vòng ba thuyết :

Thuyết thứ nhất cho rằng : Tố-Như tiên-sinh cũng gặp hoàn cảnh như Kiều, nên cụ mới mượn văn thơ cay đắng, trước để thương Kiều sau là để gửi tâm sự.

Thuyết thứ hai nói : Tiên-

sinh vốn người hào hoa phong-nhã, vì nghĩa chung thủy cho nên làm quan với Nguyễn mà lòng vẫn gửi ở Lê, cũng như Kim-Trọng, càng âu duyên mới càng dào tình xưa, đáp mong treo ấn từ quan, vào sinh ra tử để tìm người cũ.

Thuyết thứ ba nói : Cụ cũng đường đường một đấng anh hào, đã chẳng khôi phục giang-sơn chúa cũ, lại phải đóng vai lơ-láo hàng Thần, thực là vạn bất đắc dĩ, vì thế Cụ mới điếm tô.

tâm sự

Nguyễn Đình Diệm

vai trò
Từ-Hải để
gửi tâm-sự của
mình.

Nói tóm lại ba thuyết trên đây, thuyết nào muốn ghép tâm sự Cụ vào vai nào, thì cũng trích mấy câu thơ của Cụ dùng để mô tả vai đó ra làm chứng-minh, chứ sự thực thì biết

* NGUYỄN ĐÌNH-DIỆM

TÂM SỰ NGUYỄN-DU

người là việc rất khó, ngay đến các người đồng thời, xúc tiếp với Cụ hàng ngày, chưa chắc đã hiểu tâm-sự được phần nào. Huống chi là người sinh ở trăm năm chi hậu, mà khóc Tố-Như thì ta cũng chỉ nghe thế biết thế, chứ ai mời được Cụ giãi bày mà hỏi có đúng hay không? Cũng như ta đọc Liễu - Trai, thoạt mở trang đầu đã thấy ngay bốn câu thơ của Bồ-Tùng-Linh tự giới-thiệu : Hãy nói bừa đi hãy lắng đi dần giữa giậu đỗ hạt mưa ti, nhân gian chuyện cũ xem chừng ngấy, giọng quỉ mờ hoang muốn lắng thì (Cổ vọng ngon chi có thính chi, đậu bằng qua giá vũ như ti, hiệu ưng yếm thính nhân gian ngữ, ai thính thu phần quỉ

xướng thi.)

Vậy thì ta hãy lắng đi, còn việc đoán trúng tâm sự của Cụ tất phải là bậc thi hào ngang hàng với Cụ, thế mà từ khi truyện Kiều của Cụ ra đời cho đến ngày nay, thì ta chưa thấy có quyển thứ hai, vậy thì ta hãy dăng đợi.

Nhưng theo thiên kiến của tôi thì các bậc thi hào đều là những người có một tâm hồn cao khiết, siêu-việt, chứ không cố-định trong một khuôn khổ chật hẹp, vậy thì nhẽ nào tâm sự của Cụ lại có thể đem gửi vào những vai tầm thường bỉ ố như ba vai thấy ở trong truyện ?

Thơ vịnh Từ-Hải

Rầu rầu cầm én lại mây ngài,
Kiếm bá chưa vung trên bõ Sờ,
Năm năm oanh liệt là như thế,
Thành bại điểm qua câu chuyện cũ,
Đặt giấy loa, đờng rộp bóng tình
Sau dù một phút tan hào lũy,
Ai đó chẳng màng ngôi mạnh phụ,
Tích - giang rày những đêm mưa gió,

Thao-lược còn quyền họa có hai,
Tơ vương đã buộc giữa châu thai
Một phút tan hoang nghệ cũng hoài
Trời kia thiếp đó lỗi này ai ?
Trong tay mười mấy vạn tinh binh,
Xưa cũng năm phen đập huyện thành
Thì đâu đến nỗi khách biên đình.
Sông cũng vì ai nổi bất bình.

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU * BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 35)

BUỒI sáng ngày, hình như Hải-Lan đã ngủ nhiều rồi. Nay, cô nằm đó, nhắm nghiền mắt lại, chẳng biết rằng cô ngủ, hay cô mệt, nên không muốn chuyện trò. Tôi có ý muốn biết rõ, vì duyên-do gì mà Bạch-Tần lại có cái thái độ, che che, đậy, đậy, như vậy? Bạch-Tần có vẻ khờ-khạo, nên tôi thấy, tôi đã hoàn-toàn thất- bại. Tuy nhiên, tôi vẫn chẳng khám phá ra cái dụng ý của nàng, mà, cố tình cật vấn, thì tôi không nở, vì, đó là một điều tối-ky, đối với một kẻ thông-minh và hống-hạch như nàng. Và lại, cho dẫu, tôi có trắng trợn mà hỏi cho ra lẽ, tôi tin chắc, tôi sẽ không đi tới kết-quả. Bởi vậy, tôi thấy lòng buồn rười-rượi. Có một điều là, từ hôm đó mà đi, Bạch-Tần đổi hẳn thái-độ, lần nào đi thăm Hải-Lan, nàng cũng gọi tôi cùng đi với nàng.

XV

Bệnh tình của Hải-Lan mỗi ngày một thuyên-giảm dần dần, nên tôi rất đổi là khoái-hoạt. Về phần Hải-Lan, cô thấy Bạch-Tần trở lại khoẻ mạnh, vui-vẻ, và bỏ hẳn được cái nếp sống bừa-bãi, cô cũng mừng lòng. Riêng Hải-Lan và tôi, chúng tôi định ninh tin, rằng, chẳng bao lâu nữa, chúng tôi sẽ được tự-do. Bởi vậy, chúng tôi mặc nhiên tin vào tương-lai, một cái tương-lai đầy hạnh-phúc. Chúng tôi, thiệt chẳng khác kẻ chiến-sĩ, sau một cuộc chiến-tranh tàn khốc, đã vất bỏ được cái manh giáp ra, để trở về làng. Chúng tôi chỉ âm thầm, cùng dự-tưởng như vậy, chứ không hề cùng nhau thổ-lộ nổi lòng, vì, lúc nào cũng vương Bạch-Tần. Mà có lẽ, chúng tôi cũng chẳng cần nói ra với nhau. Bốn dòng nhơn-quang của chúng tôi, có đủ sức truyền-cảm, để làm cho chúng tôi hiểu rõ hết ý-cảnh của nhau.

Thế rồi, ngày nọ trôi qua ngày kia. Cuộc sống của tôi vô cùng vui tươi, bình-ôn. Trong tâm-não tôi, không còn một tý gì là hắc-ám, là u-uất nữa.

Nhưng, tôi vẫn thấy cần có một dịp, để chuyện-trò riêng-tư với Hải-Lan, vì lẽ, câu chuyện giữa hai người chúng tôi, có một sự quan-hệ mật thiết về tương-lai của cuộc tình-duyên của chúng tôi. Tôi phải tìm cơ, để phá bỏ cái tập-quán trên đây, mới xong. Nhân thử, một hôm, tôi thoái-thác có việc bận, không thể cùng với Bạch-Tần, đi thăm Hải-Lan. Tôi ân cần ước hẹn sẽ gặp lại nàng, trước giờ dùng văn-phạn.

Hôm đó, bảy giờ tối, tôi mới trở về, người quản gia liền cho tôi biết Bạch-Tần chưa về, đây, quả là một việc chưa hề xảy ra, bao giờ. Tôi cố ngồi chờ nàng mãi tới chín giờ, mới một mình, đi dùng bữa. Nguyên do, thời thường, tôi vẫn ngồi ăn hàng ngày, với Bạch-Tần, nay vắng nàng, tôi thấy bơ vơ, trơ-trọi, thế nào ấy! Con người, quả là con vật của thói-quen, như người xưa đã nói. Ăn xong, tôi liền đi gọi dây nói đến y-viện Thánh-Tâm, và tôi được người khản-hộ cho hay, Bạch-Tần có đến, và đã ở đây, đi về, từ lâu rồi. Tôi phải căn dặn người khản-hộ, chớ có nói gì

Mai-Lan, vì tôi e cô nóng

Thì ra chính tôi, tôi cũng thấy nóng ruột, lòng tôi hết sức bồn chồn. Tôi chẳng còn biết làm gì hơn là châm một điếu thuốc, hút, rồi đi xuống vườn, để tản-bộ.

Lúc này, cây cối xác-xo; cây nào cũng chỉ giơ ra một mảnh cành khẳng-khieu, với mấy chiếc lá úa vàng và héo rũ xuống, như những vết thương. « Gì gió » ở đâu, mà đêm nay, chẳng thấy đến, để quét sạch những chiếc lá khô kia đi cho cảnh vật đỡ tiêu - điều, lãnh lạc ? Mấy pho tượng đá, cũng mất hết vẻ linh hoạt trước đây, vì không còn có những chùm lá lay-động, che phủ. Pho nào, pho ấy, đứng trơ trơ, cứng đờ, như những cái thây ma đã chết khô!

Hình như tôi đã quên hết thời giờ, thì phải. Ngược mắt nhìn lên cái biệt-thự «cổ-bảo» này, tôi không thể nào không nghĩ tới những cái ác-triệu, nó đương đề nặng lên tâm-đầu tôi. Tôi thấy run sợ ! Tôi bèn vội vàng trở về phòng, để, có bao-nhiêu đèn điện, vãn sáng, tuốt cả lên. Rồi, tôi ngồi ở chiếc

ghế bành, vừa hút thuốc, vừa nhìn qua cửa sổ, để ngóng đợi tiếng xe hơi của Bạch-Tần.

Đồng-hồ đổ ba tiếng chuông rồi, sau đó, tôi đã ngủ thiếp đi, ở ngay trên chiếc ghế bành, và tôi cũng chẳng còn rõ, mấy giờ, Bạch-Tần mới trở về.

Sáng hôm sau, tôi ngồi ở phòng sách, viết bản báo-cáo, để đưa nộp cho Y-sư Xa-lạp-Mỹ và kể rõ cho Y-sư hay, sự đột biến của Bạch-Tần.

Bỗng, cửa phòng, vụt, bị mở bung ra; người bước vào, chính là Bạch-Tần. Nàng bận một bộ y-phục toàn màu đen, một tay đút trong túi áo, một tay cầm một tập báo, cuốn chặt lại. Mặt mày nàng trắng nhợt, lộ một vẻ nghiêm-ngộ khác thường, với làn môi đầy kiên-quyết, khoẻ mắt đầy căm-tức. Nàng chú thị nhìn tôi trừng trừng. Tôi lễ-phép, chào :

— Tào-an.

Nàng chẳng thèm đáp lại lời chào và cứ, từ từ, từng bước, từng bước, tiến tới trước mặt tôi. Chẳng còn hiểu ra sao, tôi đâm hoảng sợ, nhưng, tôi vẫn

vẫn chần - tinh, đưa mắt nhìn xuống tờ báo-cáo, đương viết dở và bị đẩy ra phía góc bàn. Liên đó, tôi đứng lên, đi ra chỗ cái kỹ, kê gần cửa sổ, vớ lấy hộp thuốc và rút ra một điếu, đoạn tôi giơ hộp, mời nàng :

— Xin mời tiểu-thư.

Nàng giơ tay, rút lấy một điếu thuốc, và vẫn nín thinh, chẳng nói, chẳng rằng. Mai tới khi tôi bật lửa đưa, để nàng châm thuốc, nàng mới ném tập báo xuống mặt bàn, rồi, bằng một giọng lạnh lùng, bảo tôi :

— Thì ra, nguyên-lai, anh chính là ...

Nàng không nói hết, vì nửa câu sau đó, như bị khói thuốc thổi phù làm lấp đi, vậy. Nàng lại yên lặng và nhìn xuống mặt bàn, nơi mà tập báo nhàu nát, bị ném ở đó, mấy phút trước đây. Tôi vừa định trở về chỗ cũ, thì, đột-nhiên, nàng cầm lấy tập báo, vừa đưa cho tôi, vừa nói :

— Anh hãy đọc nó đi, xem ?

Tập báo, là báo buổi chiều, ra từ hôm qua. Giơ tay đỡ lấy nó, tôi nói :

— Đa tạ tiểu thư.

Tôi mở ra, vừa đọc, vừa đi thẳng về phía ghế sofa. Tuy ngoài mặt tôi giữ được vẻ chần - tinh, nhưng tâm-can tôi đương bị hoảng loạn. Bởi vậy, lúc đầu tiên, tôi chẳng còn thấy rõ, trên báo, họ viết cái gì ? Mấy phút sau, tôi mới nhắm đọc, thì ra, đó chỉ là một thiên đặc - tả rất phổ-thông, trong ấy, ký-giả nói tới bệnh-trạng của tiểu-thư Thê-tư-Lãng, và nay, nàng đã qua khỏi được, là nhờ ở tài trị liệu của y-sư Xa-lạp-Mỹ, cùng là sự tận tâm của người trợ thủ của y-sư. Cuối bài, y-sư được cung-duy một cách xứng-đáng, và tôi, tôi cũng được lạm dự một phần về cái vinh-quang đó. Tôi cố-ý làm ra vẻ thân-nhiên, trong khi đọc bài báo, và tôi chẳng dám ngẩng đầu lên, nhìn Bạch-Tần. Để đã phá cái không khí u-uất, khó-thở lúc ấy, tôi đương nạo óc, để tìm lấy một lời nói, cho thật thích-nghe, thì, nàng đã cất giọng, nói trước :

— Chẳng qua, anh chỉ là một kẻ đi làm thuê cho người ta nhi dĩ ! . . . anh đem cả sinh-mệnh, thời-giờ, tình cảm và ái - luyến, để làm một tên nô-lệ, lấy mỗi tháng, mấy ngàn phật-lãng !
— Đầu có phải như vậy, nếu

tôi có làm nô-lệ đi chãng nữa, tôi chỉ làm nô-lệ cho cái công-việc tôi phục-vụ mà thôi. Tôi có thể nói, tôi rất yêu quý cái công-việc tôi phục-vụ. Quả tình tôi đã nguyện-y, đem tất cả sinh lực ra, để cống-hiến cho nhiệm-vụ.

— Anh không thấy xấu-hổ với hành-động đê-tiện của anh, nó chính là kiếm cách để lừa-dối hai người con gái nhu-nhược, hay sao ?

— Lừa dối hai người con gái nhu-nhược ?

— Phải, tôi với Hải-Lan, chứ còn ai nữa ?

Nàng không nói to, nhưng giọng nàng vô cùng kiên-quyết; nàng nói tiếp :

— Phải, anh đã cả gan lợi dụng lòng trong trắng, chân-thật của Hải-Lan và dùng cách không chế-tình-cảm của chính tôi, để làm một thủ-đoạn kiếm tiền !

Mắt nàng sáng quắc lên và sắc tựa một cặp « dao cau », nó bức tôi, cho đến nỗi, tôi phải quay đi, rồi tôi nói :

— Trong đời tôi, có hai việc, mà tôi tâm-niệm tín-ngưỡng, đó là nhiệm-vụ và ái-luyện. Cái nhiệm-vụ hiện thời của tôi, quả không thuộc vào cái loại dối trá, lường-gạt. Như vậy, có lẽ nào cái nhiệm-vụ của

tôi lại có thể xung-đột với sự luyện-ái được ?

— Anh có biết không ? Cái nhiệm-vụ của anh, nó trở-thành sự lừa-dối, sự lường-gạt, là vì anh đã để cho người ta lấy tiền, thuê anh, anh hiểu chưa ?

— Nhưng, tôi đã thấu rõ, cái động-cơ của người đó, quyết-nhiên có một tính cách hoàn toàn vị-tha.

— Thế nghĩa là nhiệm-vụ của anh cũng lại là ái-luyện hay sao ?

— Không phải thế ! Tôi có thể lấy danh-dự mà thiết-thệ rằng, trong khi tôi thi-hành cái nhiệm-vụ của tôi, sự ái-luyện mới phát sinh ra.

Nàng hé môi, cười nhạt :

— Ý ! Nếu đem trừ-diệt sự ái-luyện kia đi, tôi tin chắc, anh chẳng còn có cái gì gọi là nhiệm-vụ, với phụ-trách.

— Vâng, giả như cái nhiệm-vụ của tôi, chỉ là ái-luyện đi nữa, nhưng nếu sự ái-luyện kia, là chân-thiết, tôi chẳng thấy có gì đáng gọi là xấu-xa, là khỗ-sĩ cả.

Tôi quay lại, nhìn thẳng vào mặt nàng, mà nói như vậy. Nàng nói :

(Còn nữa)

NÚI BÀN NƯỚC

THƯỢNG

T H U

BÁN NƯỚC

★ PHAN-ĐÌNH-TÁ ★

BA KIẾP

Đ À U

THAI



Phan-Đình-Tá, người làng Phú-lưu, huyện Thiên-lộc, tỉnh Hà-tĩnh.

Năm Kỷ-vị 1499, Phan đỗ hoàng giáp. Làm quan triều Lê đến bậc đại-thần. Nhưng Phan tính người tham lam và giáo

quyết, hay xu-mị cầu-vinh.

Năm đinh-hợi 1527, Mạc-Đặng-Dung đảo chính, đặt mình lên ngôi tôn. Nhiều người không phục.

Họ Lê bị truất-phế. Nhà Mạc dựng lên. Lê tất-nhiên dân chúng xôn-xao trước tình-thế mới, không thể một-sớm một-chiều mà yên. Nhất là đối với các quan cũ nhà Lê, đuổi họ về vườn cả thì không được, mà dùng họ thì cũng không xong.

Để cho danh-chính ngôn-thuận, để trấn-áp lòng dân một-phần nào, MẠC-ĐẶNG-DUNG cho vời các quan của nhà Lê đến triều, ân-cần phủ-dụ và phân-trần-lẽ-thiệt-hơn. Các quan có người đến, mà phần-nhiều

★ NGUYỄN BÁ-THẾ

lánh mặt, và một số đông còn do-dự chờ xem thời thế rồi mới tỏ thái-độ dứt khoát.

Trong sổ quan cũ nhà Lê đến châu, có Phan-Đình-Tá.

Thuận theo nhà Mạc, vì MẠC ĐĂNG-DUNG hứa sẽ có sự ưu đãi về sau và ban ngay cho Phan 50 lạng vàng, Phan đành ngậm miệng không một lời phản đối, Phan lại cùng với Nguyễn-văn-Thái mạo lời vua Lê, thảo chiếu nhường ngôi cho Mạc-Đặng-Dung. Bởi có công lao ấy, Phan được Mạc cho làm đến thượng-thư bộ Lại, tước Lam-xuyên-Bá.

Cây uy thế Mạc-Đặng-Dung, Phan càng ngày càng kiêu-căng hách-dịch, chẳng kể tiếng đời dị-nghị. Mỗi lần Phan ra dạo chơi ngoài thành phố hay đi kinh lý các địa phương, nghi vệ đường hoàng, cờ trống rần rộ, quân lính theo hầu không dưới ba trăm người, như một đạo ngự của hoàng đế đi qua.

Phan còn muốn cho thêm uy nghi để mọi người đều thấy biết,

Phan khiến thợ khéo làm một tấm biển sơn son thếp vàng, chạm bốn chữ « *Luông - triều tề-tướng* » (Quan tề-tướng trải đã hai triều).

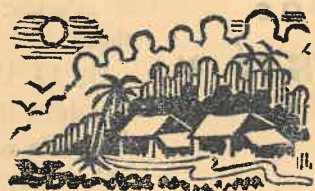
Mỗi khi Phan ra đi, có một đạo quân dẫn đầu, trương cao tấm biển ấy, rồi đoàn hộ vệ Phan mới đi theo sau.

Có một danh sĩ không ra thì cử chi, chán ý công danh, mở trường dạy học. Nhân thấy Phan - đình - Tá không biết liêm-sĩ, làm việc lỗ lãng khoe khoang như thế, bèn bảo mấy đứa học trò nhỏ, đợi khi nào đoàn hộ-vệ của Phan thượng-thư

đi qua, thì đem thả một con diều giấy, chạy giỡn chơi đùa với nhau, mỗi con diều giấy viết to bốn chữ « *Thiên-cổ tội nhân* ».

Trên diều giấy rành rành « *Thiên-cổ tội nhân* », nơi tấm biển của Phan-đình-Tá hều hều « *Luông-triều tề-tướng* », thật là đối nhau chan chát. Phan biết là bị danh-sĩ kia chế nhạo, từ ấy bỏ ngay tấm biển kiêu căng.

Và thời-gian qua . . .



Dân chúng vẫn xầm xì, bốn chữ « *Mại quốc thượng-thư* » (Thượng - thư bán nước) lan truyền. Cho đến khi Phan-đình-Tá mất, chôn ở núi Mã - sơn, dân-gian lại gọi chớch ấy là « **MẠI QUỐC SƠN** » (Núi bán nước).

« *Cửu nguyên hà xứ vô quân tiện ?* »

« *Vạn cổ không truyền Mại-quốc sơn.* »

Nghĩa :

Muôn thuở còn truyền núi Bán-nước

Suối vàng đâu tá giặc vô quân ?

Ấy là hai câu thơ trong bài (quá Mã-sơn Phan-đình-Tá cổ cư) (Tới Mã sơn qua nhà cũ Phan-đình-Tá) của La sơn phu

tử NGUYỄN-THIỆP. Sau đời Phan-đình-Tá hai trăm năm dư còn nghe dân-gian công-luận phẩm-bình, Nguyễn - Thiếp bất giác cũng ngủi ngủi mà có lời cảm khái như trên.

Tục lại truyền : Phan-đình-Tá sau khi đã chết rồi, đầu thai làm một con ngựa ở trong làng ấy. Con ngựa bị chủ nhà đánh què, chết đi, lại đầu thai kiếp khác, làm tên ăn mày, đi lang thang xin ăn ngoài chợ. Nhưng Phan còn nhớ kiếp trước. Một hôm Phan tìm đến nhà một người quen, nói lai lịch kiếp trước của mình. Người ấy cho ăn no một buổi rồi đuổi đi, nói rằng : Kiếp trước đã quá tham ô độc ác, nên trời khiến phải chịu hai kiếp khổ sở để đền bồi. Từ nay phải ăn năn sám hối, may nhờ được kiếp sau.

Người ăn mày nghe ra, hồ thẹn bỏ đi, sau chết đói nằm ngoài chợ.

NGUYỄN-BÁ-THẾ

CHUYỆN VUI
THỜI PHONG - KIẾN

MỘT BÀI THƠ :
NỬA GIÀ GẠO !

★ PHÙ-GIANG-QUÂN

NHÃ C lại chuyện cũ, để suy gẫm hiện tại, thiết tưởng đó cũng là điều bổ ích. Phương-chi trong xã hội thiên-hình vạn trạng con người phải luôn luôn tranh đấu để sống còn, và trong cái vạn trạng thiên hình kia cũng đã làm cho con người phải tối mày tối mặt. Vì thế mà người ta làm một việc chỉ mong đạt được kết quả thôi, chớ họ không cần phải tìm hiểu coi kết quả đó phải hay quấy, nên hay không. Thành ra trong xã-hội đầy đầy những kẻ gian xảo, hung tàn. Dầu vậy, cũng có nhiều kẻ thành thật công bình. Trước khi làm một việc gì những người này đều suy nghĩ kỹ càng coi việc làm có hợp với luân-lý không, có trái với nhơn-đạo không.

Vậy kẻ viết bài này ghi lại đây một chuyện cũ để cống hiến bạn đọc. Tuy là chuyện cũ, nhưng không phải là chuyện đời xưa, mà là những mẩu chuyện gần đây, phản ánh lại tác phong của một số nhân vật dưới thời Đệ nhị Thế chiến.

Vậy quý độc giả đọc cái tựa đừng vội tưởng đây là một giai-thoại văn-chương hay là một điểm tình ai-lạc, mà đây chính là chuyện thật trăm phần trăm, và kẻ đưng cuộc vẫn còn sống. Vì thế mà người thuật lại chuyện này dặn kẻ viết đừng đề tên thật của người trong chuyện, luôn cả xuất xứ nữa. Bởi những người ấy đã quá lục-tuần, nên sợ thương-tồn đến — theo sự khiêm-nhượng của họ — tác phong của

MỘT BÀI THƠ NỬA GIÀ GẠO

người lớn tuổi : lão già an chí !
Đây xin kể câu chuyện.

Năm 1942-1943, ở quận C... một số nhân-vật trí-thức có lập ra một văn-đàn, mỗi tháng hai lần hội-hợp để làm thơ hay ngâm vịnh chơi cho vui.

Năm ấy, ông quận ở đây tên là X... đã được tiếng là giữ trọn tư-cách một ông quan nhơn-tử. Đến đời các đồng-nghiệp quận-trưởng của ông phải nói : «A anh X. hà ? ành là ông Phật đó mà !».

Mỗi lần văn-đàn nhóm họp đều có mặt ông. Không hiểu ông vì bồn-phận phải tham gia hay là ông cũng ưa thích ngâm-vịnh ?

Một bữa, khi cuộc vui hầu tàn, nhiều người đã rút lần, chỉ còn lại ba bốn người ngồi nán lại, trong số có cả ông quận X này để nói chuyện đời. Bỗng ông X cười vừa vỗ vai tôi (người thuật cho kẻ viết bài này) mà nói :

—Này anh, bữa nay tôi có xử một vụ thừa kiện ngộ nghĩnh, để tôi kể lại đây rồi mỗi anh làm một bài thơ, còn phần tôi thì chịu ba ổ bánh bông lan và trà đề đãi các anh. Câu chuyện thế này : Ông Y có cưới vợ cho con mình. Ông Y định ninh rằng mình đã lập gia thất cho con, thì con nó sẽ lo làm ăn, rồi sanh con đẻ cháu

để nối dõi tông môn, giữ gìn sự nghiệp (vì ông Y rất giàu). Nhưng chẳng dè thằng trai mắc gió lại sanh tật chơi hoang, bỏ vợ nó ở nhà một mình quanh hiu. Nếu lâu lâu có về một vài bữa thì lại hạch sách tiền bạc để xài (nhứt là cậu lại ghiền á phiện mới khổ chớ). Nếu vợ không có tiền, hay có mà chẳng đủ thì cậu liền trở "nghề võ" đánh đá toi bời.

Bởi quá khổ sở, buồn tủi, nên cô vợ phải xin cha mẹ chồng cho về nhà cha mẹ ruột ở ít lâu, để coi chồng cô có hồi tâm mà trở về với vợ con không, hay là phải ra tòa xin ly dị. Không ngờ anh chồng đã mê một cô gái khác rồi nên sẵn sàng ly dị. Hai bên đảng trai và đảng gái đều bằng lòng, mặc dầu bên ông Y vẫn biết cái quấy là của con mình, chớ nàng dâu thì rất hiền thực đáng mến. Nhưng, (rắc rối là ở chữ "nhưng" này) dâu mình đáng thương, con mình đáng trách, nó thôi nhau là đành rồi, ngặt một cái lúc cưới hỏi đã cho đồ cưới bộ bàn, nào là dây chuyền bộ, nào trâm nĩa, nào mấy đôi vàng nay nếu bỏ luôn thì ưỡng quá. Nên khi cô dâu xin về nhà cha mẹ thì đồ đạc của cô dâu gởi, ông Y tính làm thỉnh vì ông nghĩ

rằng đồ cưới đó là của ông, nếu vợ chồng không ăn ở với nhau nữa thì ông có quyền lấy lại. Tức mình, cô dâu cho là đồ cưới của mình thì mình có quyền sở hữu, vì cha mẹ chồng đã cho khi làm lễ hôn phối, trước mặt hai họ thì bây giờ, đâu có lấy lại được? Hơn nữa, trong mấy năm làm dâu mình cũng hoàn toàn bồn phận. Đã biết có câu: "Gái lộn chồng của một thường hai", nhưng mình có lộn chồng, hay có hư hỏng gì đâu mà cha mẹ chồng làm vậy? Cho nên, đành gái mới đến quận đường thưa nội vụ và nhờ phân xử giùm. Như các anh biết, quận chỉ có giải hòa mà thôi chứ phân xử gì được. Vì vậy tôi chỉ khuyên giải đôi bên. Và muốn cho công việc êm xuôi tôi đình lại một tuần. Trong những ngày đó, tôi cho mời riêng ông suôi trai đến quận để giảng giải cho ông biết rằng theo phép lý thì những vòng vàng ông dùng làm đồ cưới vợ cho con đó, đâu ông được trọn quyền làm chủ. Dẫu nó có theo trai đi nữa ông cũng không được quyền đòi của cưới lại. Vậy ông nên trả đồ đó cho đâu ông đi. Huống chi cô dâu cũng đáng thương quá, sao ông không vui vẻ mà làm tròn bồn phận cha mẹ, lại tranh giành làm chi những vật trước kia đã từng làm ông nở mày nở mặt trước

hai họ? Thêm nữa, tôi cũng đã nói dẫu ông được quyền làm chủ của cải của nó. Nếu nó gởi cho ông mà ông không trả lại thì nó sẽ kiện ông về tội sang đoạt. Chừng đó, ông không khỏi bị luật pháp về hình sự. Đó, tôi nói dùm cho ông nên về suy nghĩ kỹ lại mà đối xử cho êm xuôi đi, để trước là được đâu ông kính phục, độ lượng, rộng rãi của cha mẹ chồng, sau nữa, khỏi phan phui giữa muôn mắt mà bị chê cười là cha mẹ hẹp hòi, không biết phải quấy.

Trước mặt tôi — (vẫn lời ông quận X) ông Y vâng vâng, dạ dạ, hứa dề về sẽ tính. Song khi về rồi ông lại nói tôi ăn hối lộ của đâu ông nên xử ép ông. Vậy đâu phải ra tòa ông sẽ giao cho thầy kiện vì đồ của ông cho con dâu, nếu không còn ở với con ruột ông thì ông có quyền lấy lại.

Nói tới đó, ông Quận X kết luận: « Câu chuyện như vậy, và mấy anh hãy lấy đó làm đề tài, mỗi người làm bài thơ chơi ».

Chúng tôi mỗi người làm một bài. Các bài của mấy anh kia vì lâu quá rồi nên tôi quên. Riêng bài thi của tôi thì tôi cũng chỉ nhớ hai câu kết thúc như vậy :

*Cũng bởi Ngao Cò tranh những
nhặng,*

Ông câu được một bữa no-nê.

Tại sao tôi chỉ nhớ có hai câu đó? Vâng, vì hai câu kết đó nên mới có bài này :

Nguyên một bữa kia tôi đi chơi
vừa về thì được vợ tôi cho hay:
« Này ông, hồi này ở đăng quan
lớn có biểu chị bếp đem cho mình
nửa gia gạo, thứ gạo « nằng lai »
ngon quá.

Tôi sững sốt vừa lo ngại, nói
thầm rằng « lạ kỳ, sao ông Quận
từ tế đặc biệt với mình vậy? »
Suy nghĩ mãi cũng không ra.
Nhưng đâu sao mình cũng
phải đi cảm ơn ông chứ. Nhất
là dọ coi tại sao có chuyện lạ
ấy? Vợ tôi thấy bộ tịch khác
thường cũng lấy làm lạ nên hỏi
tôi tại sao có vẻ sững sốt vậy.
Tôi làm thinh thay đồ rồi đi đến
quận.

Đến nơi, tôi cho anh bếp hầu
vô bẩm với ông quận rằng có tôi
đến viếng ông. Rất may, bữa đó
ông rảnh việc sớm nên vừa nghe
anh bếp bẩm thì ông từ trong
văn phòng lật đật bước ra, cười
tít toát rất vui vẻ. Tôi cúi đầu
chào trong khi ông bước tới bắt
tay tôi vừa chào tôi một câu càng
làm tôi thêm kinh ngạc: « A chào
ông Câu! ». Thiệt nghe câu ông
Quận chào mà tôi rộn tang trong
lòng. Nhưng tôi cũng gượng làm

tin mà chào lại. Ông Quận liền
kéo tôi vào văn phòng vừa nói:
« Vô đây! Vô đây nói chuyện
chơi, bữa nay tôi rảnh sớm lắm ».

Tôi theo ông vào phòng thì ông
chỉ ghế mời ngồi. Tôi không kịp
ngồi mà chỉ đứng trong khi nói
mấy lời tạ ơn ông về việc cho
tôi gạo ngon. Ông cười ngặt
nghèo mà nói: « Không phải của
tôi tặng anh đâu. Anh có nhớ
hồi này tôi đã gọi anh là ông.
Câu không? Anh mà được thúng
gạo đó là do hai câu kết - thúc
trong bài thơ hôm rằm về vụ cha
chồng nằng đâu giành của: »

*Cũng bởi ngao cò tranh những
nhặng,*

Ông câu được một bữa no-nê.

Lúc này tôi cũng chưa hiểu
ông Quận muốn nói gì, thì ông
tiếp luôn như vậy: « Sau khi tôi
giảng giải cho ông Y biết sự lợi
hại về pháp lý nếu ông không
chịu trả đồ cưới lại cho đâu ông,
ông Y cho là tội ăn hối - lộ của
đàng gái nên quyết mượn luật-sư
nêu nội vụ ra tòa. Nhưng sau đó
không biết được ai chỉ dẫn cho
ông ta, hay ông ta tự hối rằng
mình là cha mẹ mà không xử-sự
cho rí tư cách cha mẹ, nên vui
vẻ kêu con dâu đến trả đồ lại đủ
hết, lại còn tỏ vẻ thương tiếc một

MỘT BÀI THƠ NỬA GIÀ GAO

nàng dâu hiếu-hạnh, và buồn cho nhà mình vô phước nên sanh thằng con ngoan ngoan, đồng thời xin-anh chị suôi đừng buồn phiền, và cũng khuyên dâu nên vui vẻ bỏ qua sự sầu muộn. Việc xảy ra vậy đó mà tôi cũng không hay rằng họ đã tính êm với nhau. Bất ngờ chiều hôm qua, cha mẹ cô dâu lại đến quận vừa mang theo kinh kinh nào cam, nào bưởi, nào bánh hộp, rượu chác, lại thêm một thúng gạo. Cha mẹ cô dâu thuật-lại tự-sự và cảm-ơn tôi, nên bữa nay đem đồ đến đến ơn tôi. Rồi ông ta lại thò tay vào túi lấy ra một bao thơ để trên mâm bánh, đoạn chấp tay xá xá xin tôi nhận cho để y được tỏ lòng biết ơn. Bởi nhờ tôi mà y được việc. Thấy y thành khẩn quá, tôi mới cắt nghĩa cho y biết rằng tôi không có làm ơn nghĩa gì cả, mà tôi chỉ có bồn phận giải hòa cho hai đảng vậy thôi, chớ tôi không cố ý bình vực ai cả. Vậy ông nên đem đồ này về đi, tôi nhất định không nhận một món

nào cả. Nhưng tôi bỗng nhớ lại hai câu thơ của anh, và suy nghĩ không biết ai là « ông câu » đây ? Tôi thì tôi không chịu. Mà họ lại tính êm với nhau, chớ không lôi ra tòa, không mượn luật sư bình vực, vậy thì ai là « ông câu » bây giờ ? Tôi liền nghĩ rằng thôi thì để anh là tác giả hai câu thơ kia hãy lãnh vai ông câu bất ngờ cái chơi. Cho nên, sau khi ông suôi gái khần khoản yêu cầu lần chót, tôi bèn xin nhận một nửa giạ gạo để ông ta được vui lòng. Còn đồ kia, thì tôi từ chối tất cả. Và sáng nay tôi biểu chị bếp đem đến anh đó. Vì anh là « ông câu » bất đắc dĩ mà ! » Nói rồi ông quận X cười ngặt !

Đến đây, người thuật chuyện cho kẻ viết bài này vừa cười vừa nói : « Vậy theo cháu, khi họ bắt mình làm ông câu mà không có cần câu, không có nhợ câu, cũng không có lưỡi câu — bởi vì mình đâu phải thợ câu ? — nghĩ có đáng tức cười không chớ ! ».

Ơ N T
H Ê Ô
T L R

Vé số Kiến-thiết

Vừa rồi ông Tổng-Giám-đốc Nha Kiến-thiết đã tuyên-bố về vấn-đề vé số Kiến-thiết bán giá chợ đen, và đang nghiên-cứu biện-pháp chặn đứng cái nạn ấy. Vậy nay Diệu-Huyền có bài thơ sau đây :

Ai ơi, ai có biết
Tại sao số kiến-thiết.
Vấn bán mười ba tỷ ?
Và công-khai bán miết
Chẳng sợ tội tình gì ?

Ai ơi, ai có biết
Tại sao vé kiến-thiết
Ghi rõ số mười tỷ,
Mà cô hàng nhứt quyết
Mười ba tỷ ? Hi hi !

Tôi hỏi cô Ánh-Tuyết
Bán vé số kiến-thiết :
Tại sao có chuyện kỳ ?
Cô trả lời : Không biết
Rồi cô cười Khi ! Khi !

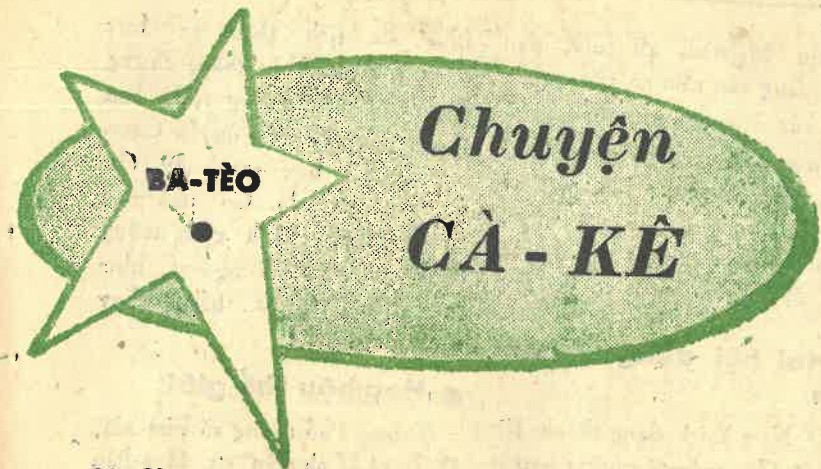
Tôi đến hàng cô Khiết,
Trông thấy tôi, cô liếc,
Và tím tím, rù rì :
« Thêm ba đồng chợ tiếc !
Trúng một triệu, Hi ! Hi !

Tôi chạy lại cô Nguyệt :
« Mười đồng vé kiến-thiết ? »
Cô cũng chẳng nể vì :
— Mười ba đồng nhứt thiết,
Không mua hả ? Xi ! Xi !

Hỏi ai, không ai biết !
Tại sao số kiến thiết
Mỗi tháng xổ bốn kỳ,
Mà cứ chợ đen miết,
Công-khai bán li-li ?

Hỏi ai, không ai biết,
Tức mình, càng hỏi riết.
Hỏi chú Chệt bán mì.
Chú bảo : « Ngộ không piết ! »
Hi ! Hi ! Hi ! Hi ! Hi !

Diệu Huyền



★ Cho máu

Vì lòng nhân đạo, Ông Giám đốc sở Thú của thành phố Salisbury, xứ Rhodésie, vui vẻ đến bệnh viện Công cộng để tặng cho bệnh viện ấy nửa lít máu của ông. Về sở, ông vô ý bị một con rắn độc cắn, ông té xỉu, sùi bọt mép. Người ta phải chở ông lập tức đến bệnh viện. Nơi đây, sau khi lấy máu độc ra rồi, người ta phải chích máu tốt vào, và chính là nửa lít máu của ông vừa cho ban nãy được đem chích lại cho ông ! Thẻ là của César trả lại cho César ! Huê.

● Họa vô đơn chí.

Nửa đêm, bà hiệu trưởng trường Nữ Trung - học Iowa

(Mỹ) phải gọi điện-thoại đến sở cứu-hỏa để đem vòi rồng đến xịt một bọn thanh niên lưu-manh đến chọc ghẹo mấy cô nữ sinh ở ký-túc-xá. Lính mũ đồng kéo đến, tổng cổ bọn lưu manh đi rồi, nhưng họ lại ở lại để chọc ghẹo các cô và không chịu ra về. Bà hiệu trưởng lại phải gọi điện thoại đến sở Cảnh-sát ... Lính Cảnh-sát đến, ủa vô phòng ngủ của các Nữ sinh để mời mấy ông lính mũ đồng rút ngay. Các báo bên Mỹ không nói lính Cảnh-sát làm xong nhiệm vụ rồi ra về, hay ở lại !...

● Hồi ký

Nhà Thi-sĩ kiêm văn-sĩ có danh tiếng của xứ Đan-Mạch,

Martin Melsted, 49 tuổi, dạo này quảng cáo rầm rộ cho quyển sách của ông sắp xuất bản.

Tương là sách gì hay lắm té ra là một quyển " hồi ký " về bảy đời vợ kế tiếp của ông ! Nghe nói ông sẽ xuất bản quyển này, để lấy tiền cưới cô vợ thứ tám.

● Hai hội đang thành lập.

Ở New York đang thành lập một " Hội quốc-tế những người dùng tay trái " do Bác-sĩ Bryngelson, 35 tuổi làm chủ-tịch.

Trong bản tuyên ngôn Hội có nhắc đến tên các bậc vĩ-nhân thế-giới đã dùng tay trái trong lúc ăn, hoặc vẽ, viết bằng tay trái như : Hoàng-Đế ALEXANDRE LE GRAND, MICHEL ANGE LÉONARD DE VINCI. VÀ PICASSO.

— Ở Paris, cũng đang thành lập " Hội quốc-tế những ông già 70 tuổi " mà hội viên là danh ca MAURICE CHEVALIER, và Tổng-thống EISENHOWER...

● Thuần-phong mỹ-tục.

Vừa rồi theo lệnh của Chính phủ Áo, để bảo-vệ thuần-phong mỹ-tục, Cảnh-sát ở thành phố

Linz đã tịch thu 12 bức tranh phụ nữ khỏa thân, trưng bày trong một phòng triển lãm thành phố. Nhưng quyển Catalogue in 12 bức tranh ấy vẫn được phát tự-do. Có nhà xuất bản lợi dụng chánh sách trống đánh xuôi kèn thổi ngược như thế, liền in ra bán, chạy như tôm tươi !

● Hoa hậu thế giới

Trong Phổ-thông số vừa rồi, B. T. có kể chuyện cô Hoa-hậu Âu-châu 1958, là HANNI EHRENSTRASSER, bị bắt quả tang ăn cướp đồ nữ-trang trong một tiệm lớn ở London và bị tống vô nhà lao. Nhưng Thế-giới chưa hết Hoa-hậu ! Người ta đã đếm trong 30 năm sau này, nghĩa là từ 1930, có cả thảy 80.000 cô được nhất thời tôn làm hoa-khôi hay hoa-hậu. Nào là Hoa-hậu Pháp Hoa-hậu Đức Hoa-hậu Nhật - bản, Hoa-hậu Mỹ v. v. . . nào hoa-khôi hội chợ này, hoa-khôi hội chợ nọ, v. v. Cứ mỗi lần có một cuộc thi sắc đẹp bất cứ ở đâu, là có hoa hậu ở đó. Cộng cả 80.000 cô ! Đến nay chẳng ai biết là 80.000 sắc đẹp tuyệt-thể giai-

nhân ấy thành ra 80.000 cái thố gì ? Chỉ biết vài thí-dụ điển hình :

— Hoa-hậu Anh-quốc 1957, Miss SONIA HAMILTON, lấy chồng nhà « Triệu phú » trẻ tuổi đẹp trai, Michael Blake: té ra là một gã lưu manh bịp-bợm. Chàng chuyên nghề ăn cướp, bị tù. Nàng cũng bị tù vì đồng lõa tiêu thụ đồ ăn cướp.

— Hoa hậu xứ Ecosse, 1959, JUNE GILBERT cũng vừa bị tù vì nhận làm nữ gián-điệp cho một cường quốc.

— Hoa hậu Đức quốc, VERA MARKS, 17 tuổi lấy chồng một chàng « nghệ sĩ xi-nê-ma » đẹp trai, không dè chàng là « nghệ sĩ » . . . bịp, chuyên môn lừa đảo: chàng và nàng, đều bị tù.

— Hoa hậu Thụy-Điển kiêm hoa-hậu thế-giới 1948, BETTY BJURSTROM 19 tuổi, làm thư ký trong một tòa báo ở Thụy-điển, bị chồng là một chàng say rượu, bắn một phát súng cho què chân vì bất gặp nàng nói chuyện với mèo. Hiện nay nàng làm đầy tớ cho gia-đình một ông Bác-sĩ ở Thụy-điển.

— Hoa-hậu Paris SCARLETT, và cũng là Hoa-hậu thế-

giới được mời đóng phim xi-nê. Nhà Đạo-diễn cho nàng đóng một vai phụ. Nàng buồn, đâm ra uống rượu, rồi một buổi sáng từ trên cửa sổ tầng lầu thứ tư, nhảy xuống đường cái tự tử !

— Hoa-hậu New York DA-WC HOPE NOELL; Hoa-hậu xứ Roumanie : TITA CRITESSEN; Hoa-hậu Pháp : AGNÈS SOURET; Hoa-hậu Anh : PEGGE DAVIES, cả 4 cô này cũng tự-tử vì thất vọng tình-duyên.

— Và hiện nay, ở Berlin — Ouest, dân chúng Đức ai cũng biết bà già bán bông ở công-trường Wittenbergplatz, tóc bạc, răng long, mặt nhăn nhó như con ma lem, tên bà lão là GERTRUD DOPIERLSKI, Hoa-hậu đầu tiên của Đức-quốc

● Đây, Dân-chủ..

Trong cuộc du-lich vòng quanh Thế-giới hồi năm ngoái, công-tước Philippe d'Edimbourg, chồng của Nữ Hoàng Anh-quốc Elisabeth, có quay thật nhiều phim xi-nê có tính cách học-hỏi. Vừa rồi, ông đưa sang bộ Giáo-Dục Anh, nhưng « Ủy-ban giáo-giới duyệt y các phim giáo-dục » không nhận cuộn phim của

Bá-tước Phillippe vì lý do « không có ích lợi gì cho việc học-hỏi cả ».

Như thế đó mới thật là Dân-chủ vậy! Chỉ biết việc lợi-ích của con dân, không cần quan-tâm đến uy quyền của Vua chúa.

● ... Và đây «kinh-tế tự-túc!»

Cô đào chớp bóng VALE-RIE LAGRANGE từ khi đóng vai chính trong phim «La Virginité», và được đóng chung với Michel Boisrond, thì được công chúng mộ-điệu hoan-ngênh nhiệt liệt. Cậu em trai của cô là Louis, mới có 12 tuổi, đã biết lợi dụng ngay danh vọng của người chị nổi tiếng ấy. Cậu thuê in 1000 tấm hình của chị, đem vô trường, bán cho các bạn học, và đi bán rong ngoài phố, mỗi tấm hình 50 đồng N. F.. Hôm lễ sinh-nhật của cậu vừa qua, nhờ số tiền «kinh-tế tự-túc» ấy mà cậu bé có được số tiền bự, tha-hồ mua sắm áo quần, quà bánh, và thết tiệc bạn bè!

B.T.

CHUNG QUANH VẤN-ĐỀ

«Nagasena có nguy biến hay không?»

Chúng tôi có đăng hai bài của ông Thẩm-Thệ-Hà và một bài của Thầy Thích Thiện-Châu trao đổi ý kiến về vấn-đề trên, nhưng chúng tôi không muốn có một cuộc bút-chiến.

Vì chúng tôi trộm nghĩ rằng giáo-lý của Đức Phật Thích-Ca là rộng-lớn vô cùng, rất cao-siêu, thâm-thúy, không thể là một đề-tài đem ra để tranh-luận nhiều. Chúng tôi đã để cho ông Thẩm-Thệ-Hà trình-bày một nhận-xét về phép tỉ-luận, theo quan điểm riêng của ông, (mặc dầu có những điểm chúng tôi không đồng ý) và để Thầy Thích Thiện-Châu giảng giải theo hiểu biết của Thầy về Phật giáo.

Hai bài của ông Thẩm-Thệ-Hà chưa phải đã làm sáng tỏ vấn-đề, nhưng một bài của thầy Thiện-Châu có đủ yếu tố để kết thúc. Vậy chúng ta không cần kéo dài thêm nữa.

N.V.

Sách báo mới

Những sách giới thiệu trong mục này là những tác-phẩm chúng tôi đã nhận được trong tháng. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn các Tác-giả.

● XỬ ÁN GIÊ-SU

Tác-giả bản Pháp văn : Thierry Maulnier. Bản dịch ra Việt-văn của VÕ-LONG-TÊ. Nhà xuất bản Nguồn Sống. 3. Trần-cao-Vân, Huế.

Một kịch-phẩm làm sáng-tỏ các tính chất của Gia-tô-giáo, và «duyet lại vụ án xử Chúa Jésus với những luận cứ và tâm tình của các nhân vật hiện-đại». Tựa của vị giám-mục địa phận công-giáo Huế.

● VIỆT-SỬ (Lớp Đệ nhất.)

Của Ô. B. TĂNG-XUÂN-AN, Giáo-sư Trung-học Saigon. Nhà xuất-bản Tao-Đàn 36 Nguyễn-phi-Khanh Dakao.

Soạn theo chương-trình 1958 của B. Q. G. G. D. từ Hòa-uớc Pháp — Việt 1884 đến Việt-Nam Cộng-hòa, 1955. Một quyển sách giáo-khoa soạn có công-phu, với nhiều tài-liệu xác-thực về thời Pháp thuộc và Triều-đình Huế.

● MÁY DẶM ĐƯỜNG MÂY

Thơ, truyện ngắn, giai-thoại văn-chương v, v., của một nhóm bạn trẻ. Nam Thi xã xuất bản. Giá 15\$.



Truyện dài của cô **VÂN NGÀ**
(Tiếp theo P. T. số 35)

DÊ M ấy, tôi bàn với má tôi việc trở về quê. Má tôi rất đồng ý. Bấy lâu, tuy tôi cố giữ gìn tư cách, nhưng miệng đời lắm điều thêu dệt, khiến má tôi chán nghe những lời điều mang mà phiền lòng không ít. Hơn nữa, tin tức ở ruộng nhả ra cho biết vùng của chúng tôi ở được tương đối an ninh. Pháp đã bỏ đồn Giồng-riêng, Chợ Mới và Thác-Lác. Dân chúng hết còn lo sợ bị Tây ruộng bỏ nữa.

Gia đình chúng tôi đến cảm ơn ông bà bác sĩ đã bảo bọc bấy lâu. Mẹ chồng tôi bịn rịn cầm tay tôi và nói :

— Thỉnh thoảng, con trở ra

chơi, nha con. Thăng Chín lại vừa rời bỏ Sa-déc đi đâu không biết nữa rồi. Má buồn lo cho nó quá. Phải chi nó được sống yên ở một chỗ nào, má sẽ đi cưới con và cho con theo nó cho xong một bề, kéo lần lữa vầy hoài lỡ duyên con mất thôi.

Tôi khóc mà rằng :

— Má ơi ! Con chờ ảnh đến bao giờ cũng được.

Về đến quê nhà, tôi thấy cảnh cũ mà đau lòng xót dạ. Nhà cửa, vườn tược đều điêu tàn hoang phế cũng như tâm hồn tan nát của tôi thiếu hẳn cả nguồn an ủi. Nhưng sự nghiệp còn có thể sửa sang lại được, chớ người xưa, tình cũ biết bao giờ mới xum-hợp nhau đây. Chàng chỉ có một con đường trở về với tôi, mà đường ấy đã bít lối rồi !

Một hôm nọ, tôi được giấy mời của công an xã. Đến nơi, người trưởng chi công an là một bạn cũ, cho tôi hay là có lệnh ở quận bảo bắt giữ tôi lại để điều tra về tội Việt-gian. Người ta cho tôi là phần tử thực hóa và phản động, đã phản bội dân tộc.

Anh bạn cũ nọ nửa thật, nửa đùa mà bảo với tôi :

— Chị dạo này đẹp tuyệt ! Chắc là nhờ ở bơ sữa dư lắm.

Tôi tỏ bày hoàn cảnh bị bắt buộc của tôi cho anh nghe. Anh cho hay là những hành động gì của tôi ở tỉnh các anh đều hiểu

KIÊN TRINH

hết : nào là tôi nhẩy đầm với Pháp, nào là tôi gián tiếp phòng Nhì, nào là tôi gián tiếp cung cấp lương thực cho giặc, v.v. Hơn nữa, hai thằng bé con ở câu-lạc-bộ đã tố cáo rằng chính tôi phá vỡ công tác của chúng. Tôi bị quản thúc hơn bảy tháng về những cái tội không hề có làm. Là nạn nhân thụ động của những hoàn cảnh éo le cứ bám riết vào số phận đen tối của tôi, tôi biết dù có kêu van thỏ than cho mấy cũng là vô ích nên đành lòng nhàn nhục cam chịu lấy những lời xỉ nhục.

Thời gian ấy, tôi học được thêm nhiều bài học đời nữa. Ở đâu cũng có những cái tốt và những cái xấu chen lộn với nhau. Con người ở trong chế độ nào cũng chất chứa nhiều dục vọng, xâu xé với nhau không khác bày thú dữ : cái xui xẻo của người này là cơ hội lợi dụng cho người khác. Số người có thiệt tâm, thiện chí bao giờ cũng là ít.

Người ta không ngót phê bình tôi một cách bất công làm cho tôi phải tủi hổ vô cùng. Nhưng kẻ xưa kia xem tôi là trọng, trọng vì sắc đẹp của tôi, đã không ngần ngại buông lời trêu chọc sỗ sàng hay hành động một cách vô lễ

như tôi là một con người lẳng lơ, trác nết tự thuở nào.

Nhà tôi dần dần thành một nơi hội-hợp của những người tứ xứ rủ rê kéo nhau đến, tiếng là tới lui thăm viếng, nhưng cốt để lân-la trò chuyện và trừng giỡn, khôi-hài với nhau trong những khi xong công rồi việc. Người ta đi đến nhà không lẽ chủ nhà không tiếp chuyện, e sanh điều oán thù không tốt, nên má con tôi cố lấp mắt ngơ tay chịu đựng những sự bực lòng đôi khi xảy ra. Có nhiều người sớm chiều và thông cảm hoàn cảnh của chúng tôi nên lấy lòng thành-thật đối đãi lại, sự giao-thiệp thắt chặt thêm trong niềm tin cậy lẫn nhau, có hạng người chưa gột bỏ những thành-kiến sai lầm, tấp tễnh bày ra những chước ma trò quỷ của cường-hào xa-xưa, người làm mù, kẻ làm nhọt, đề rù quỵến gái coi mẹ góa, la lét, buông-tuồng trong nhà bất chấp đến sự phản-đối im lặng của chủ nhà.

Má tôi, một hôm, không chịu nổi tư-cách của bọn ấy, liền mắng chúng một trận dữ-dội khiến chúng lật-đật rút lui trong giữa lúc nửa đêm, sau khi toan giở trò đều già. Cách mấy ngày

sau, hai má con tôi được giấy mời của vị chỉ-huy tiểu đoàn địa-phương vừa về đóng gần đây, đề trả lời về một bức thơ nặc danh gọi đến tổ-cáo gia-đình chúng tôi có những tư-trưởng phản-động. Chúng tôi đến gặp mặt người tiểu-đoàn trưởng và trình-bày tất cả những sự thật vì chúng tôi dư hiểu ai là kẻ ném đá giấu tay. Viên tiểu đoàn trưởng nghe xong gật gù bảo :

— Tôi cũng rất phân-nân về tư-cách của ít nhiều thanh-niên trong vùng không chịu tham-gia công-tác và có những hành-động phản cách-mạng. Dần dần rồi chúng tôi sẽ cải hóa họ. Tôi biết Khanh nhiều lắm, hiện giờ anh đang ở Cam-bốt, có lẽ cũng sẽ đổi về đây trong năm nay.

Người tiểu đoàn trưởng ngờ ý muốn mượn nhà tôi để cho tiểu-đoàn bộ ở. Má tôi nhận lời ngay, vì như thế chúng tôi khỏi phải lo thấp thỏm đến một sự trả thù hèn mặt nào khác nữa. Mấy ngày sau, văn phòng của tiểu đoàn dọn lại ở nhà tôi, chiếm trọn cả nhà trên, và gia đình chúng tôi ở riêng biệt ở dãy nhà dưới. Nhân viên văn-phòng ăn ở rất lễ-phép, tỏ ra toàn những người có giáo-dục và biết tuân theo kỷ-luật. Trong những

kỳ hội lớn đề thảo luận mở chiến-dịch, các đại-đội trưởng và trung-đội trưởng ở các nơi về họp hằng mấy đêm ngày, nhà tôi rần-rộ người là người nhưng không ai quá bước đến phần đất dành riêng cho gia-đình chúng tôi nếu không có sự đồng ý trước. Má tôi hay nấu chè, cháo cho họ ăn khuya, mọi người đều hoan nghinh và định cử má tôi lên làm bà mẹ chiến-sĩ trong vùng ấy. Má tôi từ chối không nhận chức phận ấy, song từ đó về sau, các anh gặp má tôi đâu cũng kêu gọi niềm-nở :

— Má ơi ! Má đi đâu đó, để con chèo xuồng giùm cho.

— Con mới đánh trận về đói quá, má có gì cho con ăn không ?

— Con ở thành về, ghé biếu má gói u-tê-cu (uống trà quẹo) và nửa ký đường đây.

Tiểu đoàn bộ đóng nơi nhà tôi hơn sáu tháng thì di-chuyển sang vùng khác ở tỉnh Cần-thơ. Đoàn ghe vừa đi xong sáng hôm đó, chiều lại có phi-cơ Pháp bay đến bắn phá và bỏ bom. Gia-đình chúng tôi vừa chạy núp vào hồ cá-nhân của các anh đào chung quanh nhà thì phi cơ đã lượn trên đầu và bỏ xuống ba quả bom : hai rớt dưới sông,

một rơi ở giữa sân trước gây nên một tiếng nổ kinh hồn và làm thành một cái hố sâu hầm, thấy mà ghê. Có một người chị em bà con của tôi, vợ của một trung-đội trưởng, đang ôm con chạy ra mới vừa thông chân dưới miệng hố chưa kịp nhảy xuống, đã bị một miếng bom văng trúng đứt lia đầu mà đứa con vẫn còn ngậm chặt lấy vú mẹ.

Mấy tháng sau, tiểu-đoàn ấy lại trở về vùng, thấy cảnh tàn-phá nơi nhà tôi, ai cũng ngậm-ngùi và giật mình vì đã phải một phen hụt chết.

Người tiểu đoàn trưởng chia buồn cùng chúng tôi và cho anh em binh sĩ bỏ ra một ngày để sửa chữa những gì còn có thể sửa chữa được ở gian nhà trên của chúng tôi. Tiểu đoàn bộ đóng ở một chỗ khác cách nhà tôi độ năm trăm thước, tuy thiếu tiện nghi nhưng được sầm uất hơn.

Một hôm nọ, sau khi đến chơi nhà tôi như thường lệ, đám bày hôm một lần, viên tiểu đoàn trưởng ấy bảo tôi :

— Người nhân viên tiếp tế thuốc men và những vật dụng cần thiết cho tiểu đoàn vừa mới bị bắt. Thiệt khó tìm ra một người

đàn bà nào thông minh và đẹp-đẽ như chị ấy đề thay vào ...

Biết ý anh, tôi liền nói :

— Như tôi vậy có thể giúp việc ấy không ?

— Ồ, được chị can đảm cho việc ấy thì quý hóa lắm. Tôi tin rằng chị còn làm được việc hơn chị kia nhiều.

Đã hai năm rồi, tôi không ra tỉnh, không biết một tin tức gì của người yêu mà lúc nào hình bóng cũng vẫn lơ trong tâm - tưởng. Các chị em bạn tôi, phần đông, đã đẹp duyên cả rồi. Trong khi đi dự đám tuyên-bố của họ, tôi chứng kiến những giờ khắc trẻ trung vui vẻ của những trai tài gái sắc trong thời đại mới, ai cũng vui vẻ tròn hạnh phúc, riêng tôi chiếc cánh, lạc bầy làm sao.

Sau khi dùng trà và bánh ngọt, tất cả mọi người có mặt trong đám đều phải đứng lên ca hát một bài. Tối phiên tôi, chưa kịp mở miệng ra, đã nghe có tiếng phản đối :

— Cấm chị ấy hát bài Hồn Vọng Phu nhé ? Các anh chị có đồng ý không ?

Và tiếp theo là những lời phê bình hoặc to hoặc nhỏ :

— Hình như Thanh đã đầu Pháp và làm Việt gian hạng bự rồi !

— Sao nghe nói nó chết rồi ?

Các chị em bạn tôi châu miệng bảo nhỏ :

— Thăng Thanh bỏ nó rồi chứ gì. Chơi hoa cho biết mùi hoa mà !

— Tội gì chờ đợi một người đi không bao giờ trở lại ? Nó cứ làm cao mãi, biết bao nhiêu đứa đang chết một vì nó ?

Mấy chị mặt mã viên của tiểu đoàn thì khe biau môi và nói với nhau :

— Hay là nó còn vồi lên cái hạng trên tiểu đoàn trưởng nữa ?

Có một người bạn thân của tôi là Bạch, vợ của một thương phế binh, cựu chánh trị viên tiểu đoàn, hiểu rõ tâm sự của tôi và hằng khuyên tôi :

— Chị không thể ở trong một tình trạng không dứt khoát như vậy được. Muốn biết Thanh hiện nay đang ở đâu, làm gì hay là đã chết rồi thì chị phải ra chợ hỏi gia đình anh ấy. Nếu anh ấy, nói dạ mà nghe, nhờ có mặt rồi, chị nên lập lại cuộc đời, chăm dứt sự chờ đợi tuyệt vọng không ích lợi gì cho ai cả. Nếu anh ấy

rủi có làm Việt-gian như lời đồn, chị có hai lối xử : một là, kéo anh ấy trở về với chánh nghĩa đang mở rộng cho tất cả mọi người, đây là chị làm được một công tác đặc biệt đó ; hai là, dứt tình với con người ngoan cố, đường ai nấy đi, đừng dờn mặt nhau nữa là hơn.

Vì thế, tôi nhận ngay lấy cái công việc không phải không nguy hiểm của anh tiểu đoàn trưởng ngỏ ý nhờ tôi giúp vào. Trước hôm ra thành, tôi khóc bên vai của Bạch :

— Chị ơi nếu Thanh tham quyền mùi phú quý không cùng trở về với em thì em sẽ trở về tình nguyện gia nhập đoàn cứu thương nơi trận tuyến, dù có nhớ bị chết dưới làn đạn của chàng cũng còn hơn.

Hơn hai năm, gia đình bên chồng tôi mới được gặp tôi, mừng rỡ không kể xiết. Tôi hay tin Thanh trở về miền Đông các một năm rồi và bật luôn tin tức. Nhà bây giờ vắng vẻ quá, các cô em chồng tôi đều lên Saigon học, không còn ai ở hủ hỉ với hai ông bà Mẹ chồng tôi ngỏ ý muốn xin phép má tôi cho tôi ra ở đây, nhưng tôi thưa là đạo nầy tôi bận nhiều công chuyện không thể ở

luôn được ngoài tỉnh và tôi sẽ thường vô ra thăm viếng.

Từ đó, cứ trong vòng một, hai tháng tôi lại có dịp ra tỉnh một lần ; suốt cả năm như vậy mà tin tức của chồng tôi vẫn không có gì. Nhiều khi hai mẹ con ngồi than thở với nhau qua canh chày, mẹ chồng tôi giờ những phong thơ cũ của Thanh cho tôi xem và nói :

— Nó chắc không quên con đâu. Lúc trước, mỗi lần viết cho nó má cũng căn dặn nó phải nhớ tới con và đừng nên làm một cái gì để cho con phải buồn về sau hết. Nó có trả lời là nó sẽ nghe theo lời má và ngoài con ra nó không còn thương yêu ai nữa được. Má biết là nó nói thiệt, nhưng không hiểu sao mà nó ở đâu lại không chịu gởi thơ về cho biết.

Có một bạn, má chồng tôi bảo tôi nên đi chụp ảnh để khi nào nghe tin Thanh ở đâu, người sẽ gởi ảnh tới cho chàng. Khi tôi ra đi, người gọi lại, trang điểm cho tôi và bảo :

— Con gái đời bây giờ hay chải đầu kiểu tân-gô, con phải biết làm đẹp cho nó được vừa lòng.

Người đã may sẵn mấy cái áo cỡ bé, trao cho tôi mặc một cái đẹp nhất và đeo vào cổ tôi một sợi chuỗi cầm thạch xanh tuyền :

— Con ăn mặc như vậy xem trẻ và đẹp lắm.

Tôi quay mặt đi, lau nhanh giọt lệ. Tôi thương người lắm và cũng tủi cho mình không kém. Tôi làm đẹp cho ai mà ai kia có thối chảng mảnh lòng héo hon tàn tạ bấy chầy ? Và tấm ảnh chụp nổi hơn bao giờ cả của tôi kia biết có đến tay chàng để nhắc nhở cho chàng nhớ lại bến bờ xưa còn có kẻ mòn mỏi trông chờ...

Sau một năm với những chuyến đi về thờ thần, tôi thấy mất dần hy vọng và tin-tưởng, không còn thiết tha đến công tác tiếp tế cho tiểu - đoàn nữa. Ở tỉnh những tiếng đồn về anh Thanh càng làm cho tôi hoang mang thêm, người thì bảo Thanh đã chết ở miền Đông trong cuộc thanh trừng, các phần tử quốc gia kháng chiến, kẻ lại bảo chàng đang sống lẩn lút ở Sài thành và đã lập gia đình, vợ con nheo nhóc v. v . . . Nhiều phen chạnh lòng, tôi khóc suốt đêm trường vì số phận linh đình của chàng, của tôi, và cũng lắm lúc tôi lại oán hận chàng đã

lỗi nguyên và khinh rẽ tôi, mặc dù gia đình chàng phủ nhận những tin tức vu vơ ấy.

Tôi không còn thiết gì đến công ả việc làm và vắng mặt cả năm trời chẳng hề bước chân ra tỉnh. Chiến cuộc Pháp Việt càng ngày càng đi đến chỗ quyết liệt, và kháng chiến quân gặt hái được nhiều kết quả khả quan.

Thình thoảng, nhà tôi lại dùng làm chỗ tạm trú năm, bảy bữa của bộ Tư lệnh chiến khu. Các cấp lãnh đạo thường hay lui tới thân mật với gia đình chúng tôi. Thình thoảng các vị ấy hỏi thăm đến sự hoạt động đoàn thể của tôi, cùng tôi thảo luận chánh trị khiến tâm trí tôi được mở mang thêm những điều ích lợi và nỗi sầu đau cô quạnh trong lòng tôi cũng nhờ thế mà vui đi ít nhiều.

Có một bận nọ, ông Khu trưởng về ở nhà tôi cả tuần. Ông hay trò chuyện với tôi và tôi kính mến ông như là một bậc trưởng thượng, vì tuổi ông đáng vào hàng trên trước của tôi. Ông lại không phải là người tin cậy của Đảng, hằng bị sự bí mật kiểm soát của cấp dưới, đôi khi ông tỏ riêng cho tôi biết sự buồn phiền kín đáo của ông. Tôi thường lựa lời

khuyến nhủ ông, và ông cũng thích nghe tôi lắm.

Một hôm, ông gọi riêng tôi và bảo :

— Ngày mai, tôi sẽ rời khỏi đây và sẽ không bao giờ trở lại nữa.

— Sao thế ông ?

— Tôi ra trận để chuộc danh dự của tôi bằng hai cách : hoặc là đắc thắng khai hoàn, hoặc là sẽ bỏ thân nơi chiến địa. Người ta muốn lật đổ, nên đã vu oan những điều có hại đến đạo đức cách mạng của tôi..

Tôi thờ ra và bảo cùng ông :

— Ông cũng nghe thấu tai những lời thù dật ấy sao ?

— Có, tôi biết hết chứ. Với tôi, những sự xuyên tạc ấy không có nghĩa gì cả, nhưng với cô, một thiếu nữ trong trắng đáng phục như vậy mà người ta lại cố tình gán cho những điều không phải thì thật là độc ác.

Ông nhìn tôi một lúc lại nhỏ nhẹ hỏi :

— Cô Tư, tại sao cô không lấy chồng ?

— Như ông đã biết, tôi chán đàn ông lắm rồi.

— Cô còn trẻ tuổi, chưa nên

vội thất vọng như vậy. Cô rất xứng đáng có được một người có danh vọng và quyền lực. Giá tôi được trả lại 20 tuổi.

Tôi ngỡ ngàng nhìn ông, chưa kịp hiểu thì ông đã thân mật cầm cánh tay tôi và bảo :

— Thôi, mai này cô ở lại bình yên. Và nếu đôi khi cô nhớ đến tôi... cô hãy cầu nguyện dùm cho tôi.

Ba hôm sau, tôi nghe nói đến trận Tầm Vu được trọn thắng và ông Khu trưởng đích thân chỉ huy mặt trận một cách gan dạ phi thường. Cách nửa tháng sau, đến trận Sóc Xoài cũng chính do ông

chỉ huy, cả một tiểu đoàn Pháp bị đại bại, quân ta thu góp được vô khí rất nhiều, trong số ấy có hai khẩu đại bác 75 của địch quân.

Tôi nhớ đến cái chết oach liệt của Thủy trước kia, và chợt hiểu rõ những ẩn ý trong câu hỏi của vị tướng lãnh mới rời khỏi nhà tôi :

— Tại sao cô không chịu lấy chồng ?

Tôi có muốn sống cô độc và làm khổ những kẻ khác đâu ? Tôi muốn sống yên lấy một mình, nhưng sự bình thân của tôi lại thành một mối phiền lụy cho kẻ khác còn sâu độc hơn là cái bả tình nữa sao ?

(Còn nữa)

HỢP - QUẦN

5, rue de la Sourdière, Paris 1er

Cơ-quan độc-lập, văn-hóa, thông-tin và liên-lạc,
với thiện-chí đoàn-kết Việt-kiều Hải-ngoại.

Thư từ và bài vở, xin gửi thẳng cho

Giám-đốc, Chủ-bút : Cao-văn-Hằng

Chèque Postal : Paris 7469-08

BẠN ĐỌC VIẾT

BẠN ĐỌC Ở HẢI - NGOẠI

đối với TẠP-CHÍ PHỔ-THÔNG

CHÚNG tôi có nhận được nhiều thư của Quý bạn đọc ở Hải ngoại gửi về mấy tháng nay, thư và thơ khen tặng, khuyến khích, ủng hộ tạp-chí PHỔ-THÔNG. Chúng tôi rất cảm-kích, vui mừng, thấy một số Kiều bào và bạn ngoại-quốc ở Úc châu, Nouvelles - Hébrides, Mỹ, Algérie, Naples, Bruxelles, London, Paris và các tỉnh Pháp, Tây-Đức, Nhật, Phi-luật-Tân, Nam-Dương, Cao-miên và Lào... vẫn có *Phổ-Thông* để đọc, và để làm bạn trong lúc xa Quê-hương và đất nước Việt-Nam.

Chúng tôi xin có lời chân thành cảm-tạ chung hết các bạn, nơi đây. Và để đáp chung quý bạn, chúng tôi có cho đăng rõ-ràng trong trang sau đây một bản tính giá báo mua năm ở Ngoại-quốc.

Chúng tôi xin đề-nghị rằng nếu bạn nào có gia-đình ở Việt-Nam, thì tiện hơn là nhờ người nhà gửi Bru-phieu, hoặc đến tại Tòa-soạn *Phổ-Thông* để trả-tiền báo. Như thế để tránh những phiền-phức gửi Mandat International như đã xảy ra ở một vài nơi.

Chúng tôi luôn luôn gửi *Phổ-Thông* ra ngoại-quốc bằng Hàng không, để tránh sự chậm trễ.

— Về việc quý bạn muốn gửi bài về Tòa-soạn, chúng tôi rất hoan-ngheh, và sẽ đăng như quý bạn đã thường thấy trong những số *Phổ-Thông* vừa rồi.

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn thịnh-tình nồng-nhiệt của Quý-Bạn, và thân chúc Quý Bạn luôn luôn nâng cao Tinh-thần Dân-tộc Việt-Nam ở Hải-ngoại.

PHỔ-THÔNG TẠP CHÍ

BẠN ĐỌC VIẾT

GIÁ BÁN PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ Ở NGOẠI-QUỐC

Quốc.gia	Mỗi Số			Một năm (24 số)
	Giá báo	Gửi máy bay	Cộng	
Anh, Đức, Ý Nhật-bổn	10\$	28\$ 80	38\$ 80	... 900\$ Bạc V. N.
Nam-dương Phi-luật-Tân Đài-Bắc	10\$	23\$	33\$... 790\$
Ấn-độ	10\$	16, \$60	26\$, 60	... 620\$
Mỹ, Gia - nã-đại	10\$	9, \$60	19\$, 60	... 450\$
Pháp, Bỉ	10\$	46\$	56\$... 1340\$
Algérie	10\$	24\$	34\$... 810\$

Mandat international trả tiền báo, xin đề rõ tên ông Nguyễn-Vỹ

● Của một số sinh viên Cao-đẳng Mỹ-Thuật

Chúng tôi là những sinh viên đã tốt nghiệp *Trường Cao-đẳng Mỹ thuật* (Gia-định) và *lớp giáo khoa Hội-họa* (cũng mở tại trường đó trong năm 1959, sau khi đã theo học trong 4 năm.

Mục đích của *lớp giáo khoa Hội họa* là để đào tạo giáo - sư trung-học, chỉ những sinh viên đã tốt nghiệp chuyên môn Hội họa hay Điêu-khắc mới có quyền theo học. Theo như chương trình của Trường Cao-đẳng mỹ-thuật thì những ai đỗ bằng *Giáo-khoa Hội họa* sẽ được bổ nhậm với tư cách Giáo sư đệ nhất cấp trường công.

Nhưng sau khi đã đổ, và nộp đủ hồ sơ, thì vì một lý-do nào Bộ Quốc-gia giáo-dục vẫn để hồ sơ chúng tôi với tư cách « chờ đợi » từ tháng CHÍN năm 1959 tới nay. Theo chúng tôi được biết, thì sự chậm trễ sớ dĩ kéo dài là vì hồ sơ của chúng tôi, những sinh viên KHÓA HAI bị nhập chung với hồ sơ của các giáo sư khác hiện dạy giờ, hoặc kế ược thuộc nhóm đã đổ trong KHÓA ĐAU.

Những giáo sư dạy giờ hoặc kế ược, hiện đã có chỗ làm, nhưng nhập chung hồ sơ với chúng tôi để có thể được vào ngạch, điều đó chúng tôi không có gì phàn nàn, nhưng phiền một nỗi, là có vài giáo sư dạy giờ ấy, hoặc KHÔNG CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN để vào ngạch, hoặc nộp một cách chậm trễ, KÉO DÀI THỜI GIAN CẦN - THIẾT, thành ra lỗi tại họ mà chúng tôi vẫn THẤT-NGHIỆP gần một năm nay việc mà, đối với một lớp sư phạm, vô cùng hiếm có và hiện nay, chúng tôi cũng chưa nhận được dấu hiệu gì chứng tỏ trong niên khóa 1960 — 61 có chỗ dạy.

Trong lúc đó, có những người chỉ tốt nghiệp ở một trường Mỹ-nghệ, nghĩa là bậc Trung-học, lại được NHẬP NGẠCH GIÁO-SƯ TRUNG-HỌC một cách đương nhiên. Đúng lý, họ chỉ có quyền dạy ở bậc Tiểu học thôi.

Như vậy, thiết nghĩ là một sự bất công cho chúng tôi và bất lợi cho học sinh Trung học phải gặp những « Giáo sư » không đủ khả-năng, phụ-trách môn đó, và làm hạ giá trị văn bằng của một trường có bằng hiệu là QUỐC GIA CAO.ĐẲNG, và do đó, có thể đưa tới một vài hậu quả không hay.

Các sinh viên khóa hai (1958 — 59)



BA TÈO

(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

- * **KIM-VĂN** (ở Tuy-hòa) 2885.— Con út nhà ai, miệng còn hôi sữa, Đi tới chốn này giục ngựa hươi đao
- 2853.— Hai bên hàng để rậm ri. Trê bảy đầu thặng ngựa ta về
- Chính giữa nước chảy đổ anh đi ngỏ nào? Giặc chưa đáng giặc ta không chơi bù đốn trắng.
- Hai tay anh bị cù-lao. — Ai lo nghèo, anh không lo nghèo.
- Chính giữa nước chảy cứ sào anh dầm. Ngày thời anh chơi cùm liễn, tôi anh trèo ái-dân
- 2854.— Nước chảy xấp xấp mặt mâm, — Ai-dân anh để thờ cha
- Thương người áo trắng ngấm ngấm da chì Cùm liễn thờ mẹ, ông bà bên anh
- Thương cha thương mẹ có khi Bữa ăn có cá cùng canh, 2856.— Bãi dài cát nhỏ tằm-tằm.
- Anh ăn không mất miệng bằng anh thương nàng Phải cần duyên trời định bấy

nhieu năm em cũng chờ.
Bãi dài cát nhỏ sạn to
Thác đi thì mắt sông lo kết
nguyên.

Hai tay ôm bản đôn kim
Nguyễn cùng trời đất kết nguyên
với nhau.

2857.— Khen cho gà cú đá hay
Thân tao chó lát ia đầy đồng
rom

2858.— Còn ba miếng thuốc thiếp
thiếp chàng chàng
Hết ba điều thuốc cứ đàng em
dong.



2860.— Anh thương em không
phải thương ai
Anh đừng dớn-dác như nai
xuống đồng.

2861.— Em đừng khinh quân-tử
nhỏ nhoi.
Con lương báy lớn nó xoi lưng
bờ.

2862.— Cồng cọc bắt cá bầu eo.
Chị chê tôi nhỏ, tôi trèo chị coi.

2863.— Bắp lên ba lóng, bắp
đồng rặng chàng
Anh chưa mấy tuổi chàng rặng

Chỗ nào chỉ quyết một nơi,
Làm người nay đời mai đời sao
nên.

2864.— Nước chảy xấp-xấp
cột chồi,

Anh đen như mồi mà đời vợ
xinh

— Nước chảy xấp xấp mặt
mám

Em như chó cái mà đời chồng
xinh.

2865.— Anh về thắt rế kim
cang,

Vót đời đũa bếp cưới nàng còn
du.

— Anh về bán ruộng
cây đa,

Bán đời trâu già cưới chàng
đàng em.

— Ruộng cây đa anh cấp
phần hương hoá,

Đôi trâu già, ta chớ bán chi.
Anh về xách áo rách ra đi.

Bán cưới nữ nhi chôn này.

2866.— Anh về tìm vẩy cá
trạ

Tìm gan tôm thú, tìm mề con
lương

Tìm cho con búp có xương
Tìm dây tơ hồng có rế em mà
theo không.

— Em về đánh kiến riện la làng,
Tới đây anh chỉ vẫy cá trê vàng
em coi.

Em đừng nói đại nói khờ,
Bùn làm bạng bột ò-hề xương
đau.



● NGUYỄN-THANH-ĐẠM (Tuy hòa)

2867.— Tai em nghe cha mẹ
anh hiền.

Cán cơm không bẻ, cán tiền
bẻ đầu!

2868.— Gió đưa ông đội về
Tàu,

Bà đội ở lại, xuống bầu bắt cua
Bắt cua làm mắm cho chua

Giới qua ông đội khỏi mua tớn
tiền.

2869.— Chiều chiều vịt lội bầu
sen,

Để anh lên xuống làm quen đôi
ngày

2870.— Một mai con cá hóa mai,
Con chim hóa liễn, đầu hai
nhành tùng.

2871.— Con chim bay bông qua
sông,

Hỏi thăm chị Tám có chồng hay
chưa?

— Có chồng năm ngoài năm xưa
Nấu nay chồng để cũng như
chưa có chồng.

2872.— Trèo lên cây khế mà rung,
Khế rụng đùng đùng chẳng biết
khế ai?

Khế này là khế chị hai,
Ai mua tôi bán, ai này tôi thêm

Tôi thêm một trái cùng hai,
Tôi thêm trái nữa chị hai tôi
ngày.

2873.— Chiều chiều én liêng
cò bay,

Cảm thương chú lính bị vây
trong thành!

2874.— Chim xanh ăn trái
xoài xanh,

Ăn no tâm mắt lên cành nghè-
ngôi.

Nghè rời hời xé hôm qua,
Chờ trăng trắng lặn, chờ hoa
hoa tàn.

Hoa tàn thấp ngọn đèn lan,
Cho cha mẹ ngủ, thờ-thần đôi
lời.

2875.— Vịt đầu tình bạn muốn
thời,

Bậu gieo tiếng dữ, cho rời bậu
ra.

Bậu ra cho khỏi tay ta
Cái xương bậu nát, cái da bậu
bầm.

2876.— Chiều chiều mượn chén
ăn cơm,

Mượn chai bưng rượu, mượn
đòn gậy chơi.

Đòn kêu tích tích tình tang,

Ai đem công chúa lên thang mời
 vào.
 2877 Sáng trăng sáng cả vườn đào,
 Ba cô đứng đó, cô nào chông,
 chửa?
 Có đây gá thiết chưa chông.
 Để tôi gá chút má hồng vô duyên
 2878.—Tham giàu phụ khó ai khen
 Già như con cháu cháu, rặng
 mặt bóng đèn bay vô.
 2879.— Chiều chiều mượn ngựa
 ông đồ,
 Mượn kiệu chú linh đưa cô về
 Ngườn.
 Cô về cô chàng về không,
 Ngựa ô đi trước, ngựa hồng
 theo sau,
 Ngựa ô đi tới Quán Cau,
 Ngựa hồng đứng đình đi sau
 Quán Kiệu.
 2880.— Từ khi ăn phải miếng
 trầu,
 Miếng ăn môi đỏ, da sần đăm
 chiều.
 Biết rằng thuốc dầu hay rằng
 bùa yêu,
 Làm cho ăn phải nhiều điều xót
 xal
 Làm cho quên mẹ quên cha,
 Làm cho quên cả đường ra lối
 vào.
 Làm cho quên cả dưới ao,
 Quên sông tắm mát, quên sao
 trên trời,
 Đất bụi mà nên chim trời,
 Ông tơ bà nguyệt xe hoai ra đầu
 Cho nên cá chảng bển cần,
 Lược chảng bển đầu, lừa chảng
 bển kim.
 Thương nhau nên phải đi tìm,
 Nhớ nhau có lúc như chim lạc
 đàn.
 2881.— Theo anh cho ám tẩm thân,
 Khôi qua non nọ, khôi lần đèo
 kia.
 2882.— Chiều chiều mây phủ đá
 BIA,
 Đá Bia mây phủ, chị kia mắt
 chông.
 — Em mắt chông, em chả có lo,
 Sợ anh mắt vợ, nằm co một
 mình!
 2883.— Gió đưa ông đội về kinh,
 Bà đội thất tình, xách nón chạy
 theo.
 2884.— Chim bay, bay thấp, bay
 cao,
 Bay ngang cửa Phụ, bay vào
 chợ Dinh.
 Chợ Dinh năm bảy mươi người,
 Chị chín đi trước, chị mười
 đi sau
 (Còn nữa)



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

DIỆU HUYỀN
và BẠCH YÊN

● **Ô. Cao văn Hằng**, chủ nhiệm Tạp chí *Union*, Paris.

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn quý. Bạn đã có mỹ ý giới thiệu Tạp chí **PHỒ THÔNG** với các bạn sinh viên Việt-Nam ở Pháp. Chúng tôi rất cảm động được đọc những lời của quý. Bạn giới thiệu, và kê khai nhiều bài đăng trong tạp chí *Phồ-Thông*, trong mấy số vừa qua.

Với những cảm tình chân thật, chúng tôi xin gửi đến các Bạn lời chào mừng văn hóa.

★ **Bạn đồng nghiệp Tiểu thuyết Thứ Bảy — Saigon.**

« Chiếc xe Phồ-Thông » vẫn chạy ro-ro từ hồi nào tới giờ, chớ bị « ăn panh » lúc nào đâu, hờ quý đồng nghiệp ?

● **Bạn Nguyễn Minh Huế.**

Rất không nên dùng trà đậm ban đêm, vì nó kích thích thần-kinh không ngủ được. Có hại cho sức khỏe, nhất là cho trí nhớ. Không có thuốc ngủ nào dở cả.

● **Em Phúc, 10 Ng Thái Học — Hội-An.**

Rất tiếc, chúng tôi không chơi tem, và không có thì giờ sưu tầm về tem.

★ **Ô. N. T. — Gia-định.**

Sửa chữ, dù là một chữ, trong câu thơ của một tác-giả nào, để làm thành câu thơ khác rồi ký tên mình, tức là đạo-văn.

Nhưng có thể cố-ý sửa đổi bằng hai dấu ngoặc với tính cách hài-hước, như 2 câu thơ trong Lục-vân-Tiên :

Trước đèn xem truyện Tây-Minh

Gắm cười hai chữ nhờn tình éo-le.

Có thể, nếu ông tác-giả đó muốn « nhại » chơi, sửa lại như vậy :

Trước đèn xem chuyện . . « Dân sinh »

« Nực » cười hai chữ nhờn tình éo-le.

Nếu không có những dấu ngoặc kia thì là ăn cắp thơ của cụ Đồ-Chiêu.

★ Ô. Trần-quốc-Bảo, ty Canh-nông, Pleiku.

Tập « thơ lên ruột » quyền I không được phép xuất bản. Quyền II chưa có.

★ Ô. Vũ-Chấn, giáo-viên Huế.

Câu cơ không cần có kinh-kệ.

★ Ô. Phú-Phong Qui-Nhơn.

● Chữ « Trẫm » do vua chúa tự xưng, có nghĩa là « ta » do vua TẦN-THUY-HOÀNG đặt ra.

Chữ « Bệ-hạ » tiếng thần xưng lên vua, có nghĩa là đứng d rới bệ râu lên vua, tỏ lòng tôn kính vua.

● Đón chào các quốc-trưởng bằng 21 tiếng súng đại-bác, là theo một cò-tục của La-Mã. Hồi xưa, người La-Mã ưa chơi một thứ bài gọi là bài « hai mươi một », người nào bắt bài mà cộng được số điểm 21 là đại thắng. Số bài 21 là tượng-trưng sự Đắc-thắng, sự may mắn tốt đẹp, sự vui mừng. Cho nên, khi vua César thắng trận về kinh, các quân sĩ trong thành La-Mã bắn 21 trái phá để chào mừng. Tục đó truyền lại cho đến nay.

Bản súng chào Đại-sứ, chỉ có 19 tiếng. Cụ Phan-Thanh-Giản hồi đi sứ sang Pháp đến Hồng-Hải, chính-phủ Ai-Cập bắn 19 phát thần công chào. Lúc Cụ sang Hải-cảng Toulon, Hải quân Pháp ở

đây cũng bắn 19 phát đại bác.

● Bạn Huỳnh-văn-Dinh — 68 Võ-Tánh Phú-Nhuận.

Tuổi trẻ không nên bi quan. Nếu tôn-giáo không giải quyết được những tư-tưởng đen-tối của một thanh niên chán đời như bạn thì nên tìm sự giải thoát tinh thần bằng ĐỌC SÁCH. Chỉ có ánh sáng của văn hóa là một vị thuốc tinh dưỡng quý báu cho những tinh thần mệt mỏi.

● Bạn Lâm-Lễ — Quế-Sơn, Quảng nam.

Trừ-mật : đông đúc, đầy đặn.

Danh-từ này không phải mới. Chúng tôi đã thấy có trong bộ Đại Nam Nhất-Thống Chí, từ đời Tự-Đức

● Bạn Trần-văn-Bình K.B.C: 40741CB.

NGÀY THỨ SÁU 13 (Vendredi 13) bị coi như là một ngày xấu, là do một dị đoan mê tín từ lâu đời của những người Thiên Chúa Giáo. Dị đoan ấy căn cứ trên sự kiện Jesus Christ chết nhằm ngày thứ sáu và ngày ấy nhà thờ cấm các tín đồ không được ăn thịt. Nhưng chính Nhà Thờ chống lại dị đoan kia vì cho rằng ngày Thứ Sáu Chúa Jesus chết để chuộc tội lỗi cho loài người và vì thế ngày Thứ sáu được gọi là ngày Thánh (Vendredi Saint). nghĩa là ngày tốt, ngày đại nhựt (grand Vendredi). Tuy nhà thờ cấm sự mê tín dị đoan ấy, nhưng hầu hết các tín đồ Gia-tô giáo vẫn theo tục lệ quen truyền lại từ xưa đến nay, và cho ngày thứ sáu là ngày phải kiêng-cữ. Và lại, theo Lễ chế, ngày Thứ Sáu Thánh nhựt còn có tên nữa là, Parascève (Chuẩn-bị), do điển tích của người Do-Thái lo sắp sửa trong ngày Thứ sáu để chuẩn-bị làm lễ Pâques. Ngày ấy, lễ chế buổi sáng buồn thảm như một ngày tang, nhà Thờ không kéo chuông, tắt các đèn nến, dọn cất hết các thức trang-hoàng. Buổi chiều tín-đồ mới đến Nhà Thờ làm lễ. Do trường hợp đặc-biệt của ngày Thứ Sáu Lễ chế, nên ngày ấy bị coi như là một ngày buồn, và nên kiêng-cữ mọi việc. Nhứt là ngày THỨ SÁU lại đúng vào ngày 13. Tại sao con số 13? Phải tìm nguyên-nhân từ hồi thượng-cổ. Từ hồi

một vài nhà Triết-học Hy-Lạp, như PYTHAGORE và PLATON muốn giảng giải mọi sự vật trên đời bằng những CON SỐ: Đó là hình thức những yêu-tố Siêu hình học của Platon. Nhà triết-học ARISTOTE công-kích quan-niệm ấy có xu-hướng toán-học-hóa mọi sự vật trên đời. Nhưng chính PYTHAGORE đã phát-minh ra những liên-hệ về con số của âm-thanh (Rapports numériques des sons) và những luật toán học của âm-điệu (les lois mathématiques de l'harmonie), mà ngày nay khoa-học cũng phải công-nhận là xác-đáng.

Thời đại Trung-cổ, có một số triết-học gia khác, dựa theo Pythagore và Platon, tin tưởng nơi sức mạnh huyền-bí của các con số. Họ thuyết-lý mơ hồ (không có chứng minh cụ thể) rằng con số 1 và những con SỐ LẼ đều là trọng trung cho chân lý và điều hòa vũ trụ, còn những con SỐ CHẴN là biểu hiệu sự sai lầm và lộn xộn. Họ cho rằng con SỐ 7, (7 ngày đầu tiên của Chúa Trời lúc khai thiên lập địa), là con số thiêng liêng nhất, trọng trung sự tạo tác muôn loài. Dựa theo quan niệm về uy lực huyền-bí của các con số, nhiều nhà thần linh học về Gia-tô giáo và cả các nhà y học đời Thượng-cổ và Trung-cổ, mới đặt ra những ảnh-hưởng của các con số trong đời sống của con người, thí dụ như con số 12, với 12 cung Hoàng đới (les 12 Signes du Zodiaque), cũng như 12 chi của Lý số Tàu (Tý, Sửu, Dần, Mẹo...) liên hệ với 12 tháng trong năm. Dần dần, người ta đặt ra một khoa học huyền-bí về các con số, gọi là ARITHMOMANCIE. lấy con số mà tiên đoán vận mạng của con người, và đặt ra những con số tốt, những con số xấu. Con số 13, tuy là số lẻ, nhưng lại kế tiếp số 12 là con số đầy đủ của 12 cung Hoàng đới, nên nó bị coi như là một con số tai-họa của Satan muốn phá rối cuộc điều-hòa của Vũ-trụ. Vì vậy nó là con số xấu nhất trong các con số, Nếu nó trùng vào ngày Thứ Sáu (THỨ SÁU 13) thì nó chỉ gây ra thảm-họa mà thôi. Đó là theo tục mê-tín dị đoan của người Gia-Tô giáo. Bên Á-Đông, những ngày MÔNG 5, 14, 23 theo Âm-lịch, bị coi là những ngày xấu nhất, cũng vì theo một tục lệ mê-tín của phù-thủy, là những ngày ma quỷ thoát ngục

Diêm-vương tên phá rối dương-gia.

★ Ông NTM — Huế.

Màn ảnh đại vĩ-tuyến tức là Cinémascope.

★ Bạn Lương Sĩ-Yên — Đà-nẵng

Hoàng-Triều-Cương-Thò = đất ở biên cương, "biên-giới", thuộc về nhà Vua.

Khán : đã xem, đã coi (trong các Văn bằng, hay chiếu thi)

★ Ông G. Romilia, Leyte, Phi luật Tân.

● Con chim phượng hoàng không phải là con Eagle. Eagle là con chim Ưng (French : Aigle) Phượng (phụng) : male phoenix. Loan = femela phoenix, Loan phụng : femela and male phoenix. Fabulous birds in Chinese mythology, symbol of music and love. Loan phụng kỳ duyên : strange and happy love. It is said « Loan phụng », not « Phụng Loan », out of consideration for Beautiful sex.

● Thành thật khen ông đã dịch bài *Sương Roi* ra Anh văn rất đúng với nguyên văn.

● Bạn Bạch Lý Dạ N.M.D.

Khu trù mật = Agglomération.

Cộng đồng = Communautaire

● Bạn Song linh Anh, 30, Phan-bội-Châu, Hội An.

Trong hai câu thơ của Tân Đà :

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già

Núi bao nhiêu tuổi gọi là Núi non ?

Thi sĩ muốn chơi chữ « trăng già », « Núi non », chứ hai câu không có nghĩa gì khác.

● Ô. Ngọc Thảo Phan-thiết.

Theo như chúng tôi biết thì đối với tư chức công nhật trong một năm có mấy ngày Tết, ngày lễ Lao động, lễ Quốc Khánh là chính thức được nghỉ có lương. Còn những ngày lễ khác, tùy theo sự

thỏa thuận giữa chủ và công nhân.

★ **Ô. Phạm văn Đức, 10-12, Võ trường Toàn, Gia định.**

● Đã có 2 người dịch truyện Kiều ra tiếng Pháp.

1.— Nguyễn văn Vĩnh, dịch ra văn xuôi

2.— René Crayssac, cựu công sứ Pháp chủ tỉnh Vĩnh Yên dịch thành thơ Pháp.

Hai quyển này đều đã được xuất bản tại Hà nội hồi Tiền-chiến

● Chưa có quyển sách nào bằng Pháp ngữ, hoặc Anh ngữ, viết tường tận về văn học sử Việt-Nam.

★ **Bạn H.H. Gò công**

Người ta thường gọi « **Thánh Gandhi** », là theo người Ấn-Độ, tôn ông Gandhi là bậc MAHĀTMA (Tiếng Ấn Độ: Maha = lớn, Atma = hồn, Mahātma = bậc siêu nhân có tâm hồn cao thượng). Gandhi bị một kẻ khùng bỏ cuồng nhiệt ám sát năm 1948 tại New Delhi vì lý do chính trị: Ông chủ trương bất bạo động (ahimsa) còn phe cực đoan chủ trương dùng võ lực để đối phó với người Anh.

★ **Cô Hoàng Thúy Phương, đường Nguyễn Huệ, Mỹ Tho.**

● Khái Hưng bị cán bộ V.M thủ tiêu ở Bắc Việt nơi quê làng của ông

Câu phú của NGUYỄN HUY LƯỢNG:

« *Cỏ cây đều gọi đức triêm nhu* »

Triêm nhu là thấm nhuần. Cỏ cây được thấm nhuần ân đức của cơn mưa vũ lộ.

● *La navigation aérienne* = hàng không. Cũng có thể nói là *Aéro-nautique*.

● 12 Chi:

TỠ

SỬU

DẦN

MÃO

THÌN

TỠ

NGO

MÙI

THÂN

ĐẬU

TUẤT

HỢI

10 Canh:

GIÁP

ẤT

BÍNH

ĐÌNH

MẬU

KỶ

CANH

TÂN

NHÂM

QUÝ

Năm nay là năm Canh Tý thì sang năm là năm Tân Sửu, rồi đến Nhâm Dần, Quý Mão, trở lại Giáp Thìn, Ất Tỵ v.v.. (Lấy một chữ Canh ghép vào một chữ Chi, theo thứ tự như trên)

★ **Ông Phương thanh Lan — An giang.**

● Tôi tưởng chữ « *khép* » Việt-nam có thể dịch ra Anh ngữ là *to shut*. Còn chữ « *đóng* » đã có chữ *to close*.

● Ta gọi « *bà Bộ trưởng* » « *bà Tỉnh trưởng* » để chỉ vợ của ông Bộ trưởng, hay ông Tỉnh trưởng, cũng như ta gọi bà giáo, bà Trung Úy, Bà Xã, Bà Hương, chỉ là một lối xưng hô xã giao của người Việt. (Đàn bà làm quan tất là vậy đó). Và lại, thời buổi « Nam Nữ bình quyền, chồng làm Bộ trưởng, Tỉnh-trưởng, thì vợ cũng được hưởng chức Bộ-trưởng Tỉnh-trưởng như chồng, chớ đâu có chịu thua!

● **Bạn Huỳnh Hoan KBC 6085.**

● « *Mẹ tròn con vuông* » là câu nói tốt đẹp của tiếng Việt-nam tượng trưng sự hoàn toàn, không gãy, không vỡ, không bị sứt mẻ, không bị hư hỏng.

● « *Tiếng chuông thu không* » Theo lệ xưa ở các kinh thành, hay tỉnh thành, chiều tối lính canh phải đi rào khắp trong thành, xem xét kỹ lưỡng, KHÔNG có kẻ gian phi, KHÔNG có quân thám thính của giặc, KHÔNG có sự gì

bất thường, xong rồi mới đánh chuông báo hiệu đóng cửa thành. Hồi chuông ấy gọi là hồi chuông THU KHÔNG : Thu là thu lại, không là không có gì lạ. Chữ Thu không đây không có nghĩa là « không-khí ». Thường thường, lúc đó phải đánh chuông, chớ không đánh trống, hay đánh mõ, cho nên ít khi nói « Tiếng trống thu không » v.v. xin thành thực cảm ơn thư ông và các bạn của ông.

★ Ô. Đồ ngọc Dung, 40 Trưng nữ Vương Đà Nẵng.

Chúng tôi chưa bao giờ thấy con « Ma cà rồng » và không thấy sách vở nào nói đến nó, nên không được biết gì nhiều về con ma ấy. Đã lâu rồi, hồi còn ở Hà Nội, chúng tôi có đọc báo Pháp, hình như trong tờ *L'avenir du Tonkin*, có thuật chuyện cô LƯU-THỊ-CẨM. vợ viên công sứ Pháp SAINT POULOFF chủ tỉnh Sơn-la, Bắc-việt, là một con « Ma cà rồng », cô này ám hại chồng khiến cho chồng cô tuy là người Pháp, nhưng cũng bị bùa ngãi, đâm ra điên khờ ngớ ngẩn. Saint Pouloff đi Hà Nội, nhờ bác sĩ khám bệnh và tố cáo hết những chuyện bí mật của Lưu-thị-Cẩm. Cô gái « Ma cà rồng » này bị bắt ra tòa, và bị giam ở khám Hòa lờ Hà-nội vào khoảng 1930. Saint Pouloff thành ra người điên, cũng bị cách chức và trục xuất về Tây, sau chết vì bệnh điên.

★ Bạn Trần bình Thôn, đường Núi Mội, Nha Trang

« Tai vách mạch rừng » là mình ở trong nhà nói chuyện kín với ai, tưởng không có người khác nghe, nhưng biết đâu phía ngoài vách tường có người lắng tai nghe. Nói trong rừng tưởng cây cối và suối nước không nghe, nhưng biết đâu có kẻ nấp nghe. Tiếng Anh và tiếng Pháp cũng có câu tục ngữ đúng nghĩa như thế : *Les murs ont des oreilles. Walls have ears.*

★ Ô. Nguyễn Hòa, Giáo viên, 8 Cô giang Phan Rí.

Chúng tôi không được biết địa chỉ ông Hoa tỉnh Linh. Bài « Tây Sơn » ông ấy viết theo tài liệu trong quyển « Quang-Trung » của Hoa Bằng.

★ Bà Châu Hải, Trần Bình Trọng, Saigon.

Nhà văn Chăm-thú học của Mỹ mà bà nói đó là JOHN JAMES AUDUBON chứ không phải Jean Jacques Odebon. Giọng đôi người Pháp, nhưng ông là người Mỹ sinh tại Louisiane năm 1780, chết tại New York năm 1851. Những sách của ông toàn là nghiên cứu về các giống chim và các giống thú, Có thể so sánh ông với nhà văn Pháp BUFFON.

★ Bạn Nguyễn.v.Hiệp 220/6c/5—Ng Tiểu La Chợ Lớn

Bài thơ của bạn viết theo « Sonnet d'Arvers » : *Algebre a son se-cre, Géométrie a son mystère v.v..* đọc vui lắm, nhưng rất tiếc còn nhiều lỗi, cần phải sửa lại Thơ, cũng như :

$$\cos p + \cos q = 2 \cos \frac{p+q}{2} \cos \frac{p-q}{2}$$

Chúc bạn lên Đại-học thành công.

★ Em Thanh-Cường — Sài Gòn.

Chị không thường theo dõi các kỳ xổ số nên đã để thất-lạc mất cả các số báo ấy. Rất tiếc. Thành thực cảm ơn thư em. Chúc em luôn khoẻ mạnh.

★ Bạn Tam-Trụ — Nha Trang.

● Tòa phạt « 1 đồng bạc danh-dự » là có ý nghĩa đền danh-dự bằng một đồng bạc TƯỢNG-TRUNG.

● Tặng chìa khóa thành-phố cho một chính khách ngoại quốc đến viếng nước mình, là có ý nghĩa tượng-trung đón tiếp niềm nở vị thượng khách, coi họ như hoàn toàn làm chủ thành phố của mình trong thời-gian họ viếng thăm.

Tục lệ này có từ hồi thời Đế-Quốc La-Mã.

● Các báo thường đăng tin « theo A.F.P », tức là Agence France Presse

★ Ông Trương-minh-Trọng — 28 Trần Quý Cáp Hội An.

Những bạc cũ Banque de L'Indochine đều không xài được nữa và không thể đổi được nữa.

● Ông Thế Phụng — Đại lộ Cộng Hòa — Cholon.

Bài thơ « Đánh cờ người » của Hồ-xuân-Hương thuộc về loại thơ « Tứ tuyệt liên ngâm », nhưng nếu có những câu thiếu chữ hoặc dư chữ là vì người ta chép lại theo lời truyền miệng chứ chưa chắc đã đúng theo nguyên văn của tác giả.

Về câu đối của Bà Đoàn-thị-Điễm ra cho ông Cố Quỳnh : « Song là cửa sổ, hai người ngồi bên cửa sổ song song » cũng chỉ là một giai thoại truyền khẩu mà thôi, hình như không có câu đối lại.

✧ Em Trần - tấn - Lộc — Yersin — Sài Gòn.

Mắt em bị viêm-thị, nên đến bác-sĩ, hoặc tiệm bán kính thuốc.

✧ Ông Đình huyền Lan — Saigon.

Cấp bằng của ông bị đánh mất, nhưng nếu ông còn chứng chỉ bằng ấy, ông nên đến Bộ Giáo-Dục thử xin cấp bằng mới có được không.

✧ Ông Nguyễn-tấn-Đỏm — Saigon.

Ông nên đến Bộ Kinh-tế hỏi những chi tiết về vấn đề của ông được đầy đủ và rõ ràng hơn.

● Ô M Đ — Mỹ-Tho

Ngồi trong chiếc xe chạy thật nhanh, cầm một vật nhỏ bỏ rơi xuống sàn xe mà vật ấy cứ rơi kéo về phía sau chứ không rơi theo chiều thẳng đứng, vì vật ấy luôn luôn rơi ngược lại chiều tiến (force rétrograde) để giữ đứng theo trọng-tâm của nó.

✧ Một độc giả ở Tân-Bình.

— Cải thiện mức sống của dân chúng = Améliorer le standard de vie du peuple,

— Tăng gia sản xuất : Augmenter la production.

— Năng xuất : Capacité productive,

— Chương trình : plan (để thực hành)

— Kế hoạch : projet (để nghiên cứu)

— Chính sách : politique.

— Chế độ : régime.

● Ô. Chung Ái KBC : 6093.

Câu thơ : « Đầy voi giọt lệ nước sông Hương » là ở trong bài thơ của ông Thượng Tân Thị làm thay lời vợ Vua Thành Thái gửi cho nhà Vua bị đầy : « Chồng hời chồng, con hời con »

• • • • •
• Khô héo buồng gan cây đĩnh Ngự,

• Đầy voi giọt lệ nước sông Hương »...

Có ý nói : buồn nhớ, giọt lệ lúc đầy lúc vơi, như nước sông Hương, và gan ruột héo hon như cây trên núi Ngự.

✧ Cô Maria Đ. P. — Huế.

Rất tiếc, chúng tôi không nhớ rõ địa-chỉ của Linh-mục Vũ-đ-Trình. Thành thật cảm ơn thư cô.

✧ Ô. Hà-văn-Phúc — Ninh Hòa.

● Người ta thường gọi « Đạo không », nhưng chữ « Đạo » đây không phải là một tôn-giáo, theo nghĩa thông-dụng của nó. « Đạo » Không chỉ là một hệ-thống luân-lý và triết-lý của Trung-quốc, một đường lối xử-thế, một nguyên-tắc luân-lý xã-hội và chính-trị, được dùng làm mục-thước trong việc « tề-gia, trị quốc, bình thiên hạ » của phái Nho-học Tàu. Không-tử là một nhà hiền-triết, chứ không phải một vị Chúa, hay một vị Thánh.

● Trong câu thơ « Dừng chân đứng lại, trời, non, nước », của Bà Huyện Thanh-Quan, hai chữ « đứng lại » là thừa, như ông nhận-xét rất đúng. Đã « dừng chân », thì tất nhiên là « đứng lại » rồi. Nhưng nguyên-văn của tác-giả như thế, thì ta cứ để như thế, không được phép sửa chữa. Kể ra bài thơ đó còn nhiều chỗ đáng chỉ-trích, và cũng đã có nhiều nhà phê-bình văn-học chỉ-trích rồi, thí dụ như :

— « Bước đến Đèo Ngang bóng xế tà ». Xế, tức là tà, đã nói bóng xế, thì không cần phải nói tà nữa.

— “ Lác-dác bên sông, chợ mầy nhà ”. Chữ nhà ở đây không chính. Vì không ai nói : « mầy nhà chợ » bao giờ. Còn nếu nói « chợ với nhà » (mầy = với), thì chữ « mầy » không được thích-hợp với lời văn.

— “ Thương nhà mỗi miệng cái da-da ”. Con da-da (?) không bao giờ kêu “ mỗi miệng ”. Và lại không ai nói : cái « miệng » của chim. Nếu là con “ da da », hoặc « gia - gia » thì nó là con chim gì, không ai biết. Theo nhận xét hẹp-hòi của chúng tôi, bài thơ trên kia của Bà Huyện Thanh Quan không đáng cho vào sách giáo-khoa làm văn thơ kiểu mẫu cho học trò học.

★ Ô. Lê nguyên Phi, CATECKA, Pleiku.

« Nước Nam có bốn anh hùng, Trường gian, Viêm lảo, Khiêm khùng, Thuyết ngu »

VIÊM : (chứ không phải Diêm), là Hoàng-kế-Viêm.

KHIÊM : là Ông-Ích-Khiêm. (Họ “ Ông », chứ không phải “ ông » là ông.. bà)

★ Bạn Hoàn-Kiểm, Ecole Pellerin, Huế.

Herbert Von Karajow, là một nhạc sĩ lỗi-lạc của nước Đức hiện nay.

★ Trung sĩ Vòng Mậu Quay k. b. c 4.300.

Ánh nắng của mặt trời : La lumière du soleil

Ánh sáng của mặt trăng : La clarté de la lune.

★ Ông H. N. Quảng Trị.

● “ Truất vua không KHẢ, đào mả không BÀI ” : Ông Ngô đình KHẢ, Triều-thần Huế, phản đối việc truất phế vua Thành Thái ; ông Nguyễn hữu BÀI, phản đối việc đào mả vua Tự Đức để lấy vàng ngọc châu báu, do viên khâm-sứ Huế chủ-trương, cũng dưới thời Thành Thái.

● Bức thành cổ kính ở Huế, cũng như tất cả các thành trì các tỉnh miền Trung (như Bình Định, Quảng Ngãi, v.v..) do các sĩ quan

Pháp giúp việc cho Vua Gia long xây cất theo kiểu bản đồ của nhà kỹ sư Pháp Marquis de VAUBAN.

● ● Đức Thành-Thái là con của Vua Dục-Đức, và cháu nội của Thoại-Thất-Vương. Thoại-Thất-Vương là con thứ 4 của Vua Thiệu-Trị, Kiên-Thất-Vương là con thứ 26 của Thiệu-Trị, và phụ-vương của 3 Vua : Đồng-Khánh, Kiến-Phước, Hàm-Nghi.



Xin lưu-ý về thể-lệ các bài đăng báo

● Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp chí Phò-Thông không chịu trách nhiệm về những bài của các tác giả khác.

Theo luật chung của tất cả các báo và các tạp chí trên Thế-giới, những bài đăng trong một báo nào đều do TRÁCH NHIỆM TINH THẦN RIÊNG CỦA TÁC GIẢ BÀI ẤY.

Những bài của các bạn ký giả, Văn-nhân Thi-sĩ đăng trong tạp-chí Phò-Thông đều có mục-đích mở rộng diễn đàn chung cho sự phát biểu tư tưởng, nhưng đó không có nghĩa là Chủ-nhiệm Tạp chí Phò-Thông cũng đồng ý với những quan điểm của các tác giả.

● Vì vậy tất cả những bài đăng trong Tạp-chí Phò-Thông được lựa chọn kỹ-càng, và được đăng tùy theo giá-trị của bài, mặc dầu người chủ-trương tạp-chí Phò-Thông không tán thành một vài quan-điểm.

● Chúng tôi lại yêu-cầu các bạn gửi bài đến Phò-Thông dù là một bài thơ, thì đừng gửi đến các báo khác. để tránh sự đăng trùng. Bài đăng được, hay không đăng, chúng tôi xin miễn trả lời riêng. Vì bài nhiều quá, nếu phải trả lời trên báo thì mỗi kỳ mất vài trang không ích gì cho toàn thể bạn đọc. Xin các bạn thông cảm cho. Thành thực cảm tạ.

PHÒ-THÔNG

★ Cùng các bạn hỏi mua các Số Phổ-Thông cũ.

Chúng tôi đã gửi báo đến quý bạn sau đây :

— Bác sĩ Hoàng.Khiêm
Bệnh-viện, Di-Linh — Lâm-
Đông.

— Thiếu úy Trần -
Phong-Sách K.b.c. : 4.426.

— Đông y-sĩ Nguyễn-
hữu-AN

18, Thành.Thái—Long-xuyên

— Ô. Nguyễn-văn.Thiết
Tiểu-khu 10/17 đại-lộ Cộng-
hòa — Saigon.

— Ô. Nguyễn-lam-Hồ
180, Trưng - nữ-Vương —
Đà-nẵng.

— Hăng rượu Mậu.Kỹ
Hộp-thư số 19 — Bạc-Liêu,

— Ô. Võ-huệ.Tâm
72A, Hùng - Vương Định-
Trương.

— Ô. Phạm-tấn.Khoa
Xã Phước-Lý — Cần-Giוע.

— Trung - sĩ Trương-
Thắm
K. b. c. : 4.884

— Ô. Phạm-văn.Kiểm
38, Tôn-Đản — Khánh-Hội
Saigon

— Bà Phạm-thị-tuyết.
Ngọc.
5, Tô-hiến-Thành — Huế.

— Cô Trần-thanh.Nga
71/3 Phạm - hồng - Thái —
Vĩnh-Bình.

— Trung-sĩ Võ-văn-Tự
K. b. c. 4.805

— Ô. Ngô-Điêu
Hý-viện Tân-Châu
84, Phan-bội-Châu Qui-nhơn.

★
Riêng các bạn ở Saigon —
Chợ-lớn chúng tôi đã cho người
mang đến tận nhà theo các địa
chỉ sau đây :

— Thượng - sĩ Phạm-
văn-Đại

Chỉ huy tiểu đội tai-nạn lưu-
thông Đô-thành.

— Trại Hiến-Binh Lý-thái-
Tổ — Saigon

— Giáo - sư Nguyễn-
hồng-Dzang.

358/5 Lê-văn-Duyệt—Saigon.

— Ô. Trần-văn-Bôn
528/76, Phan-thanh-Giản —
Saigon,

— Ô. Quân
27, Nguyễn-an-Ninh—Saigon

— Bạn Nguyễn-hoàng.
Châu

Đệ-Nhị B¹ trường Phan-Sào.
Nam 141, Trần - quý - Cáp —
Saigon

— Ô. Nguyễn-trí-Dũng
243, Sư Vạn-Hạnh—Chợlớn.

— Ô. Vương-Tài
27, Học-Lạc — Cholon

★
Các bạn còn thiếu các số cũ (từ
1 đến 33) muốn mua, xin gửi
tem bưu điện đến tòa soạn (mỗi
số 10\$). Chúng tôi sẽ gửi báo
bằng bảo-đảm đến quý bạn.



HOANG-VU

THƠ

CỦA NGUYỄN - VỸ

với 2 bản dịch : — thành THƠ PHÁP-NGŨ :

★ SOLITUDE

(Version française)

do TÁC-GIẢ

— thành THƠ ANH-NGŨ :

★ LONELINESS

(English version)

do giáo-Sư

ĐẶNG-CÔNG-THẮNG



Nhà xuất bản DÂN-TA

XỔ SỐ KIẾN-THIỆT

LOẠI ĐẶC - BIỆT

Thanh-niên bảo-vệ hương-thôn



Phát - hành 4 kỳ :

Loại I mở ngày 10-5-1960

— II — 24-5-1960

— III — 7-6-1960

— IV — 21-6-1960

Mỗi vé giá 10⁰

K. D. số 253 — Saigon, ngày 13-6-1960

in tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon

Quản nhiệm NGUYỄN-VỸ



● Cấm, hay không cấm ?

(Của bạn Anh-Thị, Sinh Viên C.Đ.Đ.H. Saigon)

— Tôi thấy phần đông các báo đều dùng sai những chữ «*cấm*», «*tránh*», cho đến «*báo đứng đắn*» nhứt, với nhiều «*cây viết tên tuổi*» mà còn phạm lỗi này thay (theo lời nhiều báo quảng-cáo).

1) «*CẤM*» được dùng với động từ xác định. Ví dụ : CẤM ĐI. Nhiều báo, (luôn cả nghị-định của bộ Q.G.G.D.) có viết :

«*CẤM* » KHÔNG ĐƯỢC THI (về vụ thí sinh gian-lận).

Tại sao thế ? Đã «*cấm*» mà thêm «*không*» tức là «*KHÔNG CẤM*» ! Có khác nào tiếng Pháp viết sai : «*Défense de ne pas fumer* » !

2) «*TRÁNH*» (cùng luận điệu với *cấm*). Thí dụ : «*Tránh có con*».

Còn «*Tránh đừng có con*» (Tiểu Mai của bà T.L.) tức nhiên muốn có con.

3) «*TỪ CHỐI*», vân...vân... Và nhiều lỗi trong tự hăng ngày tôi gặp trên mặt báo (đọc kỹ mới biết những lỗi này, nhứt là trong những truyện dài do các «*cây viết tên tuổi*»).

Cô nghĩ thế nào về những nhận xét văn-phạm trong Việt-ngữ. Và ta có nên hay không nên chú trọng khi viết bài trên sách báo để tránh những lỗi xoàn này ?

Xin cô cho biết ý kiến.

— Chúng tôi hoàn-toàn đồng-ý với bạn.

★ Văn - đề mô phạm ở học - đường.

(Của Ông Nguyễn-hùng-Vân và hội phụ huynh học sinh trường tư thục S. N. Duy-xuyên, Quảng-Nam)

(Xem tiếp trang 119)